



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

Con số SỰ KIỆN

ISSN 0866-7322

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 59 - KỲ I - 7/2020



**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỔNG CỤC THỐNG KÊ
LẦN THỨ XXVI, NHIỆM KỲ 2020-2025
THÀNH CÔNG RỰC RỠ**



**PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI:
VIỆT NAM CHỦ ĐỘNG ĐỐI PHÓ TẠI THỊ TRƯỜNG
XUẤT KHẨU VÀ BẢO VỆ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**



**KINH TẾ TOÀN CẦU
KỲ VỌNG PHỤC HỒI HẬU COVID-19**



**THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI
TỈNH PHÚ THỌ**

TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THCS TÂN SƠN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TOÀN DIỆN

Là trường chuyên biệt với nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực là người dân tộc thiểu số cho địa phương, Trường PT DTNT THCS huyện Tân Sơn luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của UBND huyện, Phòng GD&ĐT huyện Tân Sơn, sự định hướng giúp đỡ của Sở GD&ĐT Phú Thọ. Đáp lại sự tin tưởng đó, các thầy, cô giáo của Trường nỗ lực thi đua tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển toàn diện, các thế hệ học sinh chăm chỉ học tập, rèn đức, luyện tài để chuẩn bị những hành trang quan trọng cho chặng đường lập nghiệp trong tương lai.

Trường PT DTNT THCS huyện Tân Sơn được thành lập vào tháng 11/2008. Ban đầu, Trường trực thuộc Sở GD&ĐT Phú Thọ, đến nay Trường đã được bàn giao cho UBND huyện Tân Sơn quản lý và trực thuộc Phòng GD&ĐT Huyện. Những năm học gần đây, Trường không ngừng phát triển lớn mạnh, luôn duy trì quy mô 8 lớp học với 270 học sinh, chất lượng đào tạo nằm trong top đầu khối các trường THCS trên địa bàn Huyện. Đặc biệt, trong năm học 2017 – 2018 và năm học 2018 – 2019, Trường luôn duy trì tỷ lệ học sinh chuyển lớp thẳng đạt 100%, tỷ lệ học sinh lớp 9 tốt nghiệp đạt 100%, không có học sinh bỏ học. Tỷ lệ xếp loại hạnh kiểm khá và tốt đều đạt 98% và không có hạnh kiểm yếu, tỷ lệ học sinh đạt khá giỏi các năm cũng trên 51%. Về chất lượng mũi nhọn, mỗi năm Trường bình quân có 50 học sinh được công nhận học sinh giỏi các môn văn hóa cấp huyện. Tại các cuộc thi cấp tỉnh bao gồm: Kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, hội thi, hội diễn, hội khỏe Phù Đổng... Trường vẫn duy trì 15 giải, trong đó riêng năm học 2018-2019, Trường có 01 huy chương vàng, 02 huy chương bạc môn điền kinh cấp tỉnh, 05 huy chương vàng môn bóng đá cúp truyền hình tỉnh Phú Thọ, 01 giải cuộc thi KHKH cấp tỉnh.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm là không ngừng nâng cao chất lượng

dạy học, Trường PT DTNT THCS huyện Tân Sơn đã chú trọng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Đội ngũ giáo viên không ngừng tự học hỏi, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy. Các năm học gần đây, Trường đã có 5 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp huyện và 2 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp tỉnh. Bên cạnh đó, Trường đã chỉ đạo các tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên rà soát sắp xếp lại chương trình theo hướng tinh giản nội dung trùng lặp, bổ sung kiến thức mới, xây dựng các chủ đề dạy học trong mỗi môn học và các chủ đề tích hợp, liên môn, chú trọng giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc, áp dụng phương pháp dạy học tích cực...

Không bó hẹp trong phạm vi các bài giảng trên lớp, Trường PT DTNT THCS huyện Tân Sơn còn tổ chức hoạt động ngoại khóa đa dạng như: trồng rau, sinh hoạt văn nghệ, thể thao (thông qua các câu lạc bộ hát Xoan, câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, cầu lông)... thu hút đông đảo học sinh tham gia, tạo sân chơi bổ ích, lành mạnh giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống. Hằng năm, Trường cũng phối hợp với các đơn vị trong Huyện tổ chức tuyên truyền giáo dục về an toàn giao thông, an toàn học đường, giáo dục về giới tính; phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức cho học sinh tham gia trải nghiệm vào dịp hè

tại khu di tích quê nội, quê ngoại Bác Hồ ở tỉnh Nghệ An, khu di tích Lam Kinh ở tỉnh Thanh Hóa, khu di tích cây Đa Tân Trào tỉnh Tuyên Quang...

Với đặc thù là trường nội trú (các em ăn học tại trường suốt cả năm học), Trường được Huyện quan tâm cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất ngày một khang trang, đặc biệt là khu vực phục vụ nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh. Cụ thể, Trường được xây dựng đầy đủ các công trình từ khu nhà ở học sinh (nam, nữ riêng), nhà ăn, trang bị hệ thống tủ, bếp, nguồn nước sạch... Bên cạnh đó, Ban Giám hiệu nhà trường rất coi trọng công tác quản sinh trong khu ký túc và ngoài giờ học. Thông qua việc phân công cán bộ, giáo viên phụ trách theo sát nắm bắt hoạt động của các em tại khu ký túc, từ đó nhà trường có sự định hướng giúp các em rèn luyện tính tự giác, tự lập, hình thành nếp sống lành mạnh, đoàn kết, thân ái.

Với những thành tích đã đạt được, Trường được công nhận đạt trường chuẩn quốc gia vào năm học 2015 – 2016. Nhiều năm liền Trường được UBND tỉnh Phú Thọ tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. Đây là động lực để cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường tiếp tục phấn đấu làm nên nhiều thành tích hơn góp phần vào sự phát triển chung của ngành giáo dục Tân Sơn./.

Trịnh Long

*Trường PT DTNT THCS huyện Tân Sơn
được xây dựng khang trang, xanh sạch đẹp*



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỔNG CỤC THỐNG KÊ LẦN THỨ XXVI, NHIỆM KỲ 2020-2025 THÀNH CÔNG RỰC RỠ



Thực hiện Kế hoạch số 20-KH/ĐUTCTK ngày 03/3/2020 của Đảng ủy Tổng cục Thống kê (TCTK) về việc tổ chức Đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ TCTK; được sự đồng ý của Đảng ủy cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT), ngày 30/6/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ TCTK đã long trọng tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng cục Thống kê lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

Đại hội diễn ra 2 phiên: Phiên trừ bị và Phiên chính thức. Phiên trừ bị đã thực hiện một số nội dung chuẩn bị cho Phiên chính thức như: Thông qua quy chế Đại hội; Bầu đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội; Quy chế bầu cử trong Đảng;

Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; Các công tác chuẩn bị cho bầu cử Ban Chấp hành nhiệm kỳ 2020-2025...

Đại hội đã vinh dự được đón tiếp đồng chí Nguyễn Văn Trung, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT); đồng chí Mai Ngọc Bích, Phó Bí thư thường trực Đảng ủy Bộ KH&ĐT; đồng chí Đào Thị Thu Hiền, Phụ trách Ủy ban Kiểm tra, Chánh văn phòng Đảng ủy Bộ KH&ĐT; các đồng chí lãnh đạo TCTK, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ TCTK khóa XXV; đại diện Công đoàn, Đoàn thanh niên, cùng 119 đảng viên ưu tú đại diện cho 233 đảng viên đến từ các chi bộ

và Đảng bộ bộ phận trực thuộc Đảng bộ TCTK.

Tại Đại hội, các đại biểu đã được nghe Báo cáo Chính trị Đại hội do đồng chí Phạm Quang Vinh, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng cục trưởng trình bày, trong đó nêu rõ: Nhiệm kỳ qua, Đảng bộ TCTK luôn quán triệt việc thực hiện nhiệm vụ chính trị là trọng tâm và mang tính chất quyết định trong mọi hoạt động của Đảng bộ. Đảng ủy đã tích cực tham gia với Lãnh đạo Tổng cục trong việc chỉ đạo và lãnh đạo toàn Đảng bộ và cơ quan nắm bắt kịp thời diễn biến tình hình kinh tế - xã hội của cả nước, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Trên cơ sở đó tổ chức

thu thập số liệu và cung cấp thông tin thống kê kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực, khách quan, phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước...

Tiếp đó, đồng chí Nguyễn Văn Tuyên, Phó Bí thư Đảng ủy, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đã trình bày trước Đại hội Báo cáo Kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ TCTK. Các đại biểu được nghe tham luận của một số Chi bộ như: Chi bộ Vụ Thống kê Dân số và Lao động tham luận về nội dung Lãnh đạo thực hiện công tác chính trị, chuyên môn; Chi bộ Vụ Thống kê Nông Lâm nghiệp và Thủy sản tham luận về Công tác kiểm tra, giám sát, phát triển Đảng; Chi bộ Vụ Kế hoạch Tài chính tham luận về nội dung liên quan đến Lãnh đạo công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và công tác đoàn thể.

Phát biểu tại Đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Trung, Bí thư Đảng ủy, Thứ trưởng Bộ KH&ĐT đã biểu dương và đánh giá cao những thành tựu đã đạt được của Đảng bộ TCTK cả về công tác Đảng, công tác chính trị, chuyên môn trong nhiệm kỳ vừa qua. Đồng chí đề nghị Đảng bộ TCTK tiếp tục giữ vững truyền thống tốt đẹp, tiếp tục là đơn vị tiên phong của Bộ KH&ĐT, phát huy kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2020-2025, thực hiện mục tiêu phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong điều kiện yêu cầu công việc ngày càng cao.

Đại hội đã thực hiện bầu Ban Chấp hành Đảng bộ TCTK khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 14 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Thị Hương, Phó Tổng cục trưởng phụ trách được tín nhiệm bầu làm Bí thư Đảng ủy TCTK khóa XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025. Đại hội cũng bầu ra 33 đại biểu chính thức và 7 đại biểu dự khuyết tham dự Đại hội Đại biểu Đảng bộ Bộ KH&ĐT nhiệm kỳ 2020-2025.

Tại Đại hội, các đại biểu đã thảo luận và thông qua Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025 với các nội dung trọng tâm: (1) Thống nhất đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2015-2020 của Đảng bộ; (2) Thông qua phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2020-2025; (3) Nhất trí các kết quả bầu cử.

Với tinh thần làm việc tập trung, nghiêm túc, trách nhiệm của các đại biểu. Đại hội đại biểu Đảng bộ TCTK lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã thành công rực rỡ. Sự thành công của Đại hội đã góp phần khẳng định: Với tinh thần kế thừa, ổn định, đổi mới, sáng tạo và phát triển, toàn thể đảng viên, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan TCTK sẽ đoàn kết nhất trí nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác chuyên môn thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ TCTK lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025./.

Thu Hiền

HỢP TIỂU BAN KẾ HOẠCH VÀ ĐIỀU PHỐI HỆ THỐNG THỐNG KÊ CỘNG ĐỒNG ASEAN

Sáng ngày 26/6/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức họp trực tuyến lần 2 phiên họp lần thứ 19 của Tiểu ban Kế hoạch và Điều phối Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN (SCPC19). Trong vai trò là Chủ tịch ASEAN về Thống kê năm 2020, ông Phạm Quang Vinh - Phó Tổng cục trưởng phụ trách ASEAN đã chủ trì cuộc họp với sự tham dự của Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế thuộc TCTK, đại diện các quốc gia thành viên ASEAN và đại diện Ban Thư ký ASEAN.

Phát biểu tại buổi họp, Phó Tổng cục trưởng Phạm Quang Vinh đã nhấn mạnh sự tin tưởng các thành viên tham gia sẽ cùng nhau hợp tác tích cực, thảo luận các đề mục của chương trình nghị sự và đạt được các giải pháp hiệu quả. Đồng thời ông Phạm Quang Vinh thể hiện mong muốn các thành viên tham gia buổi họp sẽ có những bình luận mang tính xây dựng cao cho sự thành công của cuộc họp trực tuyến SCPC19 lần thứ 2 này.

Trong Phiên họp SCPC19 trực tuyến lần thứ 2, các đại biểu tập trung thảo luận chuyên sâu về một số vấn đề, cụ thể: Dự kiến trong Hội nghị ACSS10, Thống kê Việt Nam với vai trò là chủ tịch hiện tại của Ủy ban ACSS cần chuẩn bị chủ đề và các diễn văn, báo cáo chính; trình bày kết quả cuộc họp lần thứ 10 của Ủy ban toàn thể về Cộng đồng kinh tế ASEAN được tổ chức vào tháng 1/2020. Các sản phẩm đồ họa thông tin (infographics) và đồ họa chuyển động (video graphics) phục vụ ACSS10 sẽ được gửi trước tháng 10 sau khi đã được Nhóm công tác chia sẻ, phân tích, phổ biến và truyền thông thống kê các nước ASEAN (WGDSA) xác nhận. Các chủ đề Thông cáo báo chí chính dự kiến được thực hiện gồm có: Kỷ niệm 10 năm thành lập ACSS; Các thành tựu chính của Chương trình làm việc 2020; Thành tựu quan trọng ở cấp quốc gia; Tình hình đại dịch Covid-19... Trên cơ sở đó, Thống kê Việt Nam cùng các quốc gia thành viên tiếp tục chuẩn bị và thực hiện những nhiệm vụ cụ thể tiếp theo./.

P.V

HỌP BÁO CÔNG BỐ SỐ LIỆU THỐNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Ngày 29/6/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2020. Bà Nguyễn Thị Hương - Phó Tổng cục trưởng phụ trách TCTK chủ trì buổi họp báo.

Tham dự buổi họp báo có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc TCTK, các bộ, ngành và đông đảo cơ quan thông tấn báo chí.

Theo báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2020 của TCTK, tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2020 ước tính tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu suy thoái do ảnh hưởng của dịch Covid - 19, các nền kinh tế có mức tăng trưởng âm, thì mức tăng trưởng này là nền tảng vững chắc để kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng.

TCTK cho biết, trong mức tăng trưởng 1,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19%, đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,98%, đóng góp 73,14%; khu vực dịch vụ tăng 0,57%, đóng góp 14,97%. Động lực chính cho tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm là công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 4,96%) và các ngành dịch vụ thị trường (Bán buôn và bán lẻ tăng 4,3%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%).



Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,44%; khu vực dịch vụ chiếm 42,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,36% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 13,54%; 34,20%; 42,03%; 10,23%).

Báo cáo của TCTK cũng cho thấy, 6 tháng đầu năm, cả nước có hơn 62 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 697,1 nghìn tỷ đồng, trong đó, số doanh nghiệp thành lập mới trong tháng Sáu tiếp tục khởi sắc với 13,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 27,9% so với tháng trước. Bên cạnh đó, kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo cũng cho thấy các doanh nghiệp kỳ vọng tình hình sản xuất kinh doanh của quý III khả quan hơn quý II.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành 6 tháng

đầu năm ước tính đạt 850,3 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước và bằng 33% GDP. Đầu tư nước ngoài tính đến ngày 20/6/2020 thu hút 1.418 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt gần 8,5 tỷ USD, giảm 17,7% về số dự án và tăng 13,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2019.

Kim ngạch hàng hóa xuất 6 tháng đầu năm ước tính đạt 121,21 tỷ USD, giảm 1,1%; kim ngạch nhập khẩu đạt 117,17 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,19% so với bình quân cùng kỳ năm 2019. Trong đó, CPI khu vực thành thị tăng 3,76%, khu vực nông thôn tăng 4,61%. Lạm phát cơ bản 6 tháng đầu năm 2020 tăng 2,81% so với cùng kỳ năm 2019.

Tại buổi họp báo, lãnh đạo TCTK và lãnh đạo một số vụ nghiệp vụ đã trả lời thỏa đáng các câu hỏi của phóng viên./.

M.T

HỌP NHÓM CÔNG TÁC CHIA SẺ, PHÂN TÍCH, PHỔ BIẾN VÀ TRUYỀN THÔNG THỐNG KÊ LẦN THỨ 18 (WGDSA18)



Sáng ngày 22/6/2020, theo kế hoạch công tác năm 2020 của Hệ thống Thống kê cộng đồng ASEAN, với vai trò Chủ tịch ASEAN về Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã tổ chức Phiên họp lần thứ 18 của Nhóm công tác về Chia sẻ, phân tích, phổ biến và truyền thông thống kê, (WGDSA18). Chương trình họp nhóm

lần này được tổ chức trực tuyến thông qua hệ thống Google meeting với sự tham gia của các thành viên nhóm WGDSA các nước ASEAN và Cơ quan Thống kê ASEAN (ASEANstats).

Chương trình họp nhóm lần này thảo luận 5 nội dung chính: (1) Infographic và đồ họa chuyển động (Motion graphic): Thảo luận về chủ đề, chi tiết và nội dung của motion graphic, infographic cho ACSS10; (2) Đánh giá Dữ liệu mở của ACSS: Trình bày kết quả đánh giá Dữ liệu mở của các nước thành viên ASEAN và ASEANstats; (3) Khái niệm Dữ liệu lớn của ACSS: Trình bày dự thảo mới nhất về Khái niệm Dữ liệu lớn của ACSS; (4) Cập nhật Biểu mẫu thống nhất các chỉ tiêu thống kê ASEAN (ASI-CT): Trình bày thực trạng và kế hoạch ASI - CT; (5) Các vấn đề khác: Cập nhật Chính sách phổ biến thông tin thống kê; Kế hoạch về Khái niệm và Truyền thông Thống kê; Kế hoạch nhiều năm cho WGDSA; Kế hoạch về Khóa đào tạo vùng lần thứ 2 về Motion graphic; Kế hoạch về phổ biến thông tin đặc biệt của Tổng điều tra Dân số năm 2020; Kế hoạch và tổ chức WGDSA19./.

P.V

Sáng ngày 19/6/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê đã tổ chức Hội thảo Sửa đổi Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam. Ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê tham dự và chủ trì Hội thảo; tham dự Hội thảo có đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước; và một số đơn vị liên quan thuộc cơ quan Tổng cục Thống kê.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Nguyễn Trung Tiến cho biết, Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam (VCITS 2011) được ban hành theo Quyết định số 28/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực từ tháng 6/2018 (theo Luật Thống kê 2015). Vì vậy, để đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý, điều hành, phù hợp với các tiêu chuẩn thống kê thế giới, việc sửa đổi và ban hành Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam là rất cần thiết.

Hội thảo tập trung chuyên sâu vào các vấn đề về: Sự cần thiết phải sửa đổi Danh mục dịch vụ; Mục tiêu sửa đổi Danh mục; Nguyên tắc sửa đổi Danh mục; Bố cục, nội dung chính của Dự thảo

HỘI THẢO SỬA ĐỔI DANH MỤC DỊCH VỤ XUẤT, NHẬP KHẨU VIỆT NAM



Danh mục; Một số thay đổi trong Dự thảo danh mục sửa đổi; Vấn đề cần thống nhất. Theo đó, Dự thảo sửa đổi Danh mục dịch vụ nhằm phản ánh sự thay đổi về hoạt động xuất, nhập khẩu trong nền kinh tế Việt Nam; đồng thời nâng cao tính tương thích của Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam giữa các phiên bản và với các phân loại thống kê khác tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình sử dụng. Việc sửa đổi Danh mục cần đảm bảo các nguyên tắc về: Phản ánh đầy đủ với ngôn ngữ dễ hiểu; tính liên tục và tính so sánh quốc tế, giữa phiên bản cũ và phiên bản mới; thích hợp với điều kiện cụ thể

của nền kinh tế Việt Nam trong việc thu thập số liệu trong từng dịch vụ.

Tại Hội thảo, các đại biểu cũng đã tham gia đóng góp ý kiến về quy trình xây dựng, ban hành Dự thảo cũng như góp ý về nội dung Dự thảo, các khái niệm, chi tiết trong Phụ lục Dự thảo Danh mục. Cũng tại Hội nghị, ông Nguyễn Trung Tiến bày tỏ sự trân trọng, đánh giá cao sự hợp tác của Ngân hàng Nhà nước và các Bộ, ngành trong việc cung cấp thông tin, phối hợp để xây dựng và hoàn thiện Dự thảo trước khi trình lên Chính phủ./.

Thu Hiền

Chiều ngày 18/6/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Tổ chức Lao động quốc tế ILO tổ chức Hội thảo xin ý kiến về Danh mục nghề nghiệp Việt Nam. Đây là buổi Hội thảo trực tuyến với 03 điểm cầu: Hà Nội, Thụy Sĩ và Thái Lan. Bà Nguyễn Thị Hương, Phó Tổng cục trưởng phụ trách TCTK chủ trì và chỉ đạo Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có ông Nguyễn Ngọc Triệu, Trưởng bộ phận chương trình của ILO tại Việt Nam; đại diện lãnh đạo và chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; các bộ, ngành có liên quan; các chuyên gia trong nước và quốc tế.

Phát biểu khai mạc chỉ đạo Hội thảo, Phó Tổng cục trưởng phụ trách Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh, danh mục nghề nghiệp là một phân loại thống kê rất quan trọng, cần thiết cho hoạt động thống kê, phục vụ yêu cầu quản lý nói chung và công tác thống kê so sánh quốc tế về lĩnh vực nghề nghiệp nói riêng. Danh mục nghề nghiệp phản ánh tất cả các công việc trong hoạt động kinh tế - xã hội, là cơ sở cho việc mã hóa và xác định vị trí việc làm, phục vụ công tác thống kê về lao động, việc làm. Hiện nay, Việt Nam đang áp dụng danh mục nghề nghiệp năm 2008 được ban hành theo Quyết định số 1019/QĐ-TCTK ngày 12/11/2008 của Tổng cục trưởng TCTK cho ĐĐT Dân số và nhà ở năm 2009 và 2019 và cho công tác quản lý nói chung. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, danh mục này đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập: Chưa xác định được tiêu chí phân biệt rõ lao động có kỹ năng và lao động giản đơn; giải thích các nghề chưa rõ ràng, chính xác dẫn đến hiểu sai và đánh nhầm mã nghề; nhiều mã nghề chưa được chi tiết, gây khó khăn cho việc xét mã; nhiều từ ngữ sử dụng chưa thật sự chuẩn xác,

HỘI THẢO XIN Ý KIẾN VỀ DANH MỤC NGHỀ NGHIỆP VIỆT NAM



dẫn đến xét nhầm hoặc sai mã nghề. Để khắc phục những hạn chế, bất cập này, TCTK đã và đang tiến hành sửa đổi và dự kiến trình Thủ tướng chính phủ ban hành Danh mục nghề nghiệp Việt Nam năm 2020 (VSCO 2020).

Ông Nguyễn Ngọc Triệu, Trưởng bộ phận chương trình của ILO tại Việt Nam đánh giá cao những nỗ lực của TCTK trong quá trình sửa đổi Danh mục phân loại nghề nghiệp Việt Nam năm 2020 dựa trên danh mục nghề nghiệp Việt Nam năm 2008 và danh mục phân loại nghề nghiệp quốc tế. Ông cho rằng, bảng phân loại danh mục nghề nghiệp Việt Nam năm 2020 được cập nhật rất kịp thời và cần thiết. Đây sẽ là tham chiếu chung cho toàn bộ nền kinh tế, nhất là khi Việt Nam đang hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế khu vực và thế giới, phù hợp với xu thế chung về chủ trương cải cách hệ thống vị trí việc làm quốc gia.

Tại Hội thảo, đại diện TCTK đã giới thiệu sửa đổi danh mục nghề nghiệp Việt Nam 2020. Theo đó, mục đích sử dụng danh mục nghề nghiệp là sử dụng trong công tác thống kê, sắp xếp các công việc vào các nghề cụ thể; làm cơ sở cho việc xác định vị trí việc làm và trong công tác quản lý lao động. Danh mục nghề nghiệp Việt Nam 2020

được sửa đổi dựa trên nguyên tắc đảm bảo tính đầy đủ, tính kế thừa, tính khả thi, tính cập nhật và so sánh quốc tế. Từ những hạn chế của VSCO 2008, VSCO 2020 có một số điểm mới về nội dung: Phân biệt rõ hơn lao động kỹ năng và lao động không có kỹ năng; giải thích theo hướng bên cầu và chia theo ngành nghề chính và nghề khác có liên quan; bổ sung phần ví dụ và loại trừ; mở thêm mã cấp 5. Lộ trình thực hiện VSCO 2020 như sau: Quý I/2020, hội thảo để hoàn thiện; Quý II/2020, xin ý kiến Bộ, ngành; Quý III/2020, trình Thủ tướng Chính phủ.

Tại các đầu cầu trực tuyến, các chuyên gia quốc tế và đại diện TCTK cũng đã trình bày một số nội dung về các nguyên tắc xây dựng danh mục phân loại nghề nghiệp quốc gia từ góc độ quốc tế; vai trò của danh mục nghề nghiệp Việt Nam trong thông tin dịch vụ việc làm; danh mục nghề nghiệp Việt Nam áp dụng trong ĐĐT dân số và nhà ở.

Hội thảo cũng ghi nhận những chia sẻ và ý kiến đóng góp tích cực, hữu ích của các chuyên gia quốc tế cũng như các đại biểu tham dự, nhằm hướng tới một bảng phân loại nghề nghiệp phù hợp nhất, đảm bảo sự tương thích với các báo cáo cũng như so sánh quốc tế./.

Thu Hương

HỘI THẢO ĐỀ XUẤT KHUNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2050

Ngày 17/6/2020 tại Vĩnh Phúc, Tổng cục Thống kê đã tổ chức Hội thảo Đề xuất khung Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050. Hội thảo được triển khai trong khuôn khổ dự án Hiện đại hóa Thống kê Việt Nam do Viện Khoa học Thống kê thực hiện dưới sự hỗ trợ của Ngân hàng thế giới (WB). Ông Phạm Quang Vinh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chủ trì hội thảo.

Tham dự hội thảo có ông Obert Pimhidzai, chuyên gia kinh tế của WB; đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê, một số cục Thống kê địa phương; đại diện các Bộ, ngành liên quan.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Ông Phạm Quang Vinh cho biết: Ngày 18/10/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1803/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với mục tiêu Tổng quát đó là: Đưa Thống kê Việt Nam phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở hoàn thiện hệ thống tổ chức, bảo đảm đủ số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, áp dụng đồng bộ phương pháp thống kê tiên tiến và tăng cường sử dụng công nghệ hiện đại.

Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong 10 năm qua Tổng cục Thống kê đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tích cực triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần nâng cao năng lực, vị thế của ngành Thống kê.



Để tiếp tục hoàn thiện và phát triển Thống kê Việt Nam theo hướng Thống kê hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển của Thống kê khu vực và thế giới, Tổng cục Thống kê tiếp tục xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Tại hội thảo các đại biểu đã được nghe đại diện Viện Khoa học Thống kê trình bày dự thảo báo cáo đánh giá 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Theo báo cáo, 10 năm qua, Thống kê Việt Nam đã đạt được những mục tiêu cơ bản sau: (1) Khung pháp lý được hoàn thiện; (2) Cơ cấu tổ chức được đổi mới và hoàn thiện; (3) Chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao (93,39% công chức, viên chức có trình độ từ đại học trở lên, tăng 26 điểm % so với năm 2010); (4) Áp dụng phương pháp thống kê hiện đại; (5) Ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác thống kê; (6) Hệ thống thông tin thống kê thống nhất và thông suốt; (7) Chất lượng thông tin ngày càng cao; (8) Năng lực của thống kê Việt Nam được nâng lên: Chỉ số năng lực thống kê năm 2019 của Việt Nam đạt 78,89 điểm, tăng 14,44 điểm so với năm 2010, xếp thứ 19 trong tổng số 145 nước (tăng 12 bậc so với năm 2010)...

Mặc dù vậy, ngành Thống kê cũng còn một số hạn chế nhất định ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển. Chính vì vậy nội dung chính của Hội thảo là trình bày Đề xuất Khung Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 nhằm thu thập những ý kiến đóng góp của các bộ ngành và người sử dụng thông tin thống kê vào việc hoàn thiện khung chiến lược phát triển thống kê Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tại hội thảo, các đại biểu đã được chia sẻ thảo luận các chủ đề: Tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể của Chiến lược Thống kê 2021-2030; Nhu cầu thông tin thống kê trong vòng 10 năm tới; Kỳ vọng từ hệ thống thống kê nhà nước. Hội thảo đã nhận được nhiều ý kiến, quan điểm đóng góp giá trị và tích cực

Phát biểu bế mạc Hội thảo, Ông Phạm Quang Vinh khẳng định: Đây là hội thảo rất cần thiết và vô cùng quan trọng. Ông đánh giá cao các bài trình bày, sự tham gia đóng góp ý kiến nhiệt tình và có trách nhiệm của các đại biểu. Đây là những thông tin quý giá giúp Tổng cục Thống kê có cơ sở để Xây dựng Khung Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050./.

Khánh Huyền

HỘI THẢO CHIA SẺ DỮ LIỆU VÀ HỢP TÁC LIÊN NGÀNH PHỤC VỤ CÔNG TÁC GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG SỐ 2 TẠI VIỆT NAM

Sáng 18/6/2020, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Trung tâm Nông nghiệp nhiệt đới quốc tế (CIAT) tổ chức Hội thảo Chia sẻ dữ liệu và hợp tác liên ngành phục vụ công tác giám sát và đánh giá Mục tiêu phát triển bền vững số 2 tại Việt Nam.

Tham dự và chủ trì Hội thảo có ông Phạm Quang Vinh, Phó Tổng cục trưởng TCTK và ông Lê Đức Thịnh, Cục trưởng Cục Kinh tế hợp tác, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Tham dự Hội thảo có đại diện Đại học Michigan, Hoa Kỳ; đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc TCTK, một số trường đại học, các tổ chức liên quan. Hội thảo cũng được kết nối trực tuyến với sự tham gia của các chuyên gia thuộc trường Đại học Michigan, Hoa Kỳ.

Tại Hội thảo, các đại biểu được nghe trình bày về: Vai trò của TCTK trong việc giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam; Bộ chỉ tiêu thống kê thực hiện giám sát, đánh giá chỉ tiêu phát triển bền vững số 2 tại Việt Nam do TCTK giới thiệu. Phần Giới thiệu Tổng quan các mục tiêu của Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói” tại Việt Nam và nội dung hoạt động năm 2020 có liên quan đến dữ liệu phục vụ Mục tiêu phát triển bền vững số 2; Kết quả dự án “Đòn bẩy thúc đẩy quá trình chuyển đổi hướng tới chế độ ăn bền vững”, do các đơn vị liên quan trình bày.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Phạm Quang Vinh, Phó Tổng cục trưởng TCTK cho biết, với vai trò chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan trong thu thập, tổng hợp,



biên soạn các chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam, thời gian qua TCTK đã nỗ lực trong việc hoàn thiện phương pháp luận, biên soạn, tổng hợp, kết nối dữ liệu của các cuộc điều tra, dữ liệu hành chính cũng như nguồn dữ liệu mới như Big data, dữ liệu từ quan sát trái đất... Tuy nhiên, để có thể hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu theo Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT quy định Bộ Chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam thì việc thực hiện biên soạn các chỉ tiêu phát triển bền vững thuộc mục tiêu số 2 nói riêng và các chỉ tiêu phát triển bền vững nói chung rất cần có sự phối hợp về nguồn lực của các Bộ, ngành, các đơn vị nghiên cứu, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, bởi đây là yếu tố rất quan trọng để có được đầy đủ các số liệu, biên soạn đầy đủ các chỉ tiêu theo đúng phương pháp luận để phục vụ giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững... Chính vì vậy, với Hội thảo này Ông hy vọng các đại biểu, đại diện các bộ,

ngành sẽ cùng thảo luận, chia sẻ và đề xuất các ý tưởng cho hợp tác đa ngành nhằm tận dụng nguồn dữ liệu hiện có để đi đến thống nhất, đảm bảo nguồn thông tin có tính so sánh quốc tế, phục vụ công tác đánh giá, giám sát các chỉ tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam.

Đồng quan điểm với TCTK, ông Lê Đức Thịnh, Cục trưởng Cục Kinh tế Hợp tác, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khẳng định sự cần thiết trong việc kết nối chặt chẽ giữa các đơn vị để có thể hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ mà Chính phủ đã giao. Ông cũng tin tưởng rằng với sự kết nối đó, nhất định chúng ta sẽ nhận được những kết quả tích cực.

Hội thảo cũng đã dành thời gian thảo luận với các chủ đề: Cơ hội hợp tác liên ngành tập trung vào hệ thống thực phẩm bền vững (chia sẻ những vấn đề về số liệu); Các vấn đề còn tồn tại trong nghiên cứu và dữ liệu có liên quan tới hệ thống thực phẩm bền vững, làm thế nào để xác định các dữ liệu/số liệu có thể sử dụng được; Các công cụ/nền tảng hiện có phục vụ công tác giám sát và đánh giá Mục tiêu phát triển bền vững số 2 tại Việt Nam và/hoặc các quốc gia trong khu vực./.

P.V

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA NÔNG THÔN NÔNG NGHIỆP GIỮA KỲ NĂM 2020

Điều tra Nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020 là cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

Mục đích điều tra

Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 1/7/2020 (viết gọn là ĐTNNGK 2020) thu thập thông tin cơ bản về nông thôn và sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là nông nghiệp) nhằm đáp ứng ba mục đích chính sau:

Thứ nhất, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phân tích và dự báo tình hình phát triển nông thôn, nông nghiệp trên phạm vi cả nước và từng địa phương;

Thứ hai, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nông thôn, nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025; phục vụ giám sát các mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực nông thôn, nông nghiệp của Việt Nam và thực hiện so sánh quốc tế;

Thứ ba, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về nông thôn và nông nghiệp; xây dựng dần chọn mẫu cho một số cuộc điều tra trong lĩnh vực nông nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.

Phạm vi điều tra

Cuộc ĐTNNGK 2020 tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là tỉnh) đối với các hộ mẫu

có hoạt động sản xuất nông nghiệp; toàn bộ trang trại, UBND xã.

Đối tượng điều tra và Đơn vị điều tra

Đối tượng điều tra bao gồm: Lao động của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp và trang trại; Điều kiện sản xuất của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp; Điều kiện và kết quả sản xuất của trang trại; Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; Điều kiện sống của cư dân nông thôn.

Đơn vị điều tra bao gồm: Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp; Trang trại; UBND xã.

Nội dung điều tra

Cuộc điều tra tập trung vào 3 nhóm thông tin lớn sau:

(i) *Thông tin thực trạng sản xuất nông nghiệp*

- Đơn vị sản xuất: Số lượng đơn vị (hộ, trang trại); ngành sản xuất chính của hộ; loại trang trại; nguồn thu nhập lớn nhất của hộ; quy mô thu nhập của hộ từ sản xuất nông nghiệp;

- Lao động: Giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn kỹ thuật, việc làm (theo hoạt động, ngành sản xuất), hình thức làm việc (tự làm; nhận tiền công, tiền lương);

- Đất nông nghiệp và diện tích sản xuất nông nghiệp: Diện tích đất sử dụng theo loại đất, hiện trạng pháp lý của đất sản xuất nông nghiệp (quyền sử dụng đất,

thuê, mượn); diện tích gieo trồng một số cây hàng năm chủ yếu; diện tích hiện có của một số cây lâu năm chủ yếu; diện tích cây trồng nông nghiệp được tưới tiêu chủ động; diện tích nuôi trồng thủy sản phân theo loại mặt nước (mặn, lợ, ngọt), nhóm thủy sản, phương thức nuôi;

- Số lượng gia súc, gia cầm chủ yếu;

- Số lượng và công suất máy móc thiết bị chủ yếu dùng cho sản xuất nông nghiệp;

- Thông tin về hoạt động trợ giúp cho sản xuất nông nghiệp: Hệ thống thủy lợi; khuyến nông, lâm ngư và thú y; liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; nhu cầu vay vốn và nguồn vay chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp;

- Thông tin chuyên sâu đánh giá hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững và hiệu quả thông qua ba khía cạnh: kinh tế, xã hội, môi trường.

(ii) *Thông tin về nông thôn*

- Số hộ, nhân khẩu; số hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn: Hệ thống điện; đường giao thông; trường học, giáo dục mầm non; cơ sở vật chất văn hóa, thông tin, y tế;

- Thông tin hỗ trợ sản xuất ở nông thôn: Chợ, siêu thị, cửa hàng

tiện lợi; ngân hàng, tổ chức tín dụng khác;

- Thông tin về các hình thức phát triển kinh tế nông thôn: Cơ sở, doanh nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối biển; kinh tế tập thể và làng nghề; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Thông tin khác về nông thôn: Vệ sinh môi trường nông thôn; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của UBND xã; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu;...

(iii) Thông tin về cư dân nông thôn

- Số hộ dùng điện, số hộ dùng nước máy; số hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; số hộ được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở;

- Số lượt người khám chữa bệnh tại trạm y tế xã;

- Số lượt người được tập huấn, dạy nghề miễn phí;

- Số hộ vay vốn và nguồn vay ưu đãi;

- Thông tin cơ bản một số chức danh lãnh đạo xã;....

Phiếu điều tra

ĐTNNKG 2020 sử dụng 04 loại phiếu điều tra sau:

(1) Phiếu số 01/ĐTNNKG-HO: Phiếu thu thập thông tin về tình hình cơ bản của hộ (viết gọn là Phiếu hộ ngắn);

(2) Phiếu số 02/ĐTNNKG-HO: Phiếu thu thập thông tin chuyên sâu về hoạt động sản xuất của hộ (viết gọn là Phiếu hộ dài);

(3) Phiếu số 03/ĐTNNKG-TT: Phiếu thu thập thông tin về trang trại (viết gọn là Phiếu trang trại);

(4) Phiếu số 04/ĐTNNKG-XA: Phiếu thu thập thông tin về tình hình cơ bản và kết cấu hạ tầng của xã (viết gọn là Phiếu xã).

Thời điểm, thời kỳ thu thập số liệu và thời gian điều tra

Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 1/7/2020. Những chỉ tiêu theo

thời điểm được thu thập là thông tin thực tế tại thời điểm điều tra.

Thời kỳ thu thập số liệu: Là thông tin phát sinh trong 12 tháng trước thời điểm điều tra hoặc số chính thức năm 2019 được quy định cụ thể trong từng loại phiếu điều tra.

Thời gian thu thập thông tin tối đa 20 ngày, bắt đầu từ ngày 1/7/2020 và kết thúc ngày 20/7/2020.

Loại điều tra và phương pháp thu thập thông tin

Loại điều tra gồm Điều tra toàn bộ và Điều tra chọn mẫu

- Các đơn vị thực hiện điều tra toàn bộ bao gồm: Trang trại; UBND xã.

- Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, phương pháp chọn mẫu thực hiện theo phương pháp phân tầng hai giai đoạn.

Phương pháp thu thập thông tin

Cuộc ĐTNNGK 2020 sử dụng hai phương pháp thu thập thông tin: Phỏng vấn trực tiếp và tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cuộc điều tra.

- Phỏng vấn trực tiếp (áp dụng cho đơn vị điều tra là hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại): Điều tra viên đến từng hộ, trang trại gặp người cung cấp thông tin để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra và các tài liệu hiện có để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra điện tử được thiết kế trên máy tính, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh (áp dụng đối với hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp) và phiếu điều tra trực tuyến được thiết kế trên trang thông tin điện tử (áp dụng đối với trang trại).

- Tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử (áp dụng

đối với UBND xã): Người chịu trách nhiệm cung cấp thông tin Phiếu xã (thông thường là công chức Văn phòng - Thống kê xã) được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự điền thông tin vào phiếu điều tra trên Trang thông tin điện tử của Cuộc điều tra.

Quy trình xử lý thông tin

(i) Xử lý thông tin phiếu điều tra

Hoàn thành dữ liệu các phiếu điều tra:

- *Phiếu điều tra điện tử*: Trong quá trình điều tra thực địa, thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê. Tại đây, dữ liệu điều tra được giám sát viên các cấp kiểm tra, đánh mã, duyệt và nghiệm thu.

- *Phiếu điều tra trực tuyến*: Sau khi điều tra viên/người cung cấp thông tin hoàn thành điền thông tin trên máy tính, thông tin trên phiếu được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê. Dữ liệu điều tra sẽ được giám sát viên các cấp kiểm tra, duyệt, nghiệm thu.

Tích hợp vào dữ liệu chung và chiết xuất dữ liệu:

Dữ liệu điều tra phiếu điện tử và dữ liệu điều tra phiếu trực tuyến được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung ĐTNNGK 2020; được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra. Dữ liệu ĐTNNGK 2020 sau khi làm sạch được chiết xuất và lưu giữ dưới các định dạng: Excel, SPSS, STATA để phục vụ phân tích dữ liệu và viết báo cáo kết quả.

(ii) Xử lý dữ liệu bảng kê

Việc cập nhật và xử lý dữ liệu bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại được thực hiện theo phân cấp quản lý điều tra trên phần mềm lập bảng kê. Dữ liệu bảng kê được cập nhật đến khi kết thúc điều tra thực địa.

Bảng 1. Kế hoạch thực hiện các nội dung chính ĐTNNGK 2020

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Đơn vị chủ trì
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ		
1	Xây dựng Phương án	10-12/2019	TCTK
2	Thiết kế phiếu điều tra, giải thích phiếu điều tra, xây dựng các quy trình điều tra, biểu mẫu ra các phiếu điều tra	01-3/2020	TCTK
3	Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công tác rà soát, lập bảng kê, thu thập thông tin, xử lý thông tin, công bố kết quả, điều hành, quản lý và giám sát Cuộc điều tra	01-6/2020	Các Trung tâm THPT khu vực
4	Rà soát, xác định địa bàn điều tra; lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn điều tra	3-5/2020	CTK
5	Lập bảng kê các trang trại	4-5/2020	CTK, CCTK
6	Nhập tin và hoàn thiện cơ sở dữ liệu bảng kê	5/2020	CCTK
7	Chọn mẫu hộ điều tra Phiếu hộ dài	6/2020	TCTK, CTK
8	Cập nhật đơn vị điều tra	6/2020	CTK, CCTK
9	Xây dựng và quản lý mạng lưới điều tra: địa bàn điều tra, tuyển chọn lực lượng điều tra viên giám sát viên; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý	4-6/2020	TCTK, CTK
II	TẬP HUẤN ĐIỀU TRA; TUYÊN TRUYỀN		
1	Tập huấn công tác rà soát, lập bảng kê các đơn vị điều tra	4-5/2020	CTK, CCTK
2	Tập huấn nghiệp vụ điều tra cho Cục Thống kê.	5/2020	TCTK
3	Tập huấn nghiệp vụ điều tra cho Chi cục Thống kê và điều tra viên	6/2020	CTK, CCTK
4	In và phát tài liệu điều tra	5-6/2020	Nhà xuất bản Thống kê
5	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Cuộc điều tra	6-7/2020	TCTK, CTK
III	ĐIỀU TRA THỰC ĐỊA; KIỂM TRA, NGHIỆM THU PHIẾU		
1	Tiến hành thu thập thông tin các loại phiếu	7/2020	Điều tra viên
2	Kiểm tra, đánh mã, nghiệm thu phiếu điều tra	7/2020	TCTK, CTK, CCTK
IV	TỔNG HỢP, CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA		
1	Xử lý số liệu điều tra	Từ tháng 8/2020	TCTK
2	Tổng hợp và công bố số liệu sơ bộ các chỉ tiêu chủ yếu	12/2020	TCTK, CTK
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, phân tích kết quả điều tra	01-3/2021	TCTK, CTK
4	Công bố số liệu chính thức	3/2021	TCTK, CTK
5	Xây dựng phần mềm khai thác dữ liệu; phân tích chuyên sâu kết quả điều tra	12/2021	TCTK

Triển khai thu thập thông tin

Thực hiện thu thập thông tin ở tất cả các địa bàn điều tra bắt đầu từ ngày 1/7/2020 và kết thúc chậm nhất vào ngày 20/7/2020.

Công bố kết quả

Dự kiến, tổng hợp và công bố số liệu sơ bộ các chỉ tiêu chủ yếu vào tháng 12/2020; công bố số liệu chính thức vào tháng 3/2021./.

NHỮNG ĐIỂM MỚI TRONG ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP GIỮA KỲ 2020

Đỗ Thái Sơn

Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản - TCTK

Điều tra Nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ (NNGK) là cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 31/12/2009, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký Quyết định số 1695/QĐ-TCTK, về việc tiến hành Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 01/7/2020 và ban hành kèm theo Phương án điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020.

Cuộc điều tra nhằm đáp ứng ba mục đích chính sau: (1) Tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phân tích và dự báo tình hình phát triển nông thôn, nông nghiệp trên phạm vi cả nước và từng địa phương. (2) Đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nông thôn, nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025; phục vụ giám sát các mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực nông thôn, nông nghiệp của Việt Nam và thực hiện so sánh quốc tế. (3) Cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về nông thôn và nông nghiệp; xây dựng dần chọn mẫu cho một số cuộc điều tra trong lĩnh vực nông nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.

Về phạm vi điều tra: Cuộc điều tra NNGK 2020 tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương (viết gọn là tỉnh) đối với các hộ mẫu có hoạt động sản xuất nông nghiệp; toàn bộ trang trại, UBND xã. Đối tượng điều tra bao gồm: Lao động của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp và trang trại; điều kiện sản xuất của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp; điều kiện và kết quả sản xuất của trang trại; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; điều kiện sống của cư dân nông thôn.

Nội dung điều tra tập trung vào 3 nhóm thông tin lớn như sau:

- **Thông tin thực trạng sản xuất nông nghiệp, bao gồm:** Đơn vị sản xuất; lao động; đất nông nghiệp và diện tích sản xuất nông nghiệp; số lượng gia súc, gia cầm chủ yếu; số lượng và công suất máy móc thiết bị chủ yếu dùng cho sản xuất nông nghiệp; thông tin về hoạt động trợ giúp cho sản xuất nông nghiệp; thông tin chuyên sâu đánh giá hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững và hiệu quả;

- **Thông tin về nông thôn, bao gồm:** Số hộ, nhân khẩu; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn; thông tin hỗ trợ sản xuất ở nông thôn; thông tin về các hình thức phát triển kinh tế nông thôn; thông tin khác về nông thôn;

- **Thông tin về cư dân nông thôn, bao gồm:** Số hộ dùng điện, số hộ dùng nước máy; số hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; số hộ được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở;

số lượt người khám chữa bệnh tại trạm y tế xã; số lượt người được tập huấn, dạy nghề miễn phí; số hộ vay vốn và nguồn vay ưu đãi; thông tin cơ bản một số chức danh lãnh đạo xã;...

Có 4 loại phiếu điều tra được sử dụng để thu thập thông tin trong cuộc điều tra này, bao gồm: Phiếu số 01/ĐTNNKG-HO: Phiếu thu thập thông tin về tình hình cơ bản của hộ (viết gọn là Phiếu hộ ngắn); phiếu số 02/ĐTNNKG-HO: Phiếu thu thập thông tin chuyên sâu về hoạt động sản xuất của hộ (viết gọn là Phiếu hộ dài); phiếu số 03/ĐTNNKG-TT: Phiếu thu thập thông tin về trang trại (viết gọn là Phiếu trang trại); phiếu số 04/ĐTNNKG-XA: Phiếu thu thập thông tin về tình hình cơ bản và kết cấu hạ tầng của xã (viết gọn là Phiếu xã).

Vì là kỳ đầu tiên thực hiện nên Điều tra Nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020 có những điểm mới so với Tổng điều tra Nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 và các kỳ Tổng điều tra trước đây.

Thứ nhất, về phạm vi điều tra: Thực hiện điều tra mẫu hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, thông tin suy rộng đến cấp tỉnh. Do là điều tra mẫu nên đối với điều tra hộ sẽ có quy mô nhỏ hơn so với kỳ TĐT 2016 (khoảng 1,4 triệu hộ so với 17 triệu hộ kỳ TĐT 2016).

Thứ hai, cuộc điều tra này ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn điều tra, từ chuẩn bị mạng lưới, thu thập thông tin, kiểm tra,

nghiệm thu số liệu, xử lý số liệu đến công bố kết quả điều tra. Đặc biệt trong thu thập thông tin, các điều tra viên ghi thông tin vào phiếu điều tra điện tử trên máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc ghi vào phiếu điều tra trực tuyến hoặc tự cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử, sau đó dữ liệu điều tra sẽ được đồng bộ về máy chủ của Tổng cục Thống kê để xử lý, tổng hợp.

Thứ ba, thông tin về hộ của cuộc Điều tra này được kết nối với dữ liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019. Toàn bộ thông tin về hộ và nhân khẩu của hộ từ sơ sở dữ liệu Tổng điều tra dân số 2019 sẽ được kết nối với dữ liệu Điều tra NTNNGK 2020 (đối với những hộ thuộc phạm vi điều tra). Điều tra viên cập nhật những thay đổi về hộ và những thay đổi về nhân khẩu của hộ trong khoảng thời gian từ 01/4/2019 đến 01/7/2020 vào phiếu điều tra.

Thứ tư về nội dung điều tra: Không thu thập thông tin về điều kiện sống và đồ dùng chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của hộ, do đã thực hiện trong điều tra Khảo sát mức sống dân cư. Bổ sung các thông tin chuyên sâu về sản xuất nông nghiệp bền vững (đối với phiếu dài).

Thứ năm, công tác tập huấn nghiệp vụ đã có sự đổi mới toàn diện. Tổng cục Thống kê tổ chức hội nghị triển khai phương án điều tra, hướng dẫn nghiệp vụ tại Tổng cục, đồng thời kết nối trực tuyến đến 63 Cục Thống kê tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Việc tổ chức hội nghị tập huấn trực tuyến đã kết hợp được hội nghị cấp Trung ương và hội nghị cấp tỉnh, kết quả đã rút ngắn thời gian triển khai tập huấn, không cần tập trung đông người trong điều kiện dịch bệnh Covid 19 chưa được dập tắt hoàn toàn, đồng thời tiết kiệm được kinh phí cho công tác tập huấn. Mặt khác, chất lượng của công tác tập huấn cũng được nâng cao do đã giảm bớt một khâu tập huấn trung gian cấp tỉnh.

Song song với việc tổ chức Hội nghị tập huấn, Tổng cục Thống kê xây dựng các video clip giới thiệu phương án điều tra, hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, phục vụ công tác tập huấn nghiệp vụ ở địa phương. Thông qua các video clip này, điều tra viên nhận được sự hướng dẫn trực tiếp của các báo cáo viên cấp Trung ương, phục vụ cho công tác phỏng vấn, thu thập thông tin./

ĐIỀU TRA NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP GIỮA KỲ NĂM 2020 NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TRIỂN KHAI THU THẬP THÔNG TIN TẠI ĐỊA BÀN

Đỗ Thị Thu Hà

*Phó Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông,
Lâm nghiệp và Thủy sản - TCTK*

Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 01/7/2020 là cuộc điều tra thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia (ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Đây là cuộc điều tra chọn mẫu quy mô lớn được thực hiện giữa hai kỳ của Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp¹, tiến hành trên phạm vi cả nước, với khoảng trên 1,4 triệu hộ có tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản² ở khu vực nông thôn và thành thị; trên 20 nghìn trang trại và toàn bộ các UBND xã.

Tiếp theo sự thành công của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, ngành Thống kê tiếp tục ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của cuộc điều tra từ chuẩn bị mạng lưới điều tra; lập bảng kê các đơn vị điều tra; thu thập thông tin; kiểm tra, nghiệm thu, xử lý số liệu đến công bố kết quả điều tra. Khâu thu thập thông tin áp dụng 2 hình thức: (1) sử dụng phiếu điện tử cài đặt tại thiết bị di động (CAPI) để thu thập thông tin của các hộ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản và (2) sử dụng phiếu trực tuyến trên trang Web để thu thập thông tin của trang trại và UBND xã.

Để triển khai thu thập thông tin tại địa bàn với khối lượng đơn vị lớn, áp dụng triệt để công nghệ thông tin, cần lưu ý những điểm sau:

Rà soát địa bàn, đơn vị điều tra.

Đây là công việc quan trọng của các cuộc điều tra, nhất là khi ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập thông tin. Nội dung của việc rà soát địa bàn và đơn vị điều tra nhằm cập nhật các thông tin của đơn vị điều tra, làm cơ sở cho việc triển khai thu thập thông tin.

Đối với hộ điều tra: Việc rà soát nhằm tiến hành bổ sung các hộ mới chuyển đến, tách hộ, hộ có hoạt động nông, lâm nghiệp và thủy sản; loại bỏ hộ chuyển đi, hộ không hoạt động

1. Quy định chu kỳ của Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp là 10 năm.

2. Sau đây gọi chung là hộ điều tra

nông, lâm nghiệp và thủy sản; thay đổi thông tin về chủ hộ sau thời điểm lập bảng kê.

Các hộ điều tra sau khi được rà soát, sẽ được Chi cục Thống kê cập nhật trên Trang điều hành tác nghiệp của Cuộc điều tra, là căn cứ cho việc xác định phân chia đơn vị điều tra cho Điều tra viên (Điều tra viên chỉ điều tra các hộ được phân công trên thiết bị thông minh).

Đối với việc rà soát, cập nhật đơn vị điều tra là các trang trại, công việc được thực hiện nhằm xác định các cá nhân, hộ đạt các tiêu chuẩn về kinh tế trang trại quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2020 và có kết quả sản xuất kinh doanh trong 12 tháng qua, tính từ 1/7/2019 đến 30/6/2020.

Việc rà soát, cập nhật các trang trại nhằm bổ sung trang trại mới đủ tiêu chí trang trại, trang trại được tách, ghép; loại bỏ trang trại không đủ tiêu chí; cập nhật thay đổi thông tin về chủ trang trại.

Những trang trại có thay đổi, sau khi được rà soát sẽ được Chi cục Thống kê cấp huyện cập nhật vào bảng kê trên Trang điều hành tác nghiệp của Cuộc điều tra, làm căn cứ cho việc phân chia đơn vị điều tra cho điều tra viên.

Việc rà soát, cập nhật các đơn vị điều tra phải được thực hiện xong trước giai đoạn thu thập thông tin tại địa bàn.

Triển khai thu thập thông tin tại địa bàn

Chuẩn bị địa bàn điều tra

Trước khi tiến hành điều tra, điều tra viên thực hiện các bước sau:

- *Bước 1:* Kiểm tra lại thiết bị điều tra và thực hiện cài đặt chương trình điều tra

Đối với việc điều tra hộ, điều tra viên yêu cầu sử dụng thiết bị cài đặt hệ điều hành Android. Đối với điều tra phiếu trang trại,

điều tra viên nên sử dụng máy tính bảng hoặc máy tính xách tay (laptop) để thu thập thông tin tại các trang trại. Các thiết bị trên bắt buộc phải có kết nối internet để thực hiện tải và cài đặt chương trình “Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020” để sử dụng CAPI hoặc truy cập vào Trang điều hành tác nghiệp để sử dụng phiếu điều tra trực tuyến.

Điều tra viên được cung cấp tài khoản và mật khẩu. Tài khoản và mật khẩu chỉ sử dụng cho một thiết bị để đăng nhập và thu thập thông tin bằng CAPI³. Việc cung cấp tài khoản và mật khẩu do Chi cục Thống kê cấp huyện phụ trách. Trong quá trình điều tra, điều tra viên cần nhớ tài khoản và mật khẩu để truy cập vào thiết bị của mình.

- *Bước 2:* Kiểm tra các đơn vị điều tra được phân công

Trước thời điểm thu thập thông tin 1/7/2020, điều tra viên sẽ nhận toàn bộ danh sách các đơn vị điều tra được phân công điều tra trên thiết bị di động. Điều tra viên cần kiểm tra thông tin của các đơn vị điều tra; trực tiếp tìm hiểu, nắm bắt địa bàn điều tra, liên hệ với chính quyền xã, thôn nếu ở không ở cùng địa bàn. Đối với các hộ điều tra chuyên sâu (hộ có số ký tự bắt đầu bằng chữ M, ví dụ M009), các trang trại, điều tra viên cần liên hệ trước với chủ hộ/chủ trang trại để hẹn thời gian sẽ đến thu thập thông tin tại hộ/trang trại; yêu cầu chủ hộ/chủ trang trại bố trí người nắm thông tin của đơn vị để trả lời câu hỏi.

Đối với thông tin phiếu trang trại, do có các thông tin về sản lượng, giá trị thành tiền nên

3. Điều tra viên nên chỉ sử dụng một thiết bị để thu thập thông tin các hộ được phân công trong cuộc điều tra

điều tra viên cần nắm vững các kiến thức về tập quán sản xuất, tình hình sản xuất, thông tin về dịch bệnh, giá cả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trong 12 tháng qua của vùng để có nhận định sơ bộ đối với kết quả sản xuất của vùng.

b. Công tác thu thập thông tin tại địa bàn

Sự thành công của cuộc Điều tra phụ thuộc rất lớn vào công tác thu thập thông tin tại địa bàn. Theo quy định của Phương án điều tra, thời gian thu thập thông tin tại địa bàn diễn ra trong 20 ngày, từ ngày 01/7/2020 đến hết ngày 20/7/2020.

Như đã nói ở trên, Cuộc điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020 sử dụng thiết bị di động trong thu thập dữ liệu, do vậy các điều tra viên không sử dụng phiếu giấy để thu thập thông tin.

Sau đây là một số lưu ý khi thu thập thông tin bằng các hình thức:

(1) Sử dụng phiếu điện tử cài đặt tại thiết bị di động (CAPI) để thu thập thông tin của các hộ

Đối với phiếu CAPI, khi đến hộ, điều tra viên sử dụng thiết bị di động để ghi trực tiếp câu trả lời vào phiếu điều tra trên thiết bị. Thiết bị di động có hoặc không kết nối internet trong lúc phỏng vấn ghi phiếu nhưng cũng không ảnh hưởng đến dữ liệu thu thập.

Các thông tin của phiếu điều tra hộ sử dụng CAPI khi được điền thông tin sẽ được lưu trữ tạm thời trên thiết bị. Khi kết thúc phỏng vấn hộ, điều tra viên cần đồng bộ dữ liệu lên máy chủ của cuộc điều tra.

Trường hợp đang thu thập thông tin của phiếu hộ sử dụng CAPI, vì một lý do nào đó việc cung cấp thông tin tạm dừng, dữ liệu sẽ lưu trữ tạm thời trên thiết bị của điều tra viên, trong mục

“Hộ chưa hoàn thành phỏng vấn”. Khi điều tra viên tiến hành phỏng vấn lại, sẽ mở mục hộ chưa hoàn thành phỏng vấn để điều tra tiếp.

Một số trường hợp cần lưu ý khi tiến hành phỏng vấn hộ

(i) Khi bắt đầu điều tra hộ trong danh sách, thiết bị sẽ yêu cầu xác nhận “hộ còn tại địa bàn” hay “hộ không còn tại địa bàn”. Điều tra viên lựa chọn một trong hai trường hợp trên. Nếu hộ đã chuyển đi cả hộ, điều tra viên cần chọn vào mục “hộ không còn tại địa bàn” trong thiết bị di động, hộ được lựa chọn sẽ không tiến hành thu thập thông tin;

(ii) Khi điều tra hộ trong danh sách, hộ không có thành viên nào tham gia sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản hoặc không có đất đai, vật nuôi, diện tích nuôi trồng thủy sản, điều tra viên vẫn tiếp tục phỏng vấn và ghi đầy đủ các thông tin của phiếu;

(iii) Nếu điều tra viên phát hiện trên địa bàn được giao có hộ không có trong danh sách nhưng vẫn có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trường hợp này điều tra viên không ghi hoặc điều tra những hộ không có trong danh sách;

(2) Sử dụng phiếu trực tuyến trên trang Web để thu thập thông tin của trang trại và UBND xã

Đối với phiếu điều tra trang trại, do cuộc điều tra áp dụng phiếu điều tra trực tuyến, nên nhất thiết khi thu thập thông tin của trang trại, thiết bị cần được kết nối mạng internet. Trong trường hợp vùng sâu, vùng xa không có kết nối internet, điều tra viên có thể sử dụng phiếu mẫu trên Trang điều hành tác nghiệp sử dụng điều tra, khi đến vùng có kết nối internet, thực hiện đổ (import) dữ liệu của trang trại đã điều tra vào phiếu trực tuyến. Dữ liệu từ phiếu

sẽ trực tiếp đồng bộ vào máy chủ của Cuộc điều tra.

Một số trường hợp cần lưu ý khi tiến hành phỏng vấn trang trại

(i) Khi điều tra trang trại trong danh sách, nếu trang trại không còn tại địa bàn, điều tra viên cần báo lại cho giám sát viên cấp huyện được biết tình trạng của trang trại và không thực hiện phỏng vấn.

(ii) Khi điều tra trang trại trong danh sách, nếu trang trại không đủ quy mô và giá trị (phần X của phiếu không xếp trang trại vào loại nào), điều tra viên vẫn tiếp tục phỏng vấn tiếp các câu tiếp theo, không tự ý sửa chữa hoặc dừng thu thập thông tin.

(iii) Khi đến địa bàn điều tra, điều tra viên phát hiện trang trại có đủ quy mô theo tiêu chí nhưng không có trong danh sách trang trại trên địa bàn, điều tra viên cần thông báo cho Chi cục Thống kê cấp huyện trực tiếp để theo dõi, không tự điều tra các trang trại này.

(iv) Trong một số trường hợp, chủ trang trại có thể vừa là chủ hộ tại địa bàn điều tra hộ. Điều tra viên vẫn thực hiện điều tra hai loại phiếu, các thông tin của trang trại và hộ có thể trùng hoặc khác nhau.

Kiểm tra thông tin, tiến độ và nghiệm thu phiếu điều tra

Phiếu điều tra điện tử và phiếu điều tra trực tuyến được thiết kế kèm theo các thông báo logic về tình trạng số liệu theo từng câu hỏi. Thông tin cảnh báo sẽ yêu cầu điều tra viên xác minh số liệu (có/không hoặc đúng/nhập lại); thông tin lỗi khi điều tra viên ghi câu trả lời sai hoặc câu hỏi không có thông tin. Khi thực hiện thu thập thông tin, các lỗi hoặc cảnh báo của các câu hỏi được thông báo ngay trên phiếu khi đối tượng điều tra trả lời các thông tin, hiện các thông tin tùy theo tình trạng

của thông tin (thông tin cảnh báo hoặc thông tin lỗi).

Cuối mỗi ngày điều tra, điều tra viên cần kiểm tra lại các thông tin của đơn vị điều tra và theo dõi tiến độ điều tra của mình trên thiết bị. Điều tra viên vẫn tiếp tục hoàn thiện, sửa chữa các thông tin trong phiếu cho đến khi kết thúc giai đoạn thu thập thông tin.

Phiếu điều tra được nghiệm thu về số lượng ngay trên thiết bị sau khi điều tra viên đồng bộ (gửi) dữ liệu (đối với phiếu hộ) hoặc ngay sau khi hoàn thành xong phiếu điều tra trang trại. Việc đồng bộ dữ liệu hộ, hoàn thành phiếu trang trại chỉ thực hiện được khi thiết bị di động có kết nối internet.

Phiếu điều tra chỉ thực hiện nghiệm thu về chất lượng sau khi các phiếu điều tra có thông tin về các logic của phiếu điều tra (các thông tin cảnh báo có câu trả lời hoặc phiếu không còn lỗi).

Điều tra viên cần kiểm tra việc đồng bộ dữ liệu và thực hiện lưu trữ phiếu hỏi và chương trình trên thiết bị di động đến ngày 15/8/2020 đối với phiếu hộ (không được xóa dữ liệu và phần mềm trên thiết bị).

Hỗ trợ điều tra viên

Để hỗ trợ điều tra viên trong việc tìm hiểu thông tin về các câu hỏi và hướng dẫn sử dụng chương trình, cùng với việc tra cứu từ tài liệu in sẵn, điều tra viên có thể tìm hiểu thông qua chức năng “Hướng dẫn” được cài đặt trên chương trình CAPI hoặc chức năng “Hướng dẫn sử dụng” trên trang WEB cài đặt phiếu điều tra trực tuyến.

Trong quá trình phỏng vấn, các câu hỏi trên phiếu điện tử có các giải thích ngắn gọn về câu hỏi ở góc phải màn hình. Điều tra viên có thể tham khảo nhanh trong quá trình phỏng vấn. /.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2020 ước tính tăng 1,81% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng thấp nhất của 6 tháng các năm trong giai đoạn 2011-2020 (Quý II/2020 ước tính tăng 0,36%).

Kinh tế - xã hội nước ta 6 tháng đầu năm diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Những nền kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Cộng đồng chung châu Âu đang đối mặt với tình trạng suy thoái kinh tế sâu, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ qua. Cùng với đó, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn tiếp diễn, căng thẳng chính trị gia tăng giữa Mỹ - Iran, bất đồng nội bộ trong tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và trên bán đảo Triều Tiên đã tác động tiêu cực đến kinh tế Việt Nam. Trong nước, dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, toàn bộ hệ thống chính trị, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã đặt ưu tiên hàng đầu việc phòng chống và dập dịch, hy sinh lợi ích kinh tế để bảo đảm tính mạng và sức khỏe của người dân. Đây chính là nền tảng vững chắc để nền kinh tế nước ta tiếp tục duy trì tăng trưởng, không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm. Kết quả trên cho thấy thắng lợi của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong cuộc chiến

đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời vẫn duy trì các hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế trở lại trạng thái bình thường như trước khi xảy ra dịch bệnh.

GDP 6 tháng đầu năm 2020 tăng trưởng 1,81%, là mức tăng thấp nhất trong các năm trong giai đoạn 2011 -2020. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,19%, đóng góp 11,89% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 2,98%, đóng góp 73,14%; khu vực dịch vụ tăng 0,57%, đóng góp 14,97%. Động lực chính cho tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm là công nghiệp chế biến, chế tạo (tăng 4,96%) và các ngành dịch vụ thị trường (Bán buôn và bán lẻ tăng 4,3%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,78%).

Về cơ cấu nền kinh tế 6 tháng đầu năm 2020, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 14,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 33,44%; khu vực dịch vụ chiếm 42,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,36% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 13,54%; 34,20%; 42,03%; 10,23%).

2. Sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 gặp nhiều khó khăn do hạn hán, xâm nhập mặn xuất hiện sớm; dịch Covid-19 diễn biến phức tạp; dịch tả lợn châu Phi dần được kiểm soát nhưng việc tái đàn còn chậm. Trước những khó khăn đó, ngành Nông nghiệp đã có những giải pháp ứng phó hiệu quả nên kết quả sản xuất đạt khá,

năng suất lúa vụ đông xuân 2020 tăng so với cùng kỳ năm trước; chăn nuôi gia cầm phát triển tốt. Sản xuất lâm nghiệp bắt đầu hồi phục từ tháng Năm.

a) Nông nghiệp

Diện tích gieo cấy lúa đông xuân cả nước năm nay đạt 3.024,1 nghìn ha, bằng 96,8% cùng kỳ năm trước. Năng suất ước tính đạt 65,8 tạ/ha, tăng 0,3 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến trung tuần tháng 6, các địa phương trên cả nước đã xuống giống được 1.707,6 nghìn ha lúa hè thu, bằng 94,4% cùng kỳ năm trước. Đến nay đã có 184 nghìn ha lúa hè thu sớm tại Đồng bằng sông Cửu Long cho thu hoạch, bằng 109,8% cùng kỳ năm 2019.

Ước tính sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng 6 tháng đạt 49 nghìn tấn, tăng 1,2% so cùng kỳ năm 2019; sản lượng bò hơi xuất chuồng đạt 187,5 nghìn tấn, tăng 4,1%; sản lượng sữa bò tươi đạt 522,2 nghìn tấn, tăng 8,1%; Tổng số lợn của cả nước tháng 6/2020 giảm 7,5% so với cùng thời điểm năm 2019; Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 702,1 nghìn tấn, tăng 12,3%; Sản lượng trứng gia cầm đạt 7,2 tỷ quả, tăng 11%.

b) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung 6 tháng ước tính đạt 106,3 nghìn ha, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước (quý II/2020 đạt 73,7 nghìn ha, giảm 0,9%); số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 44,5 triệu cây, giảm 2,2% (quý II đạt 22,8 triệu cây, giảm 3,8%); sản lượng gỗ khai thác đạt 7.526 nghìn m³, tăng 2% (quý II đạt 4.665 nghìn m³,

tăng 0,7%); sản lượng củi khai thác đạt 9,9 triệu ste, giảm 0,9% (quý II đạt 5,2 triệu ste, giảm 1,9%).

Diện tích rừng bị thiệt hại của cả nước trong 6 tháng đầu năm là 1.304 ha, tăng 43,8% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm diện tích rừng bị cháy là 975,6 ha, tăng 71,9%; diện tích rừng bị chặt, phá là 328,4 ha, giảm 3,2%.

c) Thủy sản

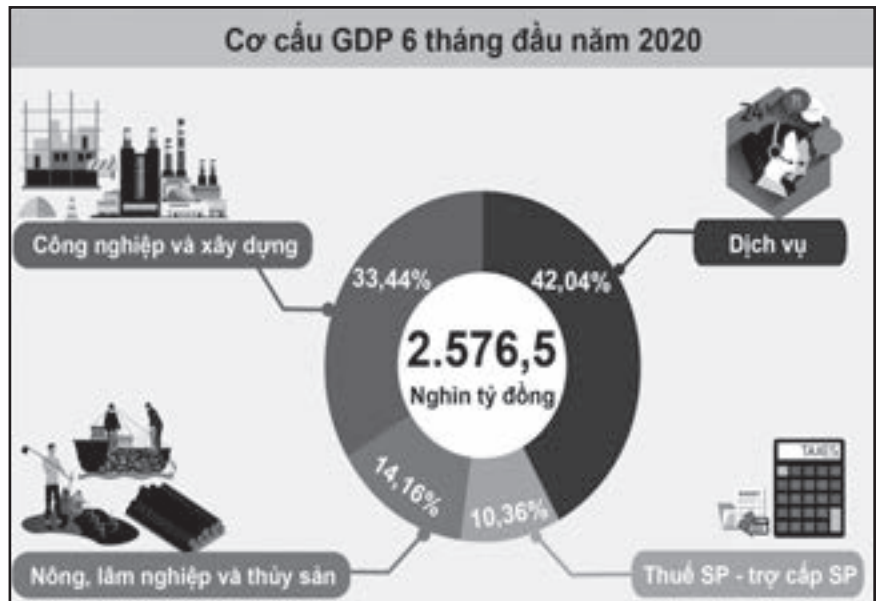
Tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm nay ước tính đạt 3.864 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước (quý II đạt 2.360,9 nghìn tấn, tăng 1,3%), bao gồm cá đạt 2.890,5 nghìn tấn, tăng 1,1%; tôm đạt 422,8 nghìn tấn, tăng 4%; thủy sản khác đạt 550,7 nghìn tấn, tăng 2,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng 6 tháng đầu năm đạt 1.977,1 nghìn tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước (quý II đạt 1.315 nghìn tấn, tăng 1,7%).

Sản lượng thủy sản khai thác 6 tháng đầu năm ước tính đạt 1.886,9 nghìn tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm trước (quý II đạt 1.045,9 nghìn tấn, tăng 0,9%).

3. Sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm chịu ảnh hưởng từ dịch Covid-19 nên đạt mức tăng thấp nhất so với mức tăng cùng kỳ các năm 2011-2020. Tuy nhiên do dịch bệnh sớm được kiểm soát, các lĩnh vực của nền kinh tế đang từng bước hoạt động bình thường trở lại, sản xuất công nghiệp có sự khởi sắc và dần lấy lại đà tăng trưởng cao từ tháng 5/2020.

Tăng trưởng của công nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 đạt 2,71% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,96%, thấp hơn mức tăng của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2020; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 3,04%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 3,76%; ngành khai khoáng giảm 5,4% do



sản lượng dầu thô khai thác và khí đốt tự nhiên giảm mạnh.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 6 tháng đầu năm tăng 4,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2019 tăng 9,6%). Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/6/2020 tăng 26,7% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm 2019 tăng 16,1%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 6 tháng đầu năm khá cao với 78,9% (cùng kỳ năm trước là 74,9%).

4. Sau hai tháng nới lỏng và gỡ bỏ các biện pháp giãn cách xã hội, các hoạt động kinh tế - xã hội đang dần được khôi phục. Số doanh nghiệp thành lập mới trong tháng Sáu tiếp tục khởi sắc với 13,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 27,9% so với tháng trước.

a) Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 6 tháng đầu năm, cả nước có hơn 62 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 697,1 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 507,2 nghìn lao động, giảm 7,3% về số doanh nghiệp,

giảm 19% về vốn đăng ký và giảm 21,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 6 tháng đạt 11,2 tỷ đồng, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 984,4 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 18 nghìn doanh nghiệp tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 6 tháng đầu năm là 1.681,5 nghìn tỷ đồng, giảm 22,5% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 25,2 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 16,4% so với 6 tháng đầu năm 2019, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 6 tháng lên 87,2 nghìn doanh nghiệp, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 6 tháng, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 29,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,2% so với cùng kỳ năm trước; 19,6 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 10,2%; 7,4 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 5%; 22,4 nghìn doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, tăng 33,9%.

b) Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý II/2020 cho thấy: Có 27,3% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý II/2020 tốt hơn quý I/2020; 40,8% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn và 31,9% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Dự kiến quý III/2020 so với quý II/2020, có 49,1% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 19,4% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 31,5% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

5. Hoạt động thương mại, vận tải trong nước tháng Sáu tiếp tục tăng trở lại sau khi dịch Covid-19 cơ bản được khống chế. Tuy nhiên, khách quốc tế đến nước ta trong tháng Sáu chỉ đạt 8,8 nghìn lượt người, mức thấp nhất trong nhiều năm qua do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 chưa mở cửa đón khách du lịch quốc tế.

Tính chung 6 tháng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 2.380,8 nghìn tỷ đồng, giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 5,3%, trong đó quý II ước tính đạt 1.154,9 nghìn tỷ đồng, giảm 5,8% so với quý trước và giảm 4,6% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng đạt 1.895,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 79,6% tổng mức và tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 234,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 9,9% tổng mức và giảm 18,1%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,4% tổng mức và giảm 53,2%; doanh thu dịch vụ khác đạt 240,2

nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và giảm 7,4%.

Tính chung 6 tháng, vận tải hành khách đạt 1.812,6 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 27,3% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 82,4 tỷ lượt khách.km, giảm 32,7% (quý II đạt 681,1 triệu lượt khách vận chuyển, giảm 44,4% và luân chuyển 29,1 tỷ lượt khách.km, giảm 51,9%). Vận tải hàng hóa đạt 807,9 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 8,1% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 159,8 tỷ tấn.km, giảm 7,1% (quý II đạt 379,1 triệu tấn hàng hóa, giảm 15,4% và luân chuyển 77,3 tỷ tấn.km, giảm 12,1%).

Tính chung 6 tháng đầu năm, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 3.744,5 nghìn lượt người, giảm 55,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 3.040,5 nghìn lượt người, giảm 54,3%; bằng đường bộ đạt 559,6 nghìn lượt người, giảm 66,8%; bằng đường biển đạt 144,3 nghìn lượt người, tăng 3,7%. Khách đến từ châu Á đạt 2.729,6 nghìn lượt người, giảm 58,4% so với cùng kỳ năm trước; khách đến từ châu Âu đạt 666,1 nghìn lượt người, giảm 42%; khách đến từ châu Mỹ đạt 234,4 nghìn lượt người, giảm 54,8%; khách đến từ châu Úc đạt 102,3 nghìn lượt người, giảm 54,4%; khách đến từ châu Phi đạt 12,1 nghìn lượt người, giảm 46,6% so với cùng kỳ năm 2019.

6. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán gặp nhiều khó khăn trong 6 tháng đầu năm tuy nhiên đang có dấu hiệu tích cực từ sự phục hồi của kinh tế vĩ mô trong nước khi dịch Covid-19 được kiểm soát hiệu quả.

Tính đến thời điểm 19/6/2020, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,59% so với cuối năm 2019 (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,05%); huy động vốn của các tổ chức

tín dụng tăng 4,35% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,09%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 2,45% (cùng thời điểm năm 2019 tăng 6,22%) và đây là mức tăng trưởng tín dụng thấp nhất của thời điểm 19/6 các năm 2016-2020.

Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế của thị trường chứng khoán ước tính đạt 94,6 nghìn tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ năm trước. Trên thị trường cổ phiếu, tính đến 11h ngày 26/6/2020, chỉ số VNIndex đạt 857,38 điểm, giảm 0,8% so với cuối tháng trước và giảm 10,8% so với cuối năm 2019;...

7. Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 đạt mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Tuy nhiên, tốc độ tăng vốn thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Sáu và 6 tháng đầu năm đều đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2016-2020. Đây là tín hiệu tích cực phản ánh kết quả việc Chính phủ thực hiện quyết liệt các giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành 6 tháng đầu năm ước tính đạt 850,3 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm trước và bằng 33% GDP (quý II/2020 đạt 481,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4%), trong đó: Vốn khu vực Nhà nước đạt 273,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 32,2% tổng vốn và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 375,9 nghìn tỷ đồng, bằng 44,2% và tăng 4,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 200,9 nghìn tỷ đồng, bằng 23,6% và giảm 3,8%.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2020 bao gồm vốn đăng ký

cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 15,7 tỷ USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 1.418 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt gần 8,5 tỷ USD, giảm 17,7% về số dự án và tăng 13,8% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước;... Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 6 tháng đầu năm ước tính đạt 8,65 tỷ USD, giảm 4,9% so với cùng kỳ năm trước.

8. Thu, chi ngân sách Nhà nước trong 15 ngày đầu tháng Sáu đạt kết quả tích cực do thực hiện tốt kiểm soát dịch Covid-19, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của nền kinh tế trong tháng 6/2020 từng bước trở lại trạng thái hoạt động bình thường.

Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/6/2020 ước tính đạt 607,1 nghìn tỷ đồng, bằng 40,1% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách Nhà nước ước tính đạt 676,2 nghìn tỷ đồng, bằng 38,7% dự toán năm.

9. Kim ngạch xuất, nhập khẩu nhiều mặt hàng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới, đặc biệt tại các nước đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Tính chung 6 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 238,4 tỷ USD, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm trước.

a) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 6 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 121,21 tỷ USD, giảm 1,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 41,38 tỷ USD, tăng 11,7%, chiếm 34,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 79,83 tỷ USD, giảm 6,7%, chiếm 65,9%; có 22 mặt hàng đạt kim ngạch

Trả lời câu hỏi Việt Nam có thể đạt mục tiêu lạm phát năm 2020 dưới 4% như Quốc hội đặt ra không. TCTK cho biết: Mặt bằng giá 6 tháng đầu năm 2020 tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước (4,19%), nhất là tháng 1 tăng 1,23%, ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá của năm 2020; dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu dưới 4% gặp nhiều khó khăn, thách thức. Nguyên nhân chủ yếu tác động làm tăng CPI 6 tháng đầu năm 2020 do giá thịt lợn tăng 68,2% so với cùng kỳ năm trước làm cho CPI chung tăng 2,86%, tác động không nhỏ đến diễn biến chung của thị trường. Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, giá một số mặt hàng y tế... có diễn biến phức tạp, bị đẩy giá lên cao; Mặt khác trong một số thời điểm, cục bộ có một bộ phận người dân đổ xô đi mua hàng dự trữ nhu yếu phẩm nên có những tác động nhất định đến tâm lý chung toàn xã hội. Tuy nhiên, Chính phủ, các bộ ngành và địa phương triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Sự chủ động điều hành giá xăng dầu của Liên Bộ Công Thương - Tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giảm lãi suất điều hành và thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, chủ động; Các Bộ, ngành địa phương đã có nhiều cố gắng trong từng lĩnh vực, địa bàn nhất là tăng cường quản lý, điều hành giá. Hiện nay, lạm phát 6 tháng đầu năm 2020 đang theo kịch bản điều hành từ đầu năm. Trong 6 tháng cuối năm dự kiến các yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát: (1) Yếu tố điều hành: Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện tăng học phí năm học mới 2019-2020 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; (2) Yếu tố thị trường: Giá gas, giá xăng dầu trong nước điều chỉnh tăng theo giá gas thế giới; Giá du lịch, giá dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, giá một số đồ dùng gia đình, giá vật liệu xây dựng, giá một số dịch vụ tăng do nhu cầu tăng vào cuối năm; Thời tiết nắng nóng, nhu cầu sử dụng điện nước sinh hoạt tăng làm cho chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tăng; (3) Yếu tố thiên tai và thời tiết bất lợi có thể xảy ra gây ảnh hưởng đến giá lương thực và thực phẩm cục bộ tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bị ảnh hưởng. (4) Yếu tố khác: Căng thẳng Mỹ-Trung; Căng thẳng địa chính trị gia tăng giữa Mỹ và Iran, cùng với biến đổi khí hậu và đặc biệt là dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát mạnh trên toàn cầu sẽ tiếp tục tác động tiêu cực đến kinh tế của các quốc gia trên thế giới.

Với quyết tâm của Chính phủ, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt của Ban Chỉ đạo điều hành giá cùng với sự phối hợp hiệu quả của các Bộ, ngành, địa phương trong từng tháng từ nay đến cuối năm 2020, mục tiêu CPI bình quân năm 2020 ở mức tăng dưới 4% trong năm nay có thể đạt được.

xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 86,2% tổng kim ngạch xuất khẩu (4 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 52,7%).

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 117,17 tỷ USD, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước,

trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 51,55 tỷ USD, tăng 0,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 65,62 tỷ USD, giảm 5,4%; có 22 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 81,2% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, cán cân thương mại hàng hóa tiếp tục xuất siêu 4 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,7 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,2 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 14,2 tỷ USD.

b) Xuất, nhập khẩu dịch vụ

Trong 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước tính đạt 4,7 tỷ USD, giảm 50,3% so với cùng kỳ năm trước (quý II đạt 951 triệu USD, giảm 79,2%). Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 6 tháng đầu năm nay ước tính đạt 8,9 tỷ USD, giảm 14,4% so với cùng kỳ năm trước (quý II đạt 4 tỷ USD, giảm 25,2%). Nhập siêu dịch vụ trong 6 tháng đầu năm 2020 ước tính đạt 4,2 tỷ USD, bằng 88,6% kim ngạch xuất khẩu dịch vụ.

10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2020 tăng 0,66% so với tháng trước, chủ yếu do giá xăng dầu tăng cao 3 đợt liên tiếp sau chuỗi giảm kéo dài kể từ Tết Nguyên đán và giá thịt lợn tiếp tục tăng trong những ngày đầu tháng 6, mặc dù vậy chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2020 vẫn giảm 0,59% so với tháng 12 năm trước - mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020. Bình quân 6 tháng đầu năm 2020, chỉ số giá tiêu dùng tăng 4,19% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2016-2020. Tỷ giá thương mại hàng hóa bình quân 6 tháng đầu năm 2020 giảm 0,78% so với cùng kỳ năm 2019 phản ánh giá xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam ra nước ngoài không thuận lợi so với giá nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài về Việt Nam.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Mặc dù 6 tháng đầu năm nay chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19 nhưng nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp, các ngành và sự nỗ lực của nhân dân nên nhìn chung đời sống

dân cư cả nước vẫn giữ được ổn định; công tác an sinh xã hội được quan tâm thực hiện.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, cả nước có 16,5 nghìn lượt hộ thiếu đói, tương ứng với 66,5 nghìn lượt nhân khẩu thiếu đói, cùng giảm mạnh 74,6% so với cùng kỳ năm trước cả về số lượt hộ và số lượt nhân khẩu thiếu đói. Để khắc phục tình trạng thiếu đói, từ đầu năm, các cấp, các ngành, các tổ chức từ Trung ương đến địa phương đã hỗ trợ các hộ thiếu đói 733,6 tấn gạo.

Theo báo cáo sơ bộ, tổng các suất quà trao tặng cho các đối tượng chính sách, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội trong 6 tháng đầu năm là hơn 8,1 nghìn tỷ đồng. Bên cạnh đó, có hơn 18,5 triệu thẻ bảo hiểm y tế, sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát tặng cho các đối tượng chính sách trên địa bàn cả nước. Tính đến ngày 10/6/2020, cả nước giải ngân được 10,5 nghìn tỷ đồng để hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

2. Công tác giáo dục, đào tạo bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, tuy nhiên chương trình học và lịch học kỳ II năm học 2019-2020, lịch thi trung học phổ thông quốc gia năm 2020 đã được điều chỉnh phù hợp với kế hoạch chung.

Năm học 2019-2020, cả nước có 17 triệu học sinh phổ thông, tăng 2,9% so với năm học trước, bao gồm: 8,7 triệu học sinh tiểu học, tăng 2,3%; 5,6 triệu học sinh trung học cơ sở, tăng 3,5% và 2,7 triệu học sinh trung học phổ thông, tăng 3,7%.

3. Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Tại Việt Nam, tình hình dịch đang được kiểm soát tốt và chuyển sang trạng thái bình thường mới, tiếp tục chuỗi ngày không ghi nhận ca mắc mới Covid-19 trong cộng đồng.

4. Tình hình tai nạn giao thông trong 6 tháng đầu năm giảm trên cả 3 tiêu chí do hiệu quả của Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và ảnh hưởng của giãn cách xã hội do đại dịch Covid-19.

Trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn cả nước xảy ra 6.790 vụ tai nạn giao thông, làm 3.242 người chết, 1.931 người bị thương và 3.008 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 6 tháng giảm 19%; số người chết giảm 14,9%; số người bị thương giảm 16,8% và số người bị thương nhẹ giảm 25,5%. Bình quân 1 ngày trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn cả nước xảy ra 37 vụ tai nạn giao thông, làm 18 người chết, 11 người bị thương và 16 người bị thương nhẹ.

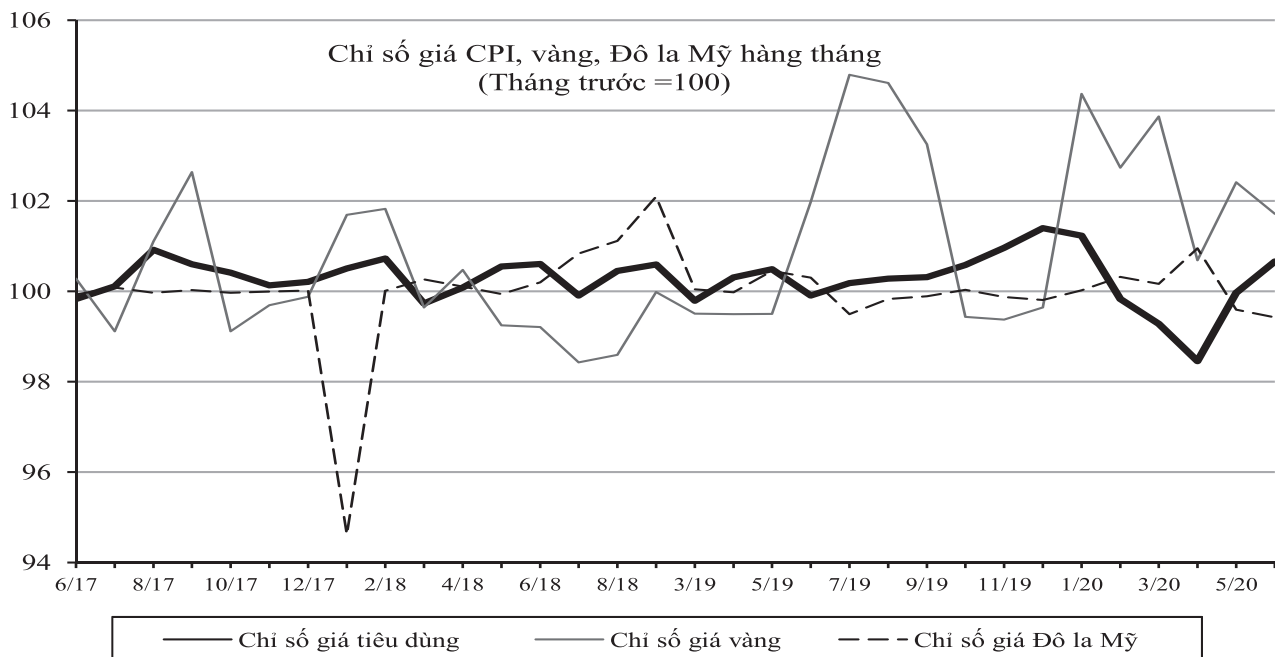
5. Thiên tai, ô nhiễm môi trường và cháy, nổ ảnh hưởng không nhỏ tới cuộc sống của người dân ở một số địa phương.

Theo báo cáo sơ bộ từ các địa phương, thiên tai trong 6 tháng đầu năm làm 40 người chết và 133 người bị thương; hơn 118 nghìn ha lúa và gần 35,8 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; 1.167 ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi; gần 64 nghìn ngôi nhà bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong 6 tháng ước tính hơn 4,8 nghìn tỷ đồng, gấp 10 lần so với cùng kỳ năm 2019.

Trong 6 tháng đầu năm, các cơ quan chức năng đã phát hiện 5.028 vụ vi phạm môi trường trên địa bàn cả nước, trong đó xử lý 4.458 vụ với tổng số tiền phạt 89,8 tỷ đồng. Trong 6 tháng, cả nước xảy ra 1.509 vụ cháy, nổ, làm 48 người chết và 111 người bị thương, tài sản thiệt hại ước tính là 336,6 tỷ đồng./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG 6 NĂM 2020



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 6 NĂM 2020 SO VỚI				Sáu tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019
	Kỳ gốc năm 2014	Tháng 6 năm 2019	Tháng 12 năm 2019	Tháng 5 năm 2020	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	115,96	103,17	99,41	100,66	104,19
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	122,44	112,46	103,59	100,44	111,17
1- Lương thực	112,31	105,34	103,86	99,60	103,38
2- Thực phẩm	124,93	115,86	103,42	100,72	114,28
3- Ăn uống ngoài gia đình	121,48	107,83	103,86	100,15	107,54
II. Đồ uống và thuốc lá	110,58	101,46	100,74	100,09	101,70
III. May mặc, mũ nón, giày dép	108,00	100,68	99,88	100,00	101,04
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	112,36	100,16	98,67	99,58	103,01
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	108,83	101,22	100,63	100,07	101,33
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	218,35	103,37	100,43	100,01	103,29
Trong đó: Dịch vụ y tế	270,13	103,98	100,36	100,00	103,86
VII. Giao thông	77,59	82,70	83,43	106,05	90,74
VIII. Bưu chính viễn thông	96,22	99,49	99,77	99,96	99,39
IX. Giáo dục	140,32	104,36	100,12	100,01	104,50
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	145,98	104,64	100,10	100,00	104,66
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	104,88	98,38	98,00	99,99	99,50
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	116,81	103,31	101,37	100,19	103,45
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	144,41	130,18	116,81	101,71	125,17
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	108,55	99,41	100,47	99,42	100,12

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng



PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI: VIỆT NAM CHỦ ĐỘNG ĐỐI PHÓ TẠI THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU VÀ BẢO VỆ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

Ngọc Linh

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu, hàng hóa sản xuất nhiều nước rơi vào tình trạng ứ đọng, tồn kho lớn. Điều này làm cho các doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) (gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) tại một số thị trường xuất khẩu cũng như gặp khó khăn ngay trên “sân nhà”, khi hàng hóa của nhiều nước ồ ạt tràn vào thị trường nước ta với giá thấp. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần chủ động đối phó, chống đỡ tại các thị trường xuất khẩu và bảo vệ sản xuất trong nước theo đúng quy định quốc tế.

Nửa đầu năm 2020 đã trôi qua, đại dịch Covid-19 đã cho thấy rõ sức ảnh hưởng lớn khi khiến cho kinh tế toàn cầu rơi vào khó khăn, suy thoái. Hoạt động xuất nhập khẩu, vận chuyển hàng hóa có những thời điểm bị tê liệt do nhiều nước thực hiện nghiêm lệnh đóng cửa biên giới, các hãng hàng không đồng loạt cắt giảm các chuyến bay quốc tế, dẫn tới tình trạng ứ đọng, lượng hàng tồn kho khá lớn tại nhiều nước.

Thực hiện chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam đã có quan hệ thương mại tự do với 55 đối tác thương mại thông qua việc ký kết 14 Hiệp định thương mại tự do (FTA) và đang đàm phán 3 FTA khác, trong đó có các FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương - CPTPP, Hiệp định thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam - EVFTA (theo dữ liệu của Trung tâm WTO). Đối

với hàng hóa trong nước, mức cắt giảm thuế quan hầu hết về 0% theo 13 FTA đã đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có độ mở cửa cao nhất trên thế giới. Song trong bối cảnh hiện nay, điều này đã đặt Việt Nam vào thế khó khi nhiều thị trường xuất khẩu đã gia tăng sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM), dựng lên hàng rào bảo hộ mạnh hơn đối với hàng hóa của nước ta, không chỉ diễn ra với hàng hóa có thể mạnh xuất khẩu mà với ngay cả các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu thấp.

Theo Bộ Công thương, trong quý I/2020, số lượng các vụ việc khởi xướng điều tra PVTM có xu hướng tăng so với cùng kỳ 2019. Cụ thể là 2 vụ việc khởi xướng điều tra mới, 2 vụ nhận đơn nhưng chưa khởi xướng điều tra, trong khi cùng kỳ năm 2019 mới có 1 vụ việc điều tra. Ngày 13/5/2020 vừa qua, Ủy ban Thương mại Hàn Quốc (KTC)

cũng đã thông báo chính thức về việc tổ chức phiên điều trần công khai trong vụ việc điều tra chống bán phá giá đối với sản phẩm gỗ dán (Plywood) của Việt Nam dự kiến vào tháng 6 tới đây.

Trong danh sách được cập nhật vào tháng 4/2020 của Bộ Công thương còn có 12 mặt hàng có nguy cơ bị điều tra PVTM hoặc điều tra gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp trong quý I/2020, gồm: Gỗ dán từ nguyên liệu gỗ cứng, đệm mút, tủ gỗ, đá nhân tạo, ống đồng, khớp nối bằng thép, bánh xe thép, thép tiên chế, vỏ bình ga, ghim đóng thùng xuất khẩu sang Mỹ; Nhóm hàng lớp xe tải và xe khách xuất khẩu sang thị trường EU; Nhóm hàng xe đạp điện xuất khẩu sang Mỹ, EU.

Với tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục lây lan ở mức đáng lo ngại, thương mại quốc tế vẫn đang có những diễn biến phức tạp như hiện nay, thì số vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ với hàng xuất khẩu của Việt Nam có thể sẽ tăng lên, nhất là đối với một số sản phẩm đang trong tình trạng dư thừa công suất trên toàn cầu.

Trước bối cảnh đó, Bộ Công Thương đã nhanh chóng hỗ trợ doanh nghiệp trong nước thông qua việc tăng cường nghiên cứu, thường xuyên dự báo, cảnh báo các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng lên hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, đăng tin công khai và phổ biến đến doanh nghiệp. Mặt khác, Bộ chủ động làm việc, phối hợp, thậm chí đấu tranh với các cơ quan điều tra nước ngoài ngay từ giai đoạn điều tra ban đầu để bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp nước ta.

Đối với các thị trường là đối tác của Việt Nam trong các FTA thế

hệ mới có mức độ cắt giảm thuế quan rất cao, việc sử dụng các biện pháp PVTM được cho là sẽ tinh vi hơn. Do đó, nhằm tập trung tiếp tục đảm bảo môi trường cạnh tranh bình đẳng, tháo gỡ khó khăn đối với các rào cản xuất khẩu và nâng cao năng lực cho cộng đồng doanh nghiệp và các Hiệp hội trong lĩnh vực phòng vệ thương mại, ngày 19/5, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1347/QĐ-BCT triển khai một số hoạt động của Bộ nhằm hỗ trợ, nâng cao năng lực PVTM cho các ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh Việt Nam tham gia các Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới.

Bên cạnh những khó khăn tại thị trường xuất khẩu, hàng hóa Việt Nam cũng đang đứng trước nguy cơ bị hàng hóa nhập khẩu giá thấp tràn vào, gây sức ép đáng kể cho chỉ số hoạt động của các ngành sản xuất trong nước, làm suy giảm các chỉ số về sản lượng sản xuất, lượng bán hàng, doanh thu, lợi nhuận, thị phần..., tăng lượng hàng tồn kho trong nước, dễ dẫn đến tình trạng thua lỗ, phá sản của nhiều doanh nghiệp.

Lường trước vấn đề này, ngay khi thời điểm dịch bệnh Covid-19 bắt đầu có dấu hiệu lây lan trên diện rộng, Bộ Công thương đã theo dõi sát diễn biến giá, tình hình nhập khẩu; chủ động nghiên cứu và dự báo khả năng lượng hàng tồn kho của các quốc gia do dịch bệnh có thể tràn vào

Việt Nam với mức giá cạnh tranh; rà soát định kỳ để từ đó sẵn sàng các phương án biện pháp PVTM phù hợp.

Cụ thể, ngày 18/3, Bộ Công thương đã thông báo ban hành quyết định số 880/QĐ-BCT áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen có xuất xứ từ Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia, có hiệu lực từ ngày 25/3/2020. Với quyết định này, mức thuế chống bán phá giá tạm thời được áp dụng cho các doanh nghiệp xuất khẩu màng nhựa của Trung Quốc là từ 14,99% - 43,04%, của Malaysia là từ 10,91% - 23,05% và của Thái Lan là 20,35%. Chỉ 2 ngày sau đó, Bộ Công thương tiếp tục ban hành quyết định số 881/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Trung Quốc và Indonesia, có hiệu lực từ ngày 25/3/2020. Theo đó, các sản phẩm bột ngọt nhập khẩu có xuất xứ từ 2 quốc gia này sẽ bị áp dụng mức thuế tuyệt đối được đưa ra.

Cũng trong tháng 3/2020, Bộ Công thương đã phải ra quyết định gia hạn áp dụng biện pháp tự vệ đối với sản phẩm phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam, với 3 giai đoạn cụ thể: Từ ngày 22/3/2020 đến ngày 21/3/2021: mức thuế áp dụng với phôi thép là 15,3%, thép dài 9,4%; từ ngày



22/3/2021 đến ngày 21/3/2022: phôi thép 13,3%, thép dài 7,9%; từ ngày 22/3/2022 đến ngày 21/3/2023: phôi thép 11,3%, thép dài 6,4%. Theo đánh giá của Cục Phòng vệ thương mại, việc gia hạn này là cần thiết trong bối cảnh đại dịch kéo dài đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp, giúp ngành sản xuất trong nước có thêm thời gian để điều chỉnh kế hoạch, đảm bảo hiệu quả của biện pháp.

Mặc dù đã có nhiều hành động cụ thể được đưa ra, nhưng trong quá trình triển khai thực tế, Việt Nam vẫn tồn tại không ít vướng mắc trong ứng phó với các vụ việc hàng Việt bị khởi kiện PVTM. Ví dụ như việc thu thập số liệu, tìm hiểu về thực trạng hoạt động của ngành sản xuất trong nước nhằm phục vụ công tác điều tra PVTM còn khó khăn do hạn chế về thông tin và sự phối hợp của nhiều bên liên quan. Bên cạnh đó, cơ quan điều tra PVTM của Việt Nam còn bị hạn chế về nguồn lực, cán bộ điều tra yếu về kinh nghiệm. Trong khi đó, sự hiểu biết của một số doanh nghiệp trong nước về quy định, cam kết quốc tế cũng như thị trường xuất khẩu còn hạn chế...

Tại thị trường trong nước, số các doanh nghiệp sử dụng công cụ PVTM để bảo vệ sản xuất trong nước cũng rất khiêm tốn và chỉ là những hoạt động riêng lẻ, do họ chưa coi việc PVTM như một công cụ "phòng vệ" hợp pháp để cạnh tranh với các hàng hóa nhập khẩu. Bên cạnh đó, chúng ta chưa có các hiệp hội hoạt động thực sự hiệu quả nhằm nâng cao sức mạnh đoàn kết của các doanh nghiệp.

Trước những vấn đề tồn tại trên, để nhanh chóng hỗ trợ doanh nghiệp ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu, tháng 3/2020,

Thủ tướng đã phê duyệt Đề án "Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại", nhằm theo dõi, cảnh báo và hỗ trợ cơ quan điều tra về phòng vệ thương mại và các cơ quan liên quan trong việc điều tra, xử lý các vụ việc phòng vệ thương mại trong và ngoài nước, giải quyết tranh chấp tại Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đảm bảo mục tiêu bảo vệ sản xuất trong nước, chủ động phòng ngừa và ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại của nước ngoài, hướng tới xuất khẩu bền vững. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội ngành hàng, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng doanh nghiệp trong việc nắm tình hình, thường xuyên cập nhật những điều chỉnh trong chính sách thương mại của các nước là đối tác thương mại lớn của Việt Nam; phân tích, dự báo, sớm phát hiện những chính sách cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu của Việt Nam. Đề án đồng thời đặt mục tiêu bồi dưỡng, đào tạo về PVTM cho 1000 cán bộ, 30 hiệp hội ngành hàng và 5000 doanh nghiệp, kể cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đề án đề ra các nhiệm vụ và giải pháp như: Hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật; Xây dựng và vận hành Hệ thống cảnh báo sớm; Nâng cao năng lực sử dụng Hệ thống cảnh báo sớm. Đối với nhiệm vụ xây dựng và vận hành Hệ thống cảnh báo sớm, Việt Nam tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc, máy chủ, đường truyền để phục vụ công tác phân tích và cảnh báo theo hướng đồng bộ, hiện đại và đáp ứng nhu cầu

cảnh báo sớm trong lĩnh vực PVTM, qua đó khai thác hiệu quả lợi ích và hạn chế đến mức thấp nhất tác động tiêu cực từ việc hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu thống kê về xuất nhập khẩu của Việt Nam với các đối tác thương mại lớn theo từng giai đoạn.

Nhằm kịp thời nâng cao năng lực PVTM cho các ngành sản xuất trong nước, ngày 19/5 mới đây, Bộ Công Thương cũng đã ban hành quyết định triển khai tập trung vào một số nhóm hoạt động sau: (1) Đào tạo về kiến thức từ tổng quát đến chuyên sâu trong lĩnh vực PVTM cho các ngành sản xuất trong nước, đặc biệt là các hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp; (2) Cung cấp thông tin về các biện pháp PVTM hiện nay cho các Hiệp hội, ngành sản xuất trong nước; (3) Hoàn thiện thể chế về PVTM theo hướng hiệu quả, tinh giản và phù hợp với các diễn biến mới; (4) Tăng cường công tác thực thi các quy định về PVTM.

Bộ Công Thương cho biết, trong thời gian tới sẽ tiếp tục xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Đề án Nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác PVTM trong bối cảnh Việt Nam tham gia các FTA thế hệ mới; Đề án Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong xử lý vụ việc PVTM; ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện cam kết về PVTM trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

Có thể nói Việt Nam đang chủ động, sẵn sàng các ứng phó với các biện pháp PVTM tại các thị trường xuất khẩu và sẽ đồng thời tăng cường sử dụng công cụ này một cách phù hợp để ngành sản xuất trong nước vững vàng vượt qua giai đoạn khó khăn và vươn xa ra biển lớn./.



DOANH NGHIỆP FDI NHÌN TỪ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA PCI 2019: NHIỀU TRIỂN VỌNG TƯƠI SÁNG

ThS. Đào Bùi Kiên Trung
Đại học Kinh tế Quốc dân

Điều tra PCI-FDI 2019 tập trung phân tích những cảm nhận và trải nghiệm của 1.583 doanh nghiệp FDI đến từ 52 quốc gia và vùng lãnh thổ hiện đang đầu tư vào 21 tỉnh, thành phố phát triển nhất của Việt Nam. Mặc dù các doanh nghiệp FDI vẫn còn những lo lắng về một số khía cạnh quan trọng của môi trường đầu tư tại Việt Nam, nhưng kết quả điều tra đã cho thấy những triển vọng tươi sáng của các doanh nghiệp FDI ở nhiều lĩnh vực. Điều này khẳng định kết quả tích cực của những cải cách kinh tế thực hiện trong vòng 10 năm qua.

Năm 2019, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cam kết và giải ngân vào Việt Nam đạt mức cao nhất trong một thập kỉ qua. Số vốn FDI đăng ký là 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018, trong đó có gần 3.900 dự án được cấp phép mới tăng 27,5%. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2019 ước tính đạt 20,4 tỷ USD, tăng gần 7% so với năm trước. Tỷ lệ giải ngân - tức là tỷ lệ vốn đã thực hiện trên vốn cam kết - đạt 54%, mức kỷ lục kể từ khi Việt Nam thực hiện đổi mới. Con số này cho thấy niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào môi trường đầu tư tại Việt Nam ngày càng gia tăng, có thêm nhiều nhà đầu tư mong muốn mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh ra ngoài địa điểm đầu tư ban đầu.

Dữ liệu điều tra doanh nghiệp PCI - FDI 2019 cho thấy, có xu hướng gia tăng cả về quy mô lao động và quy mô vốn đầu tư ở các doanh nghiệp FDI. Lần đầu tiên

trong 10 năm qua, dòng vốn FDI tăng không chỉ do các dự án mới, mà còn bởi các nhà đầu tư nước ngoài đang hoạt động sẵn sàng mở rộng quy mô đầu tư hiện tại sau khi đã thực sự trải nghiệm môi trường đầu tư tại Việt Nam. Số vốn đầu tư trung bình (đã điều chỉnh lạm phát) tăng từ 62,5 tỷ đồng năm 2016 lên 72,6 tỷ đồng năm 2019. Các doanh nghiệp FDI có mức vốn đầu tư lớn nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, với số vốn gần gấp ba mức vốn trung bình chung toàn quốc (233 tỷ đồng). Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực may mặc, sản xuất các sản phẩm từ giấy và từ kim loại đúc sẵn có tăng trưởng quy mô vốn cao nhất (15%). Trong vòng hai năm tới, có 73% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản cho biết sẵn sàng mở rộng kinh doanh; 60% doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện tử, xe động cơ, chế biến thực phẩm và sản xuất

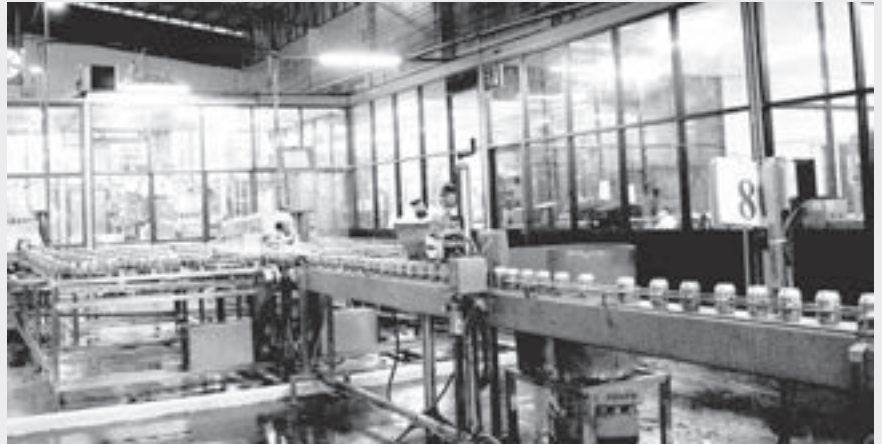
kim loại lạc quan về triển vọng mở rộng sản xuất kinh doanh.

Quy mô lao động tại các doanh nghiệp FDI cũng có sự gia tăng trở lại sau một thời gian có xu hướng giảm. Năm 2019, số lao động trung bình của doanh nghiệp FDI tham gia điều tra PCI là 191 lao động, tức là tăng 13 lao động/doanh nghiệp so với năm 2018. Mức tăng quy mô lao động trung bình lớn nhất đang diễn ra ở các ngành chế biến gỗ và sản phẩm gỗ, dệt may và cung cấp năng lượng - những lĩnh vực mà trong đó doanh nghiệp gia tăng quy mô để đáp ứng nhu cầu quốc tế và nhu cầu tiêu thụ năng lượng trong nước. Song cũng có sự sụt giảm đáng chú ý ở một số ngành, đặc biệt là ngành bán buôn/bán lẻ, dịch vụ thông tin và truyền thông, trong đó quy mô lao động trung bình giảm tương ứng 48% và 37% kể từ năm 2016. Xu hướng này có thể là do ngày càng nhiều doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ hướng

đến tự động hóa quy trình sản xuất kinh doanh của mình.

Bên cạnh những tín hiệu khả quan về quy mô vốn và lao động, đa số doanh nghiệp nước ngoài cũng đánh giá tích cực về các nỗ lực của chính quyền trong cắt giảm chi phí gia nhập thị trường cho doanh nghiệp, thể hiện qua việc thủ tục cấp các loại giấy tờ cần thiết, giấy phép, giấy chứng nhận để doanh nghiệp có thể hoạt động chính thức đều giảm. Các cải cách, khởi đầu với sự ra đời của Luật Doanh nghiệp năm 2000 và Luật Đầu tư 2005, đến nay vẫn tiếp tục. Đặc biệt, Luật Đầu tư 2014 và các văn bản liên quan đã cắt giảm đáng kể chi phí hành chính để đầu tư tại Việt Nam. Năm 2014, tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ dưới ba tháng mới nhận được tất cả giấy tờ cần thiết để hoạt động chính thức là 80%. Đến năm 2019, con số này là 92%, tỷ lệ cao nhất kể từ năm 2010. Hơn nữa, năm 2019, 56% doanh nghiệp đã hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp trong thời gian dưới 1 tháng, là mức cao nhất kể từ năm 2011; 11% doanh nghiệp FDI cho biết chỉ mất chưa đầy một tuần để nhận được đầy đủ giấy tờ cần thiết để đi vào hoạt động chính thức.

Kể từ năm 2015, thời gian chờ đợi đối với giấy phép đầu tư ban đầu đã giảm trung bình từ 60 ngày xuống dưới 40 ngày, đối với giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã giảm từ trung bình từ 36 ngày xuống 20 ngày, đối với gia hạn giấy phép đầu tư giảm từ 35 ngày xuống 25 ngày, và đối với thủ tục xin cấp mã số thuế giảm từ 22 ngày xuống dưới 20 ngày. Như vậy, nhờ các nỗ lực cải cách trong 4 năm qua, thời gian thành lập doanh nghiệp đã giảm tổng cộng 38 ngày cho các doanh nghiệp FDI, tương đương giảm đến 27%



chi phí gia nhập thị trường cho doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

Điều tra PCI-FDI 2019 cũng ghi nhận sự cải thiện đáng kể trong lĩnh vực tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất, sau khi Luật Đất đai 2013 ban hành. Tỷ lệ doanh nghiệp FDI đánh giá rủi ro bị thu hồi đất, mặt bằng sản xuất kinh doanh là thấp hoặc rất thấp đã tăng từ mức trung bình 47,1% năm 2012 lên mức 79,5% năm 2019. Ở nhóm doanh nghiệp có mặt bằng sản xuất trong khu công nghiệp, sự cải thiện là rõ nét nhất. Trước thời điểm có Luật Đất đai, chỉ có 37% doanh nghiệp nằm trong các khu công nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, song tỷ lệ này đã tăng lên 51% vào năm 2019.

Năm 2019, hầu hết các chỉ tiêu đo lường chi phí không chính thức trong lĩnh vực xin cấp giấy phép, đất đai, thanh, kiểm tra và tòa án đều có sự cải thiện mạnh so với mức cao kỷ lục của năm 2016. Đây là một thành công rất đáng ghi nhận của công cuộc chống tham nhũng hiện nay của Việt Nam. Chi phí trung bình doanh nghiệp FDI phải bỏ ra để chi trả chi phí không chính thức đã giảm từ mức 1,6% doanh thu của doanh nghiệp năm 2016 xuống 1,1% năm 2019, tức là tổng chi phí mà khối doanh nghiệp FDI bỏ ra để chi trả chi phí

không chính thức đã giảm 31%. Con số này tương đương với việc các doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam tiết giảm được 1,1 tỷ USD để có thể sử dụng hiệu quả vào việc đổi mới công nghệ, tuyển dụng lao động và thậm chí nộp thuế chính thức. Đây là một cải thiện hết sức ấn tượng.

Có thể nói, những nỗ lực của các cấp chính quyền đang dần chuyển đổi cách thức nhà đầu tư nước ngoài tương tác với chính quyền, từ đó cắt giảm chi phí sản xuất kinh doanh, giảm bớt lo lắng của nhà đầu tư về các rủi ro pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay, đặc điểm và quy mô của các doanh nghiệp FDI đang dần thay đổi, do sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam, sự xuất hiện của tầng lớp trung lưu, trình độ phát triển công nghệ cộng với các thay đổi trong nền kinh tế toàn cầu (đáng chú ý nhất là việc Mỹ áp thuế lên hàng hóa Trung Quốc), do vậy, xu hướng ngày càng có nhiều doanh nghiệp mới gia nhập thị trường hoặc mở rộng hoạt động sang lĩnh vực sản xuất sản phẩm công nghệ cao hơn. Để phát triển, thế hệ các doanh nghiệp mới này sẽ cần một loạt chính sách khác từ Nhà nước Việt Nam.

Trong quá trình phân tích PCI 2019 có hai vấn đề đáng quan tâm đặc biệt. Thứ nhất, hệ thống

quy định, thủ tục của Việt Nam cần trở nên hiệu quả và chuyên nghiệp hơn. Nhìn chung, gánh nặng thực hiện quy định, thủ tục là không quá nặng nề. Trung bình mỗi năm doanh nghiệp FDI phải trải qua 2 lần thanh tra, kiểm tra và 1,5 lần thanh, kiểm tra thuế. Tuy nhiên, gánh nặng chi phí tuân thủ là không đồng đều, một tỷ lệ nhỏ doanh nghiệp FDI đang phải chịu gánh nặng chi phí tuân thủ không tương xứng.

Thứ hai, mặc dù công cuộc chống tham nhũng đã có những thành tựu đáng kể nhưng không được chú quan. Theo kết quả điều tra, có 48% doanh nghiệp FDI thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép xây dựng trong năm 2019 đã chi trả thêm trung bình khoảng 24 triệu VND chi phí không chính thức để nhận được giấy phép này. Tuy nhiên, các con số này có thể chưa phản ánh đúng mức chi phí thực tế, bởi chưa tính đến các doanh nghiệp FDI đã bỏ qua việc xin cấp giấy phép xây dựng do lo ngại phải mất thêm chi phí không chính thức. Rõ ràng, những loại chi phí này có thể khiến các doanh nghiệp đang hoạt động từ bỏ ý định mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tóm lại, Chính phủ cũng như chính quyền các địa phương đã thể hiện rõ sự sẵn sàng nỗ lực và đổi mới để tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam như một điểm đến cho đầu tư nước ngoài. Các nỗ lực này đã góp phần thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp FDI thành công sẵn sàng mở rộng đầu tư tại Việt Nam, góp phần thay đổi cơ cấu của khối doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, khi mà ngày càng nhiều doanh nghiệp công nghệ gia nhập thị trường. Vì vậy, Việt Nam sẽ cần phải duy trì và phát huy phương pháp tiếp cận hướng đến đổi mới và cải cách để giải quyết các thách thức, khó khăn mới sẽ phát sinh trong một môi trường kinh doanh, đầu tư luôn thay đổi trong tương lai./.

Thị trường



**GIẢ TĂNG QUY MÔ VÀ HIỆU QUẢ
KINH DOANH CHO DOANH NGHIỆP**

ThS. Đặng Thị Lan
Học viện Ngân hàng

Thị trường mua bán - sáp nhập (M&A) tại Việt Nam đang tăng trưởng mạnh mẽ, tiệm cận quy mô của các quốc gia trong khu vực. Các thương vụ M&A có giá trị lên đến hàng nghìn, thậm chí hàng chục nghìn tỷ đồng. Nhiều doanh nghiệp nhỏ sau khi được doanh nghiệp lớn mua lại đã gia tăng hiệu quả kinh doanh, quy mô và tính cạnh tranh của doanh nghiệp cao hơn. Nhờ đó, doanh nghiệp chuẩn bị tốt hơn khi tham gia hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Thị trường M&A gia tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp

Việt Nam có thị trường gần 100 triệu dân, nền kinh tế tăng trưởng cao và ổn định, cùng với đó là chính sách chủ trương hội nhập quốc tế, khuyến khích đầu tư nước ngoài đã tạo cho Việt Nam có một khuôn khổ pháp lý rộng mở, đem đến nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp trong nước trong hoạt động M&A. Hoạt động M&A xuất hiện tại Việt Nam vào khoảng những năm 1990. Sau 30 năm, hoạt động M&A ngày càng được đẩy mạnh và phát triển sôi động. Quy mô và giá trị thương vụ M&A tăng dần qua từng năm. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2019, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam (bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài) đạt 38 tỷ USD, tăng 7,2% so với năm 2018. Trong đó có 9.842 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 15,5 tỷ USD, tăng 56,4%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần

có 2.136 lượt làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp gần 9,2 tỷ USD và 7.706 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị vốn góp là 6,3 tỷ USD.

Riêng 5 tháng đầu năm 2020 (tính đến ngày 20/5/2020), tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 13,9 tỷ USD, giảm 17% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 3.528 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn gần 3 tỷ USD, giảm 60,9%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 715 lượt góp vốn làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 1,2 tỷ USD và 2.813 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 1,8 tỷ USD.

Ngành nghề nhà đầu tư nước ngoài rót vốn trong hoạt động M&A cũng khá đa dạng, trong đó ngành bán lẻ tiếp tục là lĩnh vực có sức hút đối với các nhà đầu tư. Đánh giá của Tổng cục Thống kê cho thấy, quy mô thị trường bán lẻ Việt Nam năm 2010 là 88 tỷ USD, đến năm 2017 đã tăng nhanh lên 130 tỷ USD và dự báo năm 2020 là 150 tỷ USD. Ngành bán lẻ vẫn còn nhiều tiềm năng nhờ thị trường tiêu thụ rộng, dân số trẻ. Trong 5 tháng đầu năm 2020, hình thức góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài, vốn đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,1 tỷ USD, chiếm 35,6% tổng vốn; bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy đạt 624,5 triệu USD, chiếm 20,9%; hoạt động chuyên môn, khoa học

và công nghệ đạt 324,9 triệu USD, chiếm 10,8%; các ngành còn lại đạt 977,1 triệu USD, chiếm 32,7%.

Các thương vụ M&A là hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp có sự tham gia của ít nhất hai công ty. Khi tham gia vào hoạt động M&A, doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội được tiếp cận, liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp nước ngoài. Đồng thời qua M&A doanh nghiệp Việt Nam có cơ hội tiếp xúc môi trường tốt hơn và có điều kiện mới hơn. Kết quả hoạt động sau M&A tạo nên những thay đổi trong quản trị, vận hành kinh doanh của các bên tham gia.

Ngoài việc hợp tác với các đối tác nước ngoài trong khoảng 10 năm trở lại đây đã cho thấy sự chuyển mình và trỗi dậy của các doanh nghiệp tư nhân trong nước tham gia vào mua bán - sáp nhập các công ty nước ngoài, thực hiện chiến lược đưa doanh nghiệp tăng tốc lên quy mô tầm khu vực và thế giới nhanh hơn. Thành lập vào năm 1996, sau 23 năm, Công ty cổ phần tập đoàn Masan (MSN) trở thành tập đoàn hàng đầu với giá trị hàng tỷ USD. Để thực hiện mục tiêu xây dựng tập đoàn lớn hàng đầu, Masan thông qua các thương vụ M&A đã chi hàng trăm triệu USD thu mua các doanh nghiệp ngoại tầm cỡ như: Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc (Proconco) và Cty cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (Anco)... thông qua hoạt động M&A, Masan đã nhanh chóng xây dựng được chuỗi giá trị của ngành hàng đạm động vật - thị trường có trị giá lên tới 18 tỷ USD, từ thức ăn gia súc (Proconco), đến chăn nuôi gia súc (Anco), chế biến thịt (thâu tóm Vissan) và mới đây là cho ra đời MeatLife. Ngoài ra, qua M&A, Masan đã mua lại toàn bộ

nền tảng kinh doanh vonfram của H.C.StarckGmbH (HCS) - nhà chế tạo hàng đầu thế giới về kim loại có công nghệ chịu nhiệt, cung cấp cho các lĩnh vực công nghiệp như: Điện tử, hóa chất, ô tô, y tế, hàng không, năng lượng và môi trường. Các sản phẩm của HCS đều được sản xuất tại các tổ hợp được đóng ở châu Âu, châu Mỹ và châu Á. Việc mua lại HCS đã đưa Masan đứng cùng các doanh nghiệp lớn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực khai khoáng và cơ khí chế tạo.

Cũng đặt mục tiêu vươn ra thị trường thế giới, giữa năm 2018, Vingroup mạnh tay mua 51% cổ phần Mundo Reader, công ty chủ quản của thương hiệu smartphone BQ. Việc mua lại công ty công nghệ hàng đầu Tây Ban Nha - BQ, VinGroup đã tiếp nhận kinh doanh trong một số lĩnh vực hi-tech có liên quan tới smartphone như: Robotics và in 3D; có quan hệ với một số tên tuổi quan trọng như: Qualcomm và Google. Ngoài ra, VinGroup còn được kế thừa các bằng sáng chế của BQ. Sau khi thu mua BQ điện thoại Vsmart đã chính thức có mặt tại Tây Ban Nha - thị trường của ngõ vươn ra khu vực châu Âu của công ty VinSmart. Theo Vingroup, các sản phẩm của công ty Vinsmart được phân phối qua gần 90 cửa hàng của MediaMarkt - nhà bán lẻ điện tử tiêu dùng lớn nhất châu Âu. Với tham vọng đưa sản phẩm điện thoại thông minh ra thị trường toàn cầu, công ty VinSmart đã thành lập 6 nhóm kinh doanh cho hoạt động thương mại ở các khu vực trên thế giới.

Bên cạnh hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp từ các thương vụ M&A thời gian qua còn phải kể đến những chuyển động trong chính sách như: Luật Doanh nghiệp,

Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán và đặc biệt việc Bộ Chính trị lần đầu ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã mang lại những tác động tích cực cho thị trường. Ngoài ra, việc ký và thực thi các hiệp định tự do thương mại cũng sẽ mở ra cơ hội lớn để Việt Nam tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài, trong đó có dòng vốn đầu tư thông qua hình thức M&A, từ đó gia tăng hơn nữa quy mô và hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp.

Tuy nhiên bên cạnh những lợi ích M&A mang lại cho các doanh nghiệp thì việc mua bán và sáp nhập doanh nghiệp cũng đặt ra những vấn đề cần giải quyết như: Quy mô hoạt động M&A tại Việt Nam chưa thể so với các nước trong khu vực và thế giới. Các thương vụ sáp nhập doanh nghiệp còn mang tính liên doanh, hợp tác giữa các bên; trình độ quản lý của doanh nghiệp Việt Nam chưa đáp ứng mức độ hợp tác cao mà các thương vụ M&A đòi hỏi; chất lượng thông tin công bố của các doanh nghiệp còn rất sơ sài; doanh nghiệp Việt Nam thiếu kinh nghiệm, vốn, năng lực nên tham gia vào hoạt động M&A xuyên quốc gia chưa cao; sự khác biệt về văn hóa làm ảnh hưởng đến hiệu quả vận hành sau M&A của các công ty nước ngoài khi tham gia vào thị trường Việt Nam qua hoạt động M&A, dẫn tới việc đạt các mục tiêu trước M&A của doanh nghiệp không được như kỳ vọng.

Giải pháp gia tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp Việt Nam trong phát triển thị trường M&A

Theo các nhà phân tích, thị trường M&A tại Việt Nam sẽ tiếp tục

phát triển trong thời gian tới. Để tận dụng hiệu quả M&A làm gia tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp, Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp như:

Về quản lý Nhà nước

Một là, tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư nước ngoài phù hợp xu hướng phát triển, tiếp cận chuẩn mực tiên tiến quốc tế và hài hòa với các cam kết quốc tế, bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán, công khai, minh bạch và tính cạnh tranh cao.

Hai là, xây dựng kênh kiểm soát thông tin, tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh cho cả bên mua, bên bán. Cần quy định việc công bố thông tin với đối tượng tham gia không chỉ là công ty truyền thông mà bao gồm cả doanh nghiệp. Việc cung cấp thông tin được quy định rõ loại thông tin và hình thức công bố thông tin. Cung cấp thông tin cho thị trường có thể thực hiện như một dịch vụ với chi phí hợp lý.

Ba là, cần phân tích tác động của hoạt động M&A đến hiệu quả kinh tế và cạnh tranh trong ngành trên các khía cạnh như: Số lượng các doanh nghiệp trên thị trường, mức độ cạnh tranh giữa các bên tham gia M&A; mức độ minh bạch của thị trường; áp lực cạnh tranh từ sản phẩm nhập khẩu, khả năng gia nhập thị trường của doanh nghiệp tiềm năng; tính chất thay thế của sản phẩm.

Bốn là, cần có những chương trình, kế hoạch đào tạo đội ngũ chuyên gia tư vấn, môi giới chuyên nghiệp cho cả bên mua, bên bán, đồng thời là người cung cấp thông tin tốt nhất về thị trường. Giúp thị trường M&A Việt Nam hoạt động tốt và đi vào chuyên nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Về phía các doanh nghiệp

Một là, doanh nghiệp cần xác định quan hệ pháp lý nội bộ của các cổ đông, thành viên doanh nghiệp, chủ sở hữu tài sản, chế độ pháp lý đối với các loại tài sản, hồ sơ dự án, quyền sử dụng đất, các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác đầu tư, hợp đồng đối với người lao động... từ đó có giải pháp hạn chế rủi ro và đưa ra quyết định M&A phù hợp.

Hai là, doanh nghiệp phải xác định thị phần của mình và dự tính thị phần kết hợp nếu thực hiện M&A; chủ động tự đánh giá quy mô doanh nghiệp của mình và doanh nghiệp mục tiêu. Ngoài ra, dựa trên các tiêu chí của pháp luật đặt ra để xem xét nhóm tập trung kinh tế cần kiểm soát như: Tổng tài sản trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế; tổng doanh thu trên thị trường Việt Nam của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế; giá trị giao dịch của tập trung kinh tế; thị phần kết hợp trên thị trường liên quan của doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế.

Ba là, cần xem xét lĩnh vực dự định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài thực hiện M&A để tiến hành rà soát hướng dẫn của luật chuyên ngành trong lĩnh vực đó, từ đó đưa ra mức tỷ lệ góp vốn, mua cổ phần hợp lý.

Bốn là, các doanh nghiệp Việt Nam cần có nền tảng kiến thức về pháp lý cơ bản, nhằm thực hiện hiệu quả hoạt động M&A, nâng cao ưu thế so với các nhà đầu tư nước ngoài.

Năm là, các nhà quản trị công ty cần xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh phù hợp để điều hành khối tài sản và nguồn lực mới sau hoạt động M&A đem lại để đạt được mục tiêu kinh doanh, kết quả lợi nhuận và giá trị đồng vốn đầu tư đem lại./.

Khoa học và công nghệ - Thành tựu và thách thức TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trần Thị Thu Trang

Vụ Thống kê Tổng hợp - TCTK

Trong những thập niên gần đây, với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học công nghệ (KHCN), Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực khoa học - xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên, xây dựng, công nghệ thông tin, truyền thông, y học... Những thành công trong nghiên cứu và ứng dụng KHCN đã góp phần làm cho chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện theo hướng bền vững và ổn định. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, hoạt động KHCN của nước ta vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, cần sự đầu tư phát triển hơn nữa để tiếp tục có những đóng góp thiết thực vào việc thúc đẩy phát triển đồng bộ các lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước trong tình hình mới.

Thành tựu

Thời gian qua, Việt Nam chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của KHCN, nhất là trên các lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... Theo đó, KHCN của Việt Nam đã từng bước hội nhập, giao lưu với nền KHCN thế giới, tạo thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế - xã hội.

Theo số liệu nghiên cứu của Bộ Khoa học và Công nghệ, nhân tố KHCN đóng góp hơn 30% giá trị gia tăng trong sản xuất nông nghiệp, 38% trong sản xuất giống cây trồng, vật nuôi. Số lượng bài báo khoa học, công trình công bố quốc tế của Việt Nam tăng nhanh, xếp thứ 56 trên tổng số hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục tăng.

Năm 2019, Báo cáo về xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) cho biết, Việt Nam tăng 3 bậc lên vị trí 42/129 quốc gia/nền kinh tế. Với thứ hạng này Việt Nam vươn lên thứ nhất trong nhóm 26 quốc gia thu nhập trung bình thấp, thứ 3 trong ASEAN, sau Singapore và Malaysia. Đây là thứ hạng cao nhất Việt Nam đạt được từ trước đến nay. So với năm 2018, hai chỉ số liên quan khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tăng mạnh. Trong đó, tổng chi cho nghiên cứu và phát triển tăng 5 bậc (đầu vào); sản phẩm dựa trên tri thức và công nghệ tăng 8 bậc (đầu ra). Các chỉ số về trình độ phát triển của thị trường tăng 3 bậc; tin dụng tăng 4 bậc; tăng năng suất lao động tăng 3 bậc. Năm 2018, Việt Nam được xếp hạng 45 trên

126 quốc gia và nền kinh tế, tăng 02 bậc so với năm 2017. Trong khi đó, năm 2017, chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam đạt 47/127 nước và nền kinh tế tăng 12 bậc so với năm 2016 (59/128), xếp vị trí thứ 9 trong khu vực Đông Nam Á - Đông Á - châu Đại Dương.

Có thể thấy, sự phát triển của hoạt động KHCN thời gian qua đã từng bước được đáp ứng với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được hoàn thiện, tập trung hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp KHCN; khuyến khích nhập khẩu công nghệ cao vào những ngành, lĩnh vực ưu tiên và ngăn chặn nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ lạc hậu; xây dựng hệ thống sở hữu trí tuệ phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tốt nhất vai trò của sở hữu trí tuệ là công cụ thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Theo thống kê, hiện nay hệ thống các tổ chức KHCN tại Việt Nam có sự phát triển mạnh, cả nước đã có hơn 4.000 tổ chức KHCN thuộc mọi thành phần kinh tế. Đội ngũ nhân lực phát triển cả về số lượng và chất lượng với khoảng 67 nghìn cán bộ nghiên cứu, đạt tỷ lệ 7 người/vạn dân. Số lượng công bố quốc tế của các nhà khoa học Việt Nam tăng trung bình 26%/năm, lĩnh vực toán học

và vật lý luôn đứng ở tốp đầu các nước ASEAN. Việc ứng dụng công nghệ cao và phát triển sản phẩm theo chuỗi được đẩy mạnh trong các ngành nông nghiệp và công nghiệp. Các nhà khoa học trong nước đã làm chủ công nghệ thiết kế, thi công các nhà máy thủy điện lớn, công trình ngầm, nhà cao tầng, cầu dây văng, đường cao tốc đạt chuẩn quốc tế; chế tạo thành công thiết bị cơ khí thủy công và nâng hạ siêu trường, siêu trọng; làm chủ các kỹ thuật tiên tiến trong y tế như ghép đa tạng, sản xuất vắc-xin.

Năm 2019, đã có 68.386 đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2018; Lượng đơn sở hữu công nghiệp được xử lý tăng đột biến (46,9% so với cùng kỳ năm 2018); cấp văn bằng bảo hộ cho 30.453 đối tượng sở hữu công nghiệp, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm 2018 (20.251 văn bằng).

Cùng với đó, theo kết quả TĐT dân số năm 2019, tỷ lệ dân số có trình độ chuyên môn kỹ thuật của Việt Nam đã tăng lên đáng kể so với năm 2009, tăng 5,9 điểm phần trăm, đạt 19,2% (năm 2009: 13,3%). Tỷ lệ dân số có trình độ đại học trở lên tăng mạnh nhất (chiếm 9,3%), gấp hơn hai lần so với năm 2009 (năm 2009: 4,4%).

Với nguồn lực tham gia hoạt động KHCN hiện có, Việt Nam đã có thêm nhiều những thành tựu trong nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. Theo đó, KHCN đã có những đóng góp mạnh mẽ cho sự phát triển của các ngành chủ chốt. Cụ thể: Năm 2019, lần đầu tiên vệ tinh do kỹ sư Việt Nam thiết kế bay vào vũ trụ; ra mắt nền tảng dữ liệu bản đồ số Việt Nam - Vmap (Đây được coi là sự kết tinh của trí tuệ Việt Nam trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0).

Trong lĩnh vực nông nghiệp: Gạo ST25 của Việt Nam được bình chọn là “Gạo ngon nhất thế giới” năm 2019 và được ICI (International Commodity Institute) cấp chứng nhận. Ngoài ra, với sự hỗ trợ và phát triển KHCN Việt Nam đã sản xuất thành công vắc-xin phòng nhiều bệnh cho vật nuôi, như: vắc-xin cúm gia cầm A/H5N1; phòng bệnh tai xanh cho lợn...

Cũng trong năm 2019, để quảng bá hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam ra thế giới và thu hút các nguồn lực quốc tế đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo của Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức các Ngày hội đổi mới sáng tạo (Techfest) quốc tế tại Hoa Kỳ (từ 7-14/9); Hàn Quốc (từ 3-9/11) và Singapore (từ 10-14/11).

Tại Việt Nam, Ngày hội Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia năm 2019 (Techfest Việt Nam 2019) được tổ chức tại Quảng Ninh (từ ngày 4-6/12) đã thu hút sự quan tâm của hơn 700 doanh nghiệp khởi nghiệp từ cuộc thi của các làng công nghệ. Với trên 250 cuộc kết nối giữa doanh nghiệp khởi nghiệp với mức quan tâm đầu tư đạt gần 14 triệu USD. Những kết quả đạt được từ ngày hội Techfest 2019 đã cho thấy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Việt Nam, đã từng bước tiến ra và hội nhập với quốc tế.

Đặc biệt, những tháng đầu năm 2020, trong bối cảnh cả thế giới đang gồng mình chống đại dịch COVID-19, Việt Nam là một trong số ít các nền kinh tế vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng dương. Trong kết quả đó, vai trò của KHCN đã càng ngày càng được khẳng định với nhiều đề xuất, giải pháp sáng chế, phục vụ hiệu quả cho công tác phòng chống dịch, như: Nghiên cứu, sản xuất thành công bộ KIT

phát hiện SARS-CoV-2, đã được Bộ Y tế cấp phép sử dụng, Vương Quốc Anh cấp giấy chứng nhận được bán tự do tại thị trường châu Âu; Tổ chức Y tế thế giới cũng đã cấp Giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm vào ngày 24/4/2020. Cho đến nay, hơn 230.000 test đã được cung cấp cho cả nước, góp phần đặc biệt quan trọng trong công tác phòng chống Covid-19 ở nước ta.

Ngoài ra, với sự tham gia của KHCN, Việt Nam cũng đã nghiên cứu, sản xuất và thử nghiệm thành công sản phẩm robot hỗ trợ y tế, giúp giảm tải công việc cho đội ngũ y bác sĩ, giảm tiếp xúc trực tiếp với người nhiễm bệnh, người nghi nhiễm bệnh, qua đó giảm lây nhiễm chéo virus Corona...

Với các kết quả khả quan từ việc nghiên cứu thành công các sản phẩm phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19 trong thời gian ngắn vừa qua đã thể hiện sự quan tâm đầu tư của Đảng, Nhà nước và xã hội, đồng thời khẳng định sự lớn mạnh của các tổ chức KHCN và các nhà khoa học của Việt Nam, từng bước đáp ứng yêu cầu và có đủ năng lực để hội nhập thế giới và khẳng định vai trò quan trọng trong sự phát triển của đất nước.

Thách thức

Mặc dù đã có những cải thiện nhất định về tiềm lực KHCN, song đến nay hoạt động KHCN nước ta còn nhiều hạn chế, thách thức. Trong đó, mặc dù hiện các sản phẩm KHCN của Việt Nam đã được cải tiến và đổi mới nhiều, song phần lớn vẫn sử dụng những công nghệ cũ, lạc hậu. Việc đổi mới công nghệ so với mặt bằng chung vẫn còn chậm.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ, năng lực

tiếp cận thị trường KHCN của Việt Nam còn khá chậm so với các nước trên thế giới. Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam hiện vẫn lạc hậu.

Thực tế cho thấy, thị trường KHCN ở nước ta phát triển còn chậm, còn ít các tổ chức trung gian có uy tín, kinh nghiệm trong hoạt động kết nối cung - cầu. Nguồn cung công nghệ của thị trường hạn chế, đổi mới công nghệ chưa trở thành nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp. Đầu tư của xã hội, nhất là của doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ vẫn thấp so với tiềm năng; năng lực hấp thụ công nghệ, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong nước chưa cao.

Bên cạnh đó, mặc dù Việt Nam có quy mô nhân lực đông, có sức khoẻ song lại thiếu kỹ năng và năng lực đổi mới sáng tạo. Đây là điểm bất lợi của lao động Việt Nam để hội nhập với lao động thế giới. Theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) năm 2019, kỹ năng kỹ thuật số của người Việt Nam được đánh giá ở mức điểm 3,8 trên thang điểm 7 (xếp hạng 97), kỹ năng phản biện trong giảng dạy chỉ ở mức 3 điểm trên thang điểm 7 (xếp hạng 106 trên 141 nền kinh tế).

Đội ngũ cán bộ làm công tác khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học đầu ngành còn thiếu và thiếu các trung tâm khoa học lớn; hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và kết quả hoạt động của các khu công nghệ cao còn thấp. Thiếu cơ chế quản lý khoa học nhất là cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, việc nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ làm công tác khoa học không thể thực hiện trong thời gian ngắn mà đòi hỏi nhiều thời gian và tâm sức

cũng là những thách thức không nhỏ cho việc phát triển nền KHCN nước nhà.

Số doanh nghiệp tham gia nghiên cứu trong lĩnh vực KHCN hiện nay chiếm tỷ trọng gần 9%, tỷ trọng này có khuynh hướng gia tăng, tuy nhiên tỷ trọng doanh nghiệp làm việc trực tiếp liên quan đến nghiên cứu khoa học và phát triển lại chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với quy mô trên trên 610,6 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả kinh doanh tại Việt Nam hiện nay (*Theo Sách Trắng Doanh nghiệp 2020 của Tổng cục Thống kê tại thời điểm 31/12/2018, cả nước có 610.637 doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh*).

Bức tranh đổi mới sáng tạo của Việt Nam khá mờ nhạt so với các nước trong khu vực khi số bằng phát minh sáng chế, số sáng chế áp dụng để thương mại hoá ở Việt Nam đều ở khoảng cách khá xa so với các nước. Trong đó phải kể đến việc đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam còn khá hạn chế. Theo tính toán chi cho hoạt động R&D của Việt Nam năm 2018 chỉ khoảng 0,4% GDP so với con số 3,3% GDP của Nhật Bản, 2,2% GDP của Singapore, 2,1% GDP của Trung Quốc. Tại Hàn Quốc, chi cho hoạt động R&D hiện nay chiếm đến 4,2% GDP, số bằng sáng chế được áp dụng thương hiệu vượt cả Nhật Bản với 4378 sáng chế/ triệu dân, thu nhập bình quân đầu người đạt 29.891 USD (năm 2018).

Nguồn vốn đầu tư cho KHCN hiện chưa được chú trọng nhiều. Đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn khá thấp, chủ yếu là từ ngân sách nhà nước. Hoạt động KHCN phần lớn được đầu tư từ ngân sách nhà nước

với mức kinh phí vào khoảng 1,4 - 1,8% tổng chi NSNN hàng năm (không tính phần chi dự phòng an ninh, quốc phòng).

Các chuyên gia cho rằng, KHCN chính là yếu tố quyết định cho tăng trưởng trong dài hạn, là chìa khóa để Việt Nam vượt qua trạng thái dừng, thoát bẫy thu nhập trung bình, đạt tăng trưởng kinh tế cao, vươn lên sự thịnh vượng của quốc gia, của dân tộc... Do vậy, để tạo động lực cho phát triển KHCN, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước, một trong những giải pháp cần chú trọng ưu tiên thực hiện là xã hội hóa các nguồn lực đầu tư cho KHCN, thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, coi đây là nguồn lực chính. Đồng thời, cần chủ động xây dựng, hoàn thiện, bổ sung và phối hợp với các cơ quan ban ngành có liên quan trực tiếp nhằm đồng bộ hóa thể chế tài chính đối với KHCN, nhất là trong điều kiện hội nhập quốc tế mạnh mẽ hiện nay; rà soát lại hệ thống văn bản pháp luật, chính sách về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và cạnh tranh; tạo điều kiện cho các chủ thể tham gia thị trường KHCN tiếp cận được các nguồn vốn tín dụng với lãi suất thấp; hoàn thiện chính sách nhập khẩu công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, từ đây khuyến khích chuyển giao các công nghệ tiên tiến và hạn chế những công nghệ cũ, lạc hậu từ nước ngoài vào Việt Nam... Có như vậy, KHCN ở nước ta mới thực sự trở thành lực lượng sản xuất hiện đại, là nền tảng của nền kinh tế tri thức của quốc gia, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất phát triển và trở thành động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế đất nước./

Trong sự bùng nổ của Cách mạng công nghiệp 4.0, việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) là một xu hướng tất yếu và cần thiết. Tuy nhiên, vốn đầu tư phát triển dành cho sản xuất NNUDCNC tại Hà Nội hiện nay còn nhiều hạn chế, đòi hỏi cần có những giải pháp hiệu quả nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư trong lĩnh vực này.



Thực trạng vốn đầu tư phát triển sản xuất NNUDCNC của Hà Nội

Về đầu tư từ ngân sách nhà nước, thời gian qua, Hà Nội đã và đang quan tâm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và dành nguồn lực đáng kể cho phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất NNUDCNC. Trong 5 năm gần đây, Hà Nội dành khoảng 107 nghìn tỷ đồng cho đầu tư công vào lĩnh vực nông nghiệp. Theo kế hoạch tái cơ cấu ngành Nông nghiệp của Hà Nội giai đoạn 2019-2020, thành phố sẽ dành 204 tỷ đồng hỗ trợ cho chương trình nông nghiệp công nghệ cao; 233 tỷ đồng hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn...

Cùng với đó, Hà Nội phân bổ kinh phí dành cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN) tăng lên qua các năm. Nguồn lực đầu tư cho phát triển KH&CN ngày càng đa dạng, nhất là đầu tư từ ngân sách nhà nước, góp phần quan trọng trong việc thực hiện có kết quả các nhiệm vụ về phát triển KH&CN. Năm 2017, trong số đề tài đã được nghiệm thu của Thành phố có 52% số đề tài khoa học triển khai công nghệ được thực hiện bằng đơn đặt hàng.

Để phục vụ cho phát triển sản xuất NNUDCNC, Hà Nội đã đầu tư để cải tạo và xây dựng mới các công trình thủy lợi. Từ năm 2008 đến nay, đã có hơn 800 công trình thủy lợi được đầu tư cải tạo sửa chữa, nâng cấp bằng nguồn vốn sự nghiệp kinh tế ngân sách

Thành phố, với tổng mức đầu tư khoảng 1.200 tỷ đồng. Các doanh nghiệp thủy lợi cũng đã sử dụng nguồn vốn sửa chữa thường xuyên, nâng cấp công trình thủy lợi. Tổng kinh phí này theo thống kê khoảng 458 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, với chủ trương hạn chế hỗ trợ trực tiếp bằng tiền trong phát triển NNUDCNC, Hà Nội sẽ tập trung tháo gỡ khóa khăn về cơ chế, chính sách... để có thể thu hút các doanh nghiệp đầu tư. Ví dụ như, về vấn đề đất đai, tích tụ ruộng đất nông nghiệp dưới hình thức trang trại, cánh đồng lúa lớn. Hà Nội đã tập trung triển khai thực hiện Nghị định số 01/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Thông tư số 19/TT-BNNPTNT về quản lý sử dụng đất trồng lúa và hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm. Đây là cơ sở thuận lợi để Hà Nội triển khai quy hoạch các vùng sản xuất NNUDCNC.

Về đầu tư của nước ngoài, trong xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế thì vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội. Với lợi thế về nguồn vốn, về khoa học và công nghệ, về kinh nghiệm và trình độ quản lý, FDI được kỳ vọng giúp cho nhiều ngành nghề, trong đó có lĩnh vực nông nghiệp phát triển hơn.

Ở Hà Nội dòng vốn FDI đã tạo được những chuyển biến mạnh mẽ trong nền kinh tế. Hà Nội

THU HÚT VỐN ĐẦU ỨNG DỤNG

là 1 trong 3 địa phương thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất với tổng số vốn đăng ký 8,45 tỷ USD, chiếm 22,2% tổng vốn đầu tư. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, dòng vốn FDI vào khu vực nông nghiệp của cả nước nói chung và Hà Nội nói riêng còn rất hạn chế. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), năm 2019, số dự án cấp mới của ngành Nông, Lâm và thủy sản là 16 dự án, với tổng vốn đầu tư là 72,96 triệu USD, chỉ chiếm 0,41% tổng số dự án và 0,44% tổng số vốn đầu tư FDI. Đặc biệt, vốn FDI công nghệ cao cho nông nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong tổng FDI, khoảng 18% trong vốn FDI cho lĩnh vực nông nghiệp. Các dự án FDI công nghệ cao cho lĩnh vực nông nghiệp chủ yếu tập trung một số ngành: Trồng hoa, rau, chế biến nông sản. Một số ngành như: Nghiên cứu sản xuất giống cây trồng, sản xuất thuốc thú y, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ chưa có nhiều dự án công nghệ cao. Tuy nhiên, mấy năm gần đây, thành phố Hà Nội đã và đang xuất hiện những dự án sản xuất nông nghiệp thông minh,



TƯ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO Ở HÀ NỘI

ThS. Vũ Thị Thúy Hằng

Đại học Lâm nghiệp Việt Nam

phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Về vốn từ các cá nhân và doanh nghiệp tư nhân trong nước, hiện nay tỷ trọng doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp chỉ chiếm 1,3% trong tổng số DN trên cả nước. Ở Hà Nội, số doanh nghiệp trong lĩnh vực Nông, Lâm nghiệp và thủy sản đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh chỉ chiếm 0,39% và chiếm 0,23% về nguồn vốn. Trong đó chỉ có 129 doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, 164 mô hình NNUDCNC trong các nhóm lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy hải sản. Bên cạnh đó, Hà Nội đã quy hoạch 9 khu NNUDCNC và hệ thống các khu kinh tế hỗ trợ có quy mô từ 200 ha đến 900ha/khu. Ngoài ra, thành phố còn có 141 mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân, tạo đầu ra cho nông sản có thị trường tiêu thụ ổn định và đem lại hiệu quả kinh tế cao... Giá trị sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao hiện nay chiếm khoảng 30% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp toàn thành phố. Có thể thấy, những con số trên chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và lợi thế của Thủ đô.

Những khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC ở Hà Nội

Doanh nghiệp trong và ngoài nước vẫn chưa mặn mà với đầu tư sản xuất NNUDCNC ở Hà Nội xuất phát từ nhiều nguyên nhân:

Thứ nhất, Hà nội thiếu đất quy mô lớn. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao đòi hỏi phải có diện tích đất lớn, ít nhất 10 ha đất, còn khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cần ít nhất 100 ha và thời hạn sử dụng đất lâu dài để thực hiện cơ giới hóa, tự động hóa nhằm tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm... Trên thực tế, một số doanh nghiệp đang cần huy động từ 100-150 ha, thậm chí một doanh nghiệp mới đây đăng ký đầu tư vùng trồng dược liệu cần quỹ đất từ 30-35 ha. Tuy nhiên, điều này rất khó thực hiện trên địa bàn Hà Nội.

Thứ hai, NNUDCNC là lĩnh vực cần có nguồn vốn đầu tư lớn, song việc tiếp cận vốn còn nhiều khó khăn về tài sản chế chấp, nhiều thủ tục phức tạp. Tài sản được thế chấp hiện vẫn giới hạn là quyền sử dụng đất, không tính

đến tài sản gắn trên đất; Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gắn với quyền sở hữu tài sản trên đất còn quá chậm, thủ tục cấp giấy chứng nhận DN NN ứng dụng CNC còn rất phức tạp. Bên cạnh đó, để dồn điền đổi thửa của Hà Nội được thuận lợi thì cần thực hiện giải phóng mặt bằng, giao đất sạch cho doanh nghiệp. Nhưng để làm được điều đó thì mức đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu lên tới hàng chục tỷ đồng/ha. Số vốn này vượt quá khả năng ngân sách của địa phương và của nhiều doanh nghiệp.

Thứ ba, cơ sở hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Cơ sở hạ tầng là yếu tố quan trọng để phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC và thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển thủy lợi, khai thông dòng chảy, đảm bảo nguồn nước tưới tiêu... góp phần quan trọng đem lại hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Thực tế ở Hà Nội thì hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, hệ thống xử lý môi trường ... chưa được đầu tư đồng bộ. Điều này tạo ra môi trường đầu tư chưa hấp dẫn, làm cản trở các doanh nghiệp muốn đầu tư vào sản xuất NNUDCNC.

Thứ tư, nguồn nhân lực chất lượng cao còn hạn chế. Để phát huy được hiệu quả của các công nghệ sử dụng, cần có các cán bộ có trình độ kỹ thuật phù hợp để vận hành và chuyển giao kỹ thuật công nghệ cho nông dân. Song trên thực tế, đầu tư đào tạo nguồn nhân lực của Hà Nội chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng để phát triển NNUDCNC. Hiện nay lao động trong lĩnh vực nông nghiệp của thành phố Hà Nội là mắt cân đối nghiêm trọng, chất lượng lao động chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển NNUDCNC.

Giải pháp thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC tại Hà Nội

Vốn đầu tư cho sản xuất NNUDCNC là yếu tố quyết định chất lượng và số lượng các mô hình NNUDCNC của Hà Nội. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào NNUDCNC đang là vấn đề quan trọng để hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, sản phẩm đạt chất lượng cao, bảo đảm chất lượng phục vụ xuất khẩu. Để khắc phục những hạn chế trên, Hà Nội cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sau:

Một là, quy hoạch đất cho NNUDCNC. Hà Nội cần đẩy mạnh quá trình tích tụ ruộng đất. Để tạo quỹ đất sạch cho DN, địa phương có thể sử dụng đến quỹ đất công đã được quy hoạch. Thu hồi những diện tích đất sử dụng không đúng mục đích, đất dự án bỏ hoang, đất không thực hiện đúng cam kết... để giao lại đất dài hạn cho DN ứng dụng CNC. Vận động người dân liên kết với doanh nghiệp, theo đó người dân góp đất, doanh nghiệp đầu tư, người dân được nhận vào công ty để đào tạo và làm việc. Bên cạnh đó, cần tiến tới xóa bỏ hạn điền, kéo dài thời hạn sử dụng đất.

Hai là, hỗ trợ sản xuất về vốn và kỹ thuật. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất về vốn, Thành phố có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân đưa công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ người dân xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, thúc đẩy phát triển thêm nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0.

Đồng thời, tăng cường hỗ trợ việc ứng dụng và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng thí điểm cơ chế nghiên cứu khoa học do DN đặt hàng, cùng đầu tư, nghiệm thu, sử dụng và thương mại hóa kết quả. Cần tập trung vào nghiên cứu khoa học,

công nghệ để tạo ra giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, áp dụng công nghệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị; bảo đảm an toàn vệ sinh của sản phẩm sau thu hoạch.

Ba là, đầu tư vào cơ sở hạ tầng. Tăng chi ngân sách nhà nước để phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hà Nội cần tập trung kinh phí cho phát triển cơ sở hạ tầng, khai thông huyết mạch giao thông, cần có hệ thống điện nước, hệ thống tưới tiêu,... một cách đồng bộ để ổn định để phục vụ sản xuất nông nghiệp CNC.

Bốn là, hoàn thiện cơ chế, chính sách. Cần hoàn thiện hơn nữa về môi trường đầu tư để thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đặc biệt cần cải thiện thủ tục hành chính, bỏ bớt thủ tục rườm rà, cải thiện môi trường kinh tế có liên quan trực tiếp đến phát triển NNDCNC.

Bên cạnh đó, tiếp tục nghiên cứu sửa đổi bổ sung và hoàn thiện cơ chế chính sách phục vụ cho nông nghiệp CNC, như thực hiện các chính sách về hỗ trợ vốn, chính sách thuế, chính sách lãi suất,... Ngoài ra, cần đẩy mạnh các hoạt động trao đổi với DN nhằm nắm bắt những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách, những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn khi chính sách đi vào hoạt động. Qua đó kịp thời điều chỉnh để hoàn thiện các chính sách thu hút vốn đầu tư vào nông nghiệp CNC.

Mặt khác, tập trung đầu tư phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển NNDCNC. Đầu tư nâng cao chất lượng lao động thông qua các hoạt động đào tạo. Cần tập trung đầu tư xây dựng chương trình giảng dạy gắn trực tiếp với ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp ở các bậc đại học và sau đại học. Tăng cường hợp tác giữa các trường đại học, các viện nghiên cứu và hợp tác quốc tế trong đầu tư phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao trong nông nghiệp./.

Các mục tiêu, chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt kế hoạch đề ra

Xác định Chương trình giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm có ý nghĩa quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, HĐND và UBND tỉnh Quảng Bình đã kịp thời ban hành các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả, trong đó có Kế hoạch số 1500/KH-UBND về việc thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU. Cùng gần 569 tỷ đồng từ Ngân sách Trung ương phân bổ, tỉnh đã bố trí thêm 37,1 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện. Nhờ đó, các mục tiêu, chỉ tiêu về giảm nghèo, giải quyết việc làm hàng năm đều đạt và vượt kế hoạch đề ra; giúp đời sống của người nghèo và hạ tầng vùng nghèo được cải thiện rõ rệt, việc làm cho người lao động cơ bản ổn định, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

Về mục tiêu theo Chương trình hành động số 05-CTr/TU, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 2,36%/năm (đạt 118% kế hoạch); tỷ lệ hộ nghèo của các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân 7,49%/năm (đạt 187,25% kế hoạch). Giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho 35.481/32.000 người (đạt 110,1% kế hoạch); đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài bình quân hàng năm cho 3.280/2.200 người (đạt 149,1% kế hoạch); giảm tỷ lệ thất nghiệp chung toàn tỉnh từ 3,34% (đầu năm 2016) xuống còn 1,99% (cuối năm 2019); tỷ lệ sử dụng

Quảng Bình:**CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM ĐẠT NHIỀU KẾT QUẢ TÍCH CỰC****Trần Quốc Lợi***Cục trưởng cục Thống kê tỉnh Quảng Bình*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, ngày 13/7/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Bình đã ban hành Chương trình hành động số 05-CTr/TU về giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm, giai đoạn 2016 - 2020. Đây là một trong hai chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Sau hơn 4 năm triển khai thực hiện, mặc dù trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, nhất là ảnh hưởng nặng nề do sự cố môi trường biển và hậu quả của thiên tai, dịch bệnh, song công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm của Tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực.

thời gian lao động ở nông thôn lên trên 85% vào cuối năm 2019 (đạt 100% kế hoạch). Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề mỗi năm tăng từ 2-2,5%, cuối năm 2019 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 47,5% (đạt 95% kế hoạch).

Về các chỉ tiêu cụ thể theo Kế hoạch số 1500/KH-UBND, có 06 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, 01 xã và 03 thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc, miền núi thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn (đạt 90% kế hoạch). Hàng năm, 100% số hộ có khả năng sản xuất kinh doanh có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định (đạt 100% kế hoạch); 100% người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, 90% hộ gia đình cận nghèo tham gia bảo hiểm y tế theo quy định (đạt 100% kế hoạch); 100% học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo được miễn giảm học phí, các khoản đóng góp, vay vốn tín dụng ưu đãi theo

quy định; 100% học sinh ở vùng bị ảnh hưởng của sự cố môi trường biển không thu học phí có thời hạn của UBND tỉnh và Chính phủ; 100% cán bộ, công chức cấp xã được tập huấn về các văn bản mới, quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình lập kế hoạch giảm nghèo hàng năm; 100% trường thôn/bản được tập huấn về quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Công tác giảm nghèo đạt được kết quả rõ rệt

Theo Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU ngày 13/7/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm, giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Bình đã triển khai thực hiện tương đối toàn diện, đồng bộ các chính sách, dự án giảm nghèo.

Đối với chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi, Ngân hàng Chính sách xã hội đã thực hiện nhanh gọn

thủ tục vay vốn, hoàn trả vốn vay đến tận các hộ dân, mở các điểm giải ngân và thu hồi vốn lưu động bảo đảm an toàn, thuận tiện, đúng quy định cho người có nhu cầu vay vốn. Đến ngày 31/12/2019, dư nợ đạt 3.251 tỷ đồng, doanh số cho vay các chương trình tín dụng đạt gần 4,2 tỷ đồng, với trên 124,3 nghìn lượt hộ được vay vốn. Doanh số cho vay bình quân hiện nay 33,6 triệu đồng/hộ (tăng 4,3 triệu đồng/hộ so với năm 2016).

Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, số người nghèo, người cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội khó khăn, người dân đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ năm 2016-2019 được cấp thẻ bảo hiểm y tế là gần 997.000 lượt người, với kinh phí nhà nước hỗ trợ là trên 620 tỷ đồng. Số lượt người nghèo, người cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số khám chữa bệnh bằng thẻ bảo hiểm y tế là gần 376.200 lượt người, với kinh phí thực hiện khoảng 322,2 tỷ đồng. Việc trợ giúp pháp lý cho người nghèo, người dân tộc thiểu số và đối tượng khác được Tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Cũng theo báo cáo, đến nay toàn Tỉnh đã có 87,5% hộ nghèo được hỗ trợ làm nhà ở theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg

với kinh phí 86,3 tỷ đồng; 48,46% hộ nghèo được vay vốn làm nhà ở theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg với tổng nguồn vốn giải ngân là 36,1 tỷ đồng và hỗ trợ xây dựng gần 1.000 căn nhà Đại đoàn kết, nhà tình thương, nhà vượt lũ cho các hộ nghèo và hộ cận nghèo bị thiệt hại do thiên tai gây ra với số tiền trên 31 tỷ đồng.

Toàn tỉnh có 290,4 nghìn lượt học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ về giáo dục với kinh phí gần 188,8 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2019, Tỉnh tích cực thực hiện chương trình 135 với nguồn kinh phí được Trung ương phân bổ là 254, tỷ đồng, đã đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng 110 công trình; duy tu bảo dưỡng 310 công trình. Đến nay, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 85,5% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, 100% trạm y tế có đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; 80% tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sạch; 90% hộ dân được tiếp cận hệ thống thông tin truyền thông. Chương trình 135 đã góp phần quan trọng trong việc làm thay đổi cơ bản hệ thống hạ tầng vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, tạo điều kiện cho vùng đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng quan tâm hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo. Từ năm 2016 đến nay, đã tổ chức thực hiện 482 hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất với gần 63.700 hộ; 69 mô hình giảm nghèo với trên 2.000 hộ hưởng lợi, với các nội dung, mô hình hỗ trợ như: Giống gà, giống ngô,



lạc, keo, nuôi hươu, bò lai Sind, giống dê cỏ, giống ong nội, ổi Đài Loan, giống dưa, giống tiêu, giống cà gai leo,... Nhiều mô hình hiệu quả được nhân rộng, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Nhờ việc thực hiện đồng bộ và tích cực các chính sách, dự án, sau hơn 4 năm thực hiện Chương trình hành động số 05-CTr/TU, số hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 34.100 hộ (chiếm 14,42%) đầu năm 2016 xuống còn 12.400 hộ (chiếm 4,98%) cuối năm 2019 (giảm 21.700 hộ nghèo, tương đương 9,44%, bình quân mỗi năm giảm 2,36%), trong đó, giảm được 722 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số; đưa hộ cận nghèo toàn tỉnh giảm từ 29.859 hộ, chiếm 12,64% đầu năm 2016 xuống còn 16.613 hộ, chiếm 6,67% cuối năm 2019 (giảm 13.246 hộ cận nghèo, tương đương 5,97%, bình quân mỗi năm giảm 1,5%). Giảm 10 xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 50% trở lên; có 07 xã, 03 thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

Trong công tác đào tạo nghề, công tác giáo dục nghề nghiệp của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã chủ động tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo và tích cực liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng. Giai đoạn 2016 - 2019, đã tuyển sinh gần 59.100 người ở các cấp cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm chuyển biến tích cực

Để đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đã chủ động tuyển sinh, nâng cao chất lượng đào tạo và tích cực liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo và tuyển dụng. Giai đoạn 2016 - 2019, đã tuyển sinh trên 59.000 người. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn tiếp tục được thực hiện có hiệu quả theo phương thức gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm và bao tiêu sản phẩm tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh,

hợp tác xã, tổ hợp tác; đã hình thành các tổ hợp tác sản xuất; khôi phục các nghề truyền thống; một số nghề mới được phát triển, như: May công nghiệp, các dịch vụ du lịch,... Chất lượng công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được nâng cao; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được đầu tư thêm các thiết bị đào tạo; chương trình đào tạo được chỉnh sửa, biên soạn theo hướng phù hợp với công nghệ sản xuất mới và tăng thời lượng thực hành nghề. Đặc biệt, từ năm 2016 đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức đào tạo nghề cho gần 12.400 lao động nông thôn.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với việc làm ngày càng được chú trọng. Các địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã quan tâm đến việc liên kết với doanh nghiệp trong việc đào tạo và tuyển dụng vào làm việc sau đào tạo. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện giao chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo nghề cho Trung tâm Giáo dục - Dạy nghề trực thuộc. Theo đó, hiệu quả sau đào tạo được nâng lên, thu nhập của nhiều lao động tăng, nhiều gia đình thoát nghèo và trở thành hộ khá. Một số nghề hỗ trợ đào tạo cho lao động nông thôn chiếm tỷ lệ trên 90%, như: May công nghiệp, các nghề tiểu thủ công nghiệp, du lịch... Những năm gần đây, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng hàng năm từ 2 - 2,5%. Năm 2019, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,3%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 47,5%, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 24,7%.

Từ năm 2016 đến 31/12/2019, toàn tỉnh có trên 141.900 lao động được giải quyết việc làm. Ước tính giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh có trên 177.900 lao động được giải quyết việc làm (đạt 110%

kế hoạch). Nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các dự án trọng điểm của tỉnh, như: Trung tâm thương mại Vincom Đồng Hới, Dự án Nhà máy May S&D giai đoạn 2; Dự án đầu tư nâng cấp Nhà máy Nhôm của Công ty TNHH công nghiệp New Asia; Dự án quần thể sân golf, resort, biệt thự nghỉ dưỡng và giải trí cao cấp FLC Quảng Bình,... đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động.

Việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, dịch vụ và thực hiện thành công chương trình quảng bá du lịch Quảng Bình,... trong những năm qua đã tạo việc làm thường xuyên cho gần 14.000 lao động trong lĩnh vực này. Toàn ngành du lịch hiện có khoảng 4.500 lao động trực tiếp và 9.500 lao động gián tiếp. Việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục ảnh hưởng của sự cố môi trường biển; đa dạng hóa sản phẩm nuôi trồng và chế biến thủy, hải sản... cũng đã góp phần giải quyết việc làm hàng năm cho trên 1.500 lao động trực tiếp. Hệ thống thông tin thị trường lao động từng bước được hoàn thiện, các trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn đã tư vấn về việc làm và đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài khoảng 26.000 lượt người/năm.

Tuy nhiên những kết quả trên thì công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm của tỉnh Quảng Bình vẫn còn một số hạn chế như: Công tác tuyên truyền có lúc hiệu quả chưa cao; Việc đầu tư phát triển sản xuất, tạo việc làm cho người lao động trên địa bàn các xã nghèo, huyện nghèo còn hạn chế, chủ yếu mới tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng, vì vậy, chưa kích thích phát triển sản xuất tại chỗ nhằm tạo việc làm, tạo thu nhập

ổn định phục vụ công tác giảm nghèo bền vững tại địa phương, cơ sở. Bên cạnh đó, hiệu quả sau đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở một số địa phương còn hạn chế. Đầu tư từ ngân sách cho giáo dục nghề nghiệp tăng chậm, chưa tương xứng với tốc độ tăng quy mô và yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo. Tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của tỉnh vẫn ở mức cao so với bình quân chung của cả nước.

Quảng Bình đặt mục tiêu, trong thời gian tới, giải quyết việc làm hàng năm cho 35.000-36.000 lao động; số hộ nghèo giảm bình quân 1.000 hộ/năm. Đến năm 2025, toàn tỉnh giảm 1/2 số hộ nghèo so với cuối năm 2020 (tương đương giảm 5.000 hộ); 72% lao động qua đào tạo. Để đạt được mục tiêu trên, Tỉnh ủy Quảng Bình đã đặt ra 3 nhóm giải pháp, trong đó chú trọng tăng cường nguồn lực thực hiện bằng việc tăng mức bố trí ngân sách tỉnh, địa phương hàng năm, kết hợp xã hội hóa các nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm. Đồng thời ban hành một số chính sách, cơ chế đặc thù của tỉnh để đẩy mạnh việc thực hiện công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đặc biệt là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo (ngoài các chính sách chung của Trung ương hiện hành); Chỉ đạo sâu sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm tại cơ sở, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân ở từng địa phương, cơ sở. Cùng với đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá về công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm, tránh hình thức, nặng về thống kê, báo cáo./.

Nông nghiệp Bến Tre đối phó với hạn mặn và dịch bệnh

Trong 6 tháng đầu năm, sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bến Tre gặp nhiều khó khăn. Xâm nhập mặn xảy ra sớm và diễn biến ngày càng gay gắt, mặn đã bao trùm trên địa bàn toàn Tỉnh. Trước tình hình đó, Chính quyền cùng người dân đã có bước chủ động ứng phó như: Trữ nước, chở nước ngọt,... để phục vụ sinh hoạt và nuôi trồng. Tuy nhiên, tình hình hạn mặn vẫn hết sức phức tạp, gây thiệt hại lớn cho lĩnh vực trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.

Lĩnh vực chăn nuôi chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch tả lợn Châu Phi khiến tổng đàn lợn trên địa bàn tỉnh giảm mạnh, đến thời điểm hiện nay dịch bệnh đã được kiểm soát hoàn toàn, tổng đàn đang dần phục hồi nhưng chưa nhiều. Thêm vào đó, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, một số loại nông sản của tỉnh không thể xuất khẩu nên giá cả một số nông sản giảm ở mức rất thấp tác động trực tiếp đến đời sống kinh tế của các hộ nông dân. Do vậy giá trị tăng thêm ở khu vực này tính theo giá so sánh ước đạt trên 5,6 nghìn tỷ đồng, giảm 5,3% so cùng kỳ, trong đó lĩnh vực nông nghiệp ước đạt 3,3 nghìn tỷ đồng, giảm 8%; lĩnh vực nuôi trồng thủy sản đạt gần 2,3 nghìn tỷ đồng, giảm 2,6%./.

Nguồn Cục Thống kê tỉnh Bến Tre

Tình hình nuôi trồng thủy sản 6 tháng đầu năm tại An Giang

Sản lượng nuôi trồng tại An Giang trong 6 tháng đầu năm đạt trên 240,3 ngàn tấn, bằng 97,9% (giảm 5,1 tấn) so cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng cá tra, ba sa được 204,6 ngàn tấn, bằng 97,16%. Các loại cá khác (cá lóc, rô phi, điêu hồng...) được thị trường ưu chuộng, tiêu thụ rộng rãi trong và ngoài tỉnh, giá bán luôn ổn định nên diện tích nuôi cũng được mở rộng.

Sản lượng thu hoạch 6 tháng đầu năm gần 35 ngàn tấn, bằng 102,95% (tăng 1.010 tấn) so cùng kỳ. Tương tự, các loại cá khác (he, mè vinh, trê...) nhờ nhu cầu thị trường nội địa tăng nên giá bán cũng ổn định ở mức cao làm diện tích nuôi tăng. Sản lượng cá khác thu hoạch 6 tháng đầu năm khoảng 11,8 ngàn tấn, bằng 104,52% (tăng 512 tấn) so cùng kỳ.

Do nhu cầu con giống thả nuôi giảm mạnh, cộng với lượng cá tra thương phẩm tồn đọng quá nhiều khiến giá cá giống giảm sâu. Thị trường cá tra giống

TIN ĐỊA PHƯƠNG

dao động từ 15 -18 ngàn đồng/kg (loại 15-20 con/kg), giảm 5-10 ngàn đồng/kg so cùng kỳ. Cộng dồn, số lượng con giống cá tra sản xuất khoảng 868 triệu con, bằng 79,12% so cùng kỳ./.

Nguồn Cục Thống kê tỉnh An Giang

Sóc Trăng: Trị giá xuất khẩu tăng so với cùng kỳ năm trước

Trong tháng 6/2020, trị giá xuất khẩu hàng hóa của Sóc Trăng ước thực hiện được 89 triệu USD, giảm 15,08% so với tháng trước và tăng 21,63% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020 trị giá xuất khẩu toàn tỉnh đạt 470 triệu USD, đạt 52,22% kế hoạch, tăng 25,68% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu thủy sản đạt 332 triệu USD, tăng 24,83% so với cùng kỳ năm trước; xuất khẩu gạo đạt 97 triệu USD, tăng 219,88%; hàng may mặc đạt 9 triệu USD, giảm 29,23% so với cùng kỳ năm trước.

Trong khi đó, trị giá nhập khẩu hàng hóa của Tỉnh ước thực hiện trong tháng 6/2020 là 14 triệu USD, tăng 9,29% so với tháng trước và tăng 221,44% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020 là 66 triệu USD, đạt 44% kế hoạch, tăng 23,26% so với cùng kỳ năm trước./.

Nguồn: Cục Thống kê Tỉnh Sóc Trăng

Trà Vinh: Tổng mức bán lẻ hàng hóa của 6 tháng đầu năm tăng trưởng ổn định

Tổng mức bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm 2020 của Trà Vinh ước đạt 11.201 tỷ đồng, chiếm 69,92% tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ, tăng 8,75% so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng chủ yếu là nhóm hàng lương thực, thực phẩm ước đạt 8.177 tỷ đồng, tăng 11,77%; hàng may mặc đạt 324 tỷ đồng, tăng 5,42%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt 838 tỷ đồng, tăng 3,22%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm 2020 luôn giữ mức tăng trưởng ổn định nhưng vẫn không như kỳ vọng do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, tiêu dùng của người dân trong Tỉnh./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh

CHỈ SỐ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VÀ TỶ GIÁ THƯƠNG MẠI MỘT SỐ HÀNG HÓA Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2018

TS. Đinh Thúy Phương
Vụ Thống kê Giá - TCTK

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và tỷ giá thương mại hàng hóa (TOT) là chỉ tiêu thống kê quốc gia¹, có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá hiệu quả hoạt động ngoại thương của một quốc gia với các quốc gia, vùng lãnh thổ khác, đồng thời cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý phục vụ điều hành và hoạch định chính sách, giúp các doanh nghiệp, nhà nghiên cứu và các đối tượng dùng tin khác tính toán, phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong nước và trên thị trường quốc tế.

Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và TOT chịu ảnh hưởng bởi một số yếu tố như: Chiến lược, chính sách phát triển quốc gia; Tỷ giá hối đoái; Quan hệ cung cầu trên thị trường; Quan hệ chính trị và thương mại giữa các quốc gia... tác động đến sự biến động chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và TOT hàng hóa tại các quốc gia.

Giai đoạn 2011-2018 chỉ số giá (CSG) xuất khẩu, nhập khẩu và TOT có nhiều biến động, trong đó: (1) CSG xuất khẩu có 4 năm tăng và 4 năm giảm, năm 2011 CSG xuất khẩu tăng cao nhất 19,62% và năm 2015 giảm nhiều nhất 3,79%; (2) CSG nhập khẩu có 3 năm tăng và 5 năm giảm. Tương tự CSG xuất khẩu, năm 2011 CSG nhập khẩu

tăng cao nhất 20,18% và năm 2015 giảm nhiều nhất 5,82%; (3) TOT có 4 năm TOT >1, năm 2016 TOT đạt cao nhất là 3,85%; năm 2017 TOT thấp nhất là 0,35% và có 4 TOT <1 từ năm 2011-2013 và năm 2018.

Năm 2018 tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa cả nước đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2% (tương ứng tăng 52,05 tỷ USD) so với năm trước, trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% và nhập khẩu đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1%², vượt xa chỉ tiêu kế hoạch được Quốc hội và Chính phủ giao và xuất siêu năm 2018 đạt con số kỷ lục 6,8 tỷ USD. Giá xuất, nhập khẩu là một trong các yếu tố quan trọng đóng góp vào giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu. Kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng có thể do yếu tố giá tăng hoặc yếu tố lượng tăng.

Trong phạm vi bài viết này, sẽ lựa chọn phân tích một số nhóm hàng chủ yếu, như: Gạo; Thủy sản; Sắt, thép; Cao su... đây là một số nhóm hàng có nhiều biến động về giá, đồng thời có kim ngạch xuất, nhập khẩu lớn trong thời gian qua ở Việt Nam.

2. Số liệu Tổng cục Hải quan, truy cập tại: <https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1559&Category=Ph%C3%A2n%0t%C3%ADch%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20k%E1%BB%B3&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>

1. Luật Thống kê số 89/2015/QH13.

1. Chỉ số giá xuất khẩu một số hàng hóa giai đoạn 2011-2018

1.1. Gạo

Năm 2011 CSG xuất khẩu gạo tăng 12,32%, tuy nhiên năm 2012, 2013, 2014 giảm lần lượt là 7,14%; 9,58% và 8,12% do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến xuất khẩu gạo giảm, bên cạnh đó Việt Nam chịu áp lực cạnh tranh từ các nước khác xuất khẩu gạo, như: Myanmar, Ấn Độ, Pakistan. Năm 2014, CSG gạo xuất khẩu của Việt Nam đạt 5,43%, do việc mở rộng thị trường xuất khẩu gạo sang một số nước như: Indonesia, Trung Quốc, Hồng Kông và Mỹ...

Từ năm 2016-2018, CSG xuất khẩu gạo tăng, năm 2018 CSG xuất khẩu gạo đạt cao nhất trong ba năm (đạt 7,10%) do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu khiến nguồn cung hạn chế. Tuy nhiên, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam chịu sức ép lớn từ các nước xuất khẩu gạo mới nổi như: Campuchia, Myanmar..

1.2. Thủy sản

Giai đoạn 2011-2018 các sản phẩm mặt hàng thủy sản của Việt Nam ngày càng đa dạng hóa, như: Tôm, cá tra, cá ngừ, hàng khô, mực,... đã tạo được chỗ đứng trên thị trường xuất khẩu sang các nước và chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu thủy sản. Năm 2011 CSG xuất khẩu

thủy sản tăng 15,73%, tuy nhiên năm 2013 CSG xuất khẩu thủy sản giảm 1,15% so với năm trước, do nhu cầu tiêu dùng thủy sản tại các thị trường chính, như: Mỹ, Nhật Bản, EU giảm cộng với những vụ kiện bán phá giá cá tra, tôm tại thị trường Mỹ là những khó khăn bên ngoài tác động mạnh đến giá xuất khẩu của Việt Nam. Trong nước, vấn đề liên quan đến chất Ethoxyquin trong tôm thẻ chân trắng xuất khẩu sang các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc là rào cản chính gây khó khăn xuất khẩu.

Năm 2014 CSG tăng 7,43% so với năm 2013, năm 2014 Việt Nam xuất khẩu thủy sản sang khoảng 50 thị trường, những thị trường chính đóng góp vào sự tăng trưởng về kim ngạch xuất khẩu trong năm 2014, gồm: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, ... Tuy nhiên, năm 2015, 2016 giá xuất khẩu thủy sản giảm lần lượt là 2,53% và 3,15%, do sản phẩm tôm đối mặt với rất nhiều áp lực từ thời tiết bất lợi, xâm nhập mặn, khan hiếm nguyên liệu và dịch bệnh tái xuất hiện, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của các cấp trong kiểm soát dịch bệnh, theo đó sản lượng thu hoạch tăng cao vào những tháng cuối năm 2015, 2016.

Năm 2017-2018 CSG xuất khẩu thủy sản tăng lần lượt qua các năm 2017 (tăng 7,18%); 2018 (tăng 3,46%) do Việt Nam xuất khẩu các mặt hải sản tăng.

2. Chỉ số giá nhập khẩu giai đoạn 2011-2018

2.2. Nhóm sắt, thép

Giai đoạn 2011-2018, CSG nhập khẩu nhóm sắt, thép không ổn định, từ năm 2012-2016 CSG nhập khẩu giảm: Năm 2012 giảm 5,16%; năm 2016 giảm 8,11%. Tuy nhiên từ năm 2017-2018 CSG nhập khẩu nhóm sắt, thép tăng: Năm 2017 tăng 0,31%. Việt Nam nhập khẩu sắt, thép chủ yếu từ Trung Quốc.

Từ năm 2012-2016, nguồn thép từ Trung Quốc lớn khiến lượng cung trên thị trường thế giới dồi dào, làm giá thép nhập khẩu giảm. Bên cạnh đó do ảnh hưởng cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu các nền kinh tế lớn chưa hồi phục. Giá thép thế giới giảm, thừa cung, thiếu cầu trên thị trường. Giá thép cuộn của Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam giảm.

Năm 2017-2018 Trung Quốc giảm xuất khẩu thép nhằm ngăn chặn hành vi buôn lậu thép sang Đông Nam Á. Xung đột thương mại giữa Mỹ - Trung đã tác động tăng thuế nhập khẩu 25% của Mỹ lên mặt hàng thép Trung Quốc. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc thông báo cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc xuống 1% đối với nhiều ngân hàng thương mại và ngân hàng nước ngoài nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ tăng nhu cầu vay vốn, giảm áp lực lên thị trường vốn, hỗ trợ giá thép giao kỳ hạn tăng.

Mỹ áp dụng chính sách bảo hộ có hiệu lực từ tháng 7/2018, áp dụng mức thuế suất nhập khẩu 25% đối với các mặt hàng thép. Những quốc gia bị ảnh hưởng tiêu cực trực tiếp đó là Canada, Mexico... Các nhà sản xuất thép nội địa của Mỹ và các nhà sản xuất có nhà máy đặt tại các quốc gia được miễn giảm thuế sẽ được hưởng lợi từ chính sách bảo hộ. Tuy nhiên, những ảnh hưởng gián tiếp do lượng thép xuất khẩu từ các quốc gia và khu vực khác chuyển hướng có thể sẽ tác động tiêu cực tới ngành thép Việt Nam đặc biệt từ Hàn Quốc, Trung Quốc hoặc Nhật Bản.

2.2. Nhóm cao su

Giai đoạn 2011-2018, CSG nhập khẩu nhóm cao su không ổn định. Năm 2012-2016 CSG nhập khẩu giảm và giảm nhiều năm 2012

giảm 10,76%. Tuy nhiên năm 2017 CSG tăng 27,27% và năm 2018 CSG giảm 1,35%. Nguyên nhân chính do giá cao su nguyên liệu nhập khẩu diễn biến khó lường và phụ thuộc vào biến động cung - cầu trên thị trường thế giới. Năm 2012-2016, cao su trên thế giới chịu tác động những đợt giảm giá, do ảnh hưởng từ ngành sản xuất ô tô của Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ cao su lớn nhất thế giới. Tuy nhiên năm 2018 giá cao su ở mức thấp, do ảnh hưởng của đồng Nhân dân tệ lao dốc từ tháng 4 năm 2018 và tồn kho tại các nước tiêu thụ ở mức cao. Trong nước, từ đầu tháng 8 năm 2018, giá mủ cao su xuống thấp dưới mức 30 triệu/tấn, giảm khoảng 10 triệu đồng/tấn so đầu năm, trở về thời điểm cao su gặp khó của những tháng cuối năm 2016.

Năm 2018, do những biến động về địa chính trị trên toàn cầu; cạnh tranh gay gắt, các rào cản bảo hộ mới xuất hiện. Thị trường cao su thế giới cung vượt cầu, dẫn đến giá nhập khẩu cao su giảm.

2.3. Nhóm Hàng rau quả

Giai đoạn 2011-2018, CSG nhóm hàng rau quả giảm 2 năm là 2015 và 2016, thị trường nhập khẩu chính rau quả hiện nay của Việt Nam là Thái Lan, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Australia. Việt Nam là nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Tuy nhiên, chất lượng sản phẩm và vấn đề an toàn thực phẩm chưa kiểm soát chặt chẽ. Do tâm lý thích đồ ngoại để tiêu dùng, bên cạnh đó các nước có hàng rào kỹ thuật tốt, yêu cầu chất lượng cao cũng như quản lý chặt về an toàn thực phẩm, nên giá sản phẩm cao.

3. Tỷ giá Thương mại một số hàng hóa ở Việt Nam giai đoạn 2011-2018

Tỷ giá thương mại hàng hóa (TOT) cho biết một nước đang ở vị trí thuận lợi hay bất lợi

trong trao đổi thương mại quốc tế khi gặp biến động về giá cả. Nếu TOT năm đó >1 chứng tỏ giá xuất khẩu có lợi thế hơn giá nhập khẩu, nước đó đang ở vị trí thuận lợi. Khi giá hàng xuất khẩu tăng nhanh hơn so với giá hàng nhập khẩu (trường hợp cả hai mặt hàng đều tăng); có thể là giá giảm trong trường hợp giá hàng xuất khẩu giảm ít hơn so với giá hàng nhập. Thông qua trao đổi quốc tế vẫn có thể xuất khẩu với sản lượng như cũ, nhưng có thể nhập về với lượng sản phẩm nhiều hơn trước. Nếu TOT năm đó <1 chứng tỏ giá nhập khẩu có lợi thế hơn giá xuất khẩu, nước đó đang ở vị trí bất lợi.

Qua xem xét TOT giai đoạn 2011-2018 ở Việt Nam đối với một số nhóm mặt hàng như: Thủy sản; Cao su; Sắt thép; Gỗ và sản phẩm từ gỗ; Hàng hoa quả thì gỗ và sản phẩm từ gỗ; các mặt hàng thủy sản là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam và giá xuất khẩu có lợi thế hơn giá nhập khẩu. Các mặt hàng rau quả; Cao su và sắt, thép giá xuất khẩu và giá nhập khẩu phụ thuộc nhiều vào sự biến động giá thế giới./.

Trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp COVID-19 có những dấu hiệu bớt u ám hơn, nhiều quốc gia đã bắt đầu nới lỏng lệnh phong tỏa và lên kế hoạch phục hồi kinh tế sau đại dịch. Sau những gói kích thích kinh tế lên tới hàng nghìn tỷ USD và các chính sách tiền tệ chưa từng có tiền lệ từ các ngân hàng trung ương, Chính phủ các nước đang đẩy nhanh nỗ lực khôi phục sản xuất và tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp cũng như người dân để đưa nền kinh tế sớm trở lại nhịp độ thường ngày.

KINH TẾ TOÀN CẦU KỶ VỌNG PHỤC HỒI HẬU COVID-19

Thu Hoàng

Nỗ lực phục hồi

Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 6/2020 của Ngân hàng Thế giới (WB) cho thấy, nền kinh tế toàn cầu sẽ suy giảm nghiêm trọng ở mức 5,2% trong năm nay, do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 cùng với các biện pháp phong tỏa ở nhiều quốc gia. Cuộc khủng hoảng có nguy cơ khiến 100 triệu người dân trên thế giới rơi vào cảnh nghèo cùng cực.

Bên cạnh đó, nhiều tổ chức kinh tế đã liên tục cảnh báo đại dịch Covid -19 sẽ đẩy thế giới vào một đợt suy thoái trầm trọng nhất kể từ Đại suy thoái những năm 1930. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) cho biết, những dữ liệu kinh tế đã phản ánh mức độ thiệt hại to lớn do Covid-19 gây ra. Theo đó, GDP của Mỹ trong quý I/2020 giảm mạnh ở mức 4,8%. Đây là lần đầu GDP của Mỹ giảm theo quý mạnh nhất kể từ quý IV/2008. Tại châu Âu, nền kinh tế các nước Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) giảm 3,8% trong quý I/2020 và là mức sụt

giảm lớn nhất của kinh tế Eurozone kể từ năm 1995.

Các nền kinh tế châu Á vốn được xem là động lực của kinh tế toàn cầu nhiều năm qua, nay cũng đã hoặc đang bên bờ vực suy thoái. Kinh tế Trung Quốc, quốc gia đang bắt đầu nới lại các hoạt động kinh tế sớm hơn so các nước khác, cũng chỉ có thể phục hồi chậm chạp. Theo Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc, kinh tế nước này trong quý I/2020 đã giảm 6,8% so cùng kỳ năm 2019, lần giảm đầu tiên trong gần ba thập niên. Tại Nhật Bản, chi tiêu hộ gia đình giảm mạnh nhất trong 5 năm, làm dấy lên lo ngại về việc đại dịch đẩy nền kinh tế lớn thứ ba thế giới vào cảnh "ốm yếu" và suy thoái sâu. Hãng Reuters đưa tin, giới phân tích dự báo Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Nhật Bản trong quý I/2020 có thể đã giảm 4,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong khi đó, kinh tế Ấn Độ vốn dẫn đầu châu lục và thế giới về tốc độ tăng trưởng những năm gần đây, hiện cũng được dự báo sẽ "giảm chôn

tại chỗ” với mức tăng GDP 0%. Cơ quan xếp hạng tín nhiệm Moody’s đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP của Ấn Độ xuống 0% trong năm tài chính 2020 - 2021.

Nhận định về “sức khỏe” kinh tế châu Á, Báo cáo hàng năm đánh giá tiến trình hội nhập kinh tế châu Á 2020 của Diễn đàn châu Á Bắc Ngao (BFA), tổ chức tại Trung Quốc cảnh báo, nền kinh tế châu lục này có khả năng “đứng yên” trong những năm tới, với mức tăng trưởng dự kiến bằng 0%. BFA dự báo, trong trường hợp diễn biến của đại dịch dịch xuống trong nửa cuối năm nay, tốc độ tăng trưởng của kinh tế châu Á vẫn có thể ở mức dương. Tuy nhiên, nếu dịch bệnh bùng phát mạnh trở lại, tăng trưởng kinh tế châu Á có khả năng sẽ giảm xuống dưới mức 0%.

Thách thức trên đây đòi hỏi chính phủ các nước phải tăng cường chất lượng dịch vụ y tế, song song với áp dụng các biện pháp nhằm khôi phục đà tăng trưởng kinh tế.

Để “hồi sức” cho nền kinh tế toàn cầu, nhiều quốc gia trên thế giới đang thận trọng nới lỏng các biện pháp hạn chế giãn cách xã hội, cho phép người dân quay trở lại làm việc và “bật đèn xanh” cho các doanh nghiệp mở cửa hoạt động. Tại Mỹ, dù dịch bệnh vẫn nghiêm trọng, nhưng Tổng thống Mỹ Donald Trump cũng đang thúc đẩy việc “bật công tắc” cho nền kinh tế khởi động trở lại, dần dỡ bỏ các biện pháp phong tỏa... Nhiều bang ở Mỹ bắt đầu hoặc đang tiến tới mở cửa trở lại nền kinh tế sau khi áp dụng lệnh phong tỏa trong thời gian qua để ngăn chặn sự lây lan của dịch COVID-19. Tổng thống Mỹ khẳng định, đã đến lúc nước Mỹ phải nhìn về phía trước cho dù nguy cơ từ dịch bệnh vẫn cao nếu các biện pháp giãn cách

xã hội và mở cửa trở lại nền kinh tế được dỡ bỏ.

Tại Nga, Tổng thống Nga Vladimir Putin đã phê chuẩn kế hoạch khôi phục nền kinh tế của nước này với chi phí lên tới 5.000 tỷ ruble (tương đương 72,75 tỷ USD). Kế hoạch này được chia làm 3 giai đoạn nhằm duy trì cung cầu trong xã hội và khởi động lại năng lực sản xuất, gồm: Ổn định tình hình đến cuối năm 2020, phục hồi từ đầu năm 2021 và chuyển sang tăng trưởng trong quý IV/2021.

Tương tự, Liên minh châu Âu (EU) cũng vừa công bố hướng đi mới nhằm vào công nghệ để phục hồi nền kinh tế của khối. Đây là một phần trong kế hoạch phục hồi trị giá 750 tỷ euro mà các nhà lãnh đạo Cựu lục địa tung ra với mục tiêu đạt được sự tự chủ về công nghệ sau khi thoát khỏi cuộc khủng hoảng do dịch bệnh gây ra. Theo Chủ tịch Ủy ban châu Âu (EC) Ursula von der Leyen, kế hoạch bao gồm tập trung đầu tư vào các mạng 5G và 6G để đem lại lợi ích cho các lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, vận tải... Các lĩnh vực khác sẽ được hưởng quỹ nhiều hơn gồm: Trí tuệ nhân tạo (AI), an ninh mạng, thông tin bảo mật... EC cũng nhấn mạnh tới kế hoạch thông qua một đạo luật về dữ liệu để tận dụng các phát kiến của khối về dữ liệu công nghiệp, môi trường, y tế, giao thông và quản lý công.

Chính phủ Australia đang tìm cách đưa các doanh nghiệp hoạt động trở lại vào tháng 7/2020, khi những thành công bước đầu trong cuộc chiến chống dịch COVID-19 cho phép nước này tập trung nỗ lực lấy lại một triệu việc làm bị mất kể từ giữa tháng 3/2020. Những biện pháp giãn cách xã hội đối với các lĩnh vực bị ảnh hưởng sẽ được nới lỏng theo ba giai đoạn, trong đó các quán cà phê, nhà hàng và

cửa hàng bán lẻ dự kiến sẽ được phép mở lại trong giai đoạn một. Mỗi tiểu bang tại Australia sẽ tiến hành theo tiến triển dịch bệnh của từng bang với mục tiêu chung là khởi động lại hoạt động kinh tế vào tháng 7/2020.

Còn tại Đức, Chính phủ đã kiểm soát khá thành công đại dịch, khi tỷ lệ nhiễm mới giảm, số ca tử vong thấp hơn so với nhiều nước khác và các bệnh viện không bị quá tải. Vì vậy, nước Đức tuyên bố chính thức chuyển sang giai đoạn nới lỏng thứ hai bằng một loạt các quyết định được thống nhất giữa chính quyền liên bang và các bang. Trong lĩnh vực giáo dục, kinh doanh nhà hàng và khách sạn, các bang được tự quyết kế hoạch nới lại hoạt động, trong khi mọi cửa hàng đều được mở cửa trở lại, không còn bị giới hạn ở diện tích tối đa 800 m² như trước đây.

Trong khi đó, tại châu Á, sau Nhật Bản, Singapore và Philippines thì Malaysia cũng mới công bố kế hoạch phục hồi kinh tế ngắn hạn với 40 sáng kiến, trị giá 35 tỷ RM (tương đương 8,2 tỷ USD) nhằm giảm thiểu tác động của dịch Covid-19. Phần lớn các sáng kiến tập trung vào nỗ lực bảo đảm việc làm, tái đào tạo kỹ năng lao động và nới lỏng tài chính cùng dòng tiền mặt cho các doanh nghiệp.

Ấn Độ cũng đã nới lỏng một số hạn chế đối với hoạt động kinh tế được áp đặt như một phần của lệnh phong tỏa toàn quốc, nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch COVID-19. Hầu hết biện pháp mới nhằm giảm bớt sức ép lên ngành nông-lâm-ngư nghiệp vốn sử dụng hơn một nửa lực lượng lao động của Ấn Độ, giúp đảm bảo việc thu hoạch mùa màng và người lao động tiếp tục có thu nhập. Bên cạnh đó, việc cho phép các nông trường hoạt động trở lại

là nhu cầu cấp bách để tránh tình trạng thiếu hụt lương thực.

Những biện pháp kích thích đồng thời tại nhiều quốc gia được đánh giá là “cú hích”, tạo ra một hiệu ứng tích cực đối với nền kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) cũng cảnh báo nguy cơ bùng phát làn sóng dịch Covid-19 thứ hai đang đe dọa, làm xói mòn các nỗ lực phục hồi kinh tế tại nhiều quốc gia. Trong bối cảnh đó, chính phủ các nước cần nhanh chóng đánh giá tác động của đại dịch, từ đó đưa ra những giải pháp hợp lý và kịp thời, nỗ lực đưa nền kinh tế thoát khỏi “cú sốc” một cách an toàn. Điều này đòi hỏi phải có một sự quyết tâm cao độ, sự phối hợp đồng lòng của các quốc gia trên quy mô toàn cầu.

Dự báo các mô hình phục hồi kinh tế thế giới hậu Covid-19

Trong bối cảnh hiện nay, một trong những vấn đề mà giới phân tích và các chính phủ quan tâm nhất là kinh tế thế giới sẽ phục hồi như thế nào sau đại dịch? Theo các nhà phân tích, triển vọng phục hồi của kinh tế thế giới sẽ diễn ra theo mô hình nào còn tùy thuộc vào thời gian kéo dài của đại dịch Covid 19, cũng như mức độ ảnh hưởng của nó. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), hơn 50 nhà kinh tế học đã tham gia khảo sát của Reuters về khả năng phục hồi của nền kinh tế toàn cầu dưới tác động của dịch COVID-19, và đã đưa ra 5 kịch bản về triển vọng phục hồi kinh tế toàn cầu, bao gồm mô hình chữ V, U, W, L và SWOOSH - biểu tượng của thương hiệu Nike.

Với dự báo phục hồi theo hình chữ V, các nhà kinh tế học cho rằng đây là kịch bản lạc quan nhất đối với nền kinh tế toàn cầu. Sau khi đi xuống, kinh tế thế giới sẽ nhanh chóng trở dậy, lấy lại

tốc độ tăng trưởng như thời kỳ trước khi dịch bệnh bùng phát với một loạt hiệu ứng bật lò xo. Các chuyên gia kinh tế cho rằng, khi các doanh nghiệp hoạt động trở lại thì nền kinh tế sẽ có khả năng phục hồi nhanh vào quý III và quý IV năm nay.

Với kịch bản hình chữ U, có nghĩa là thời gian trì trệ sẽ kéo dài hơn sau sự sụt giảm ban đầu do dịch bệnh, nhưng cuối cùng vẫn là sự trở lại của xu hướng tăng trưởng. Trong kịch bản hình chữ U, thời gian hồi phục sẽ mất hơn 2 quý, bởi kinh tế thế giới rơi vào khủng hoảng còn tồi tệ hơn cả những năm 2008-2009. Điều này xảy ra có thể là vì lệnh giãn cách xã hội đã tác động tiêu cực lên nhiều ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, trong đó có du lịch. Các hãng hàng không và du lịch là những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất, khi không thể khai thác các chuyến bay, trong khi các biện pháp giãn cách xã hội hạn chế đáng kể các chuyến du lịch và công tác. Tổ chức Du lịch Thế giới ước tính, lượng khách du lịch quốc tế sẽ giảm 60-80% trong năm 2020.

Kịch bản chữ W đáng lo ngại hơn khi ngụ ý rằng kinh tế thế giới có thể phục hồi trong thời gian ngắn, sau đó lại suy giảm hơn nữa. Điều này có khả năng xảy ra sau khi các lệnh phong tỏa được nới lỏng. Tuy các hoạt động kinh tế quay trở lại song nhiều doanh nghiệp bị phá sản, tỷ lệ thất nghiệp tăng, nguy cơ suy thoái vẫn hiện hữu nếu một đợt sóng Covid-19 thứ hai xuất hiện.

Theo các chuyên gia, nếu một đợt sóng dịch bệnh bùng phát trở lại thì các quốc gia thay vì có thể đạt được sự phục hồi theo kịch bản tối ưu nhất là mô hình chữ V thì sẽ phải chứng kiến diễn biến

kinh tế đi theo đồ thị hình chữ W (phục hồi ngắn và tiếp tục suy thoái mạnh), hoặc tệ hơn là đồ thị hình chữ L (suy thoái sâu và giữ đáy trong thời gian dài). Vì vậy, kịch bản chữ L được xem đáng báo động nhất, xuất hiện khi nền kinh tế hầu như chưa thể bật dậy, cứ mãi dò đáy nếu dịch Covid -19 tiếp tục lan rộng, dẫn tới phải áp dụng các lệnh phong tỏa. Tuy nhiên, theo các chuyên gia kinh tế, viễn cảnh này khó trở thành hiện thực.

Một kịch bản khác được đa số các nhà hoạch định chính sách đưa ra, đó là nền kinh tế thế giới nhiều khả năng sẽ phục hồi theo mô hình giống dấu “SWOOSH” trong biểu trưng của hãng giày Nike, hơn là mô hình chữ V theo những dự báo trước đó. Điều này có nghĩa là nền kinh tế thế giới sẽ mất nhiều thời gian để chạm đáy, sau đó phục hồi với tốc độ chậm nhưng chắc chắn. Các nhà hoạch định chính sách dự báo rằng nền kinh tế thế giới sẽ có sự sụt giảm mạnh, sau đó là quá trình phục hồi chậm chạp và đau đớn, với nhiều nền kinh tế phương Tây bao gồm cả Mỹ và châu Âu, sẽ không thể quay trở lại mức sản lượng như năm 2019 cho tới cuối năm tới hoặc thậm chí xa hơn.

Có thể nói, bài toán kinh tế thời kỳ hậu Covid-19 đang là thách thức của bất kỳ quốc gia nào hiện nay. Cho đến nay, kịch bản được nhiều nhà hoạch định chính sách và các chuyên gia phân tích lựa chọn nhiều nhất, đó là kinh tế thế giới sẽ phục hồi theo mô hình biểu tượng của hãng Nike. Các chuyên gia cho rằng, nếu lộ trình này được thực hiện đồng bộ, thích hợp và an toàn ở tất cả các nước thì cỗ máy kinh tế thế giới sẽ trở lại với guồng quay “phục hồi chậm nhưng chắc”/.

Phú Thọ:

TẬP TRUNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

Đinh Ngọc Thanh

Trưởng ban Dân tộc tỉnh Phú Thọ

Phú Thọ là tỉnh trung du miền núi có dân số trên 1,46 triệu người, trong đó dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm trên 17% (khoảng gần 250 nghìn người). Trước đây, do nhiều nguyên nhân (xuất phát điểm thấp, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thiếu tư liệu sản xuất, ý thức của người dân vẫn trông chờ ỷ lại...) nên đời sống của đồng bào DTTS trong tỉnh còn rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao. Song với quyết tâm tạo ra chuyển biến mạnh mẽ trong vùng đồng bào DTTS và miền núi, những năm qua, Phú Thọ đã thực hiện tốt công tác dân tộc, đồng thời ban hành những chính sách hỗ trợ đặc thù, phù hợp với từng địa bàn. Nhờ vậy, kinh tế - xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS không ngừng được cải thiện, nâng cao.

Cú hích từ xây dựng kết cấu hạ tầng

Với xuất phát điểm thấp, Phú Thọ xác định ưu tiên các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng đặc biệt tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương lồng ghép các nguồn vốn Trung ương kết hợp với ngân sách địa phương và tiền tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để có nguồn vốn đủ lớn, đầu tư cho các công trình từ hạ tầng phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho vùng đồng bào DTTS và miền núi. Song song với nguồn lực từ các chương trình, dự án, Phú Thọ còn huy động được sức mạnh của toàn xã hội, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

Trong 3 năm qua (từ năm 2016 đến năm 2019), chỉ riêng Chương trình 135, Tỉnh được bố trí hơn 467,9 tỷ đồng để xây dựng 1.081 lượt công trình thiết yếu phục vụ nhân dân. Ngoài ra, với chủ trương: Nhà nước và Nhân dân cùng làm, người dân vừa là người hưởng lợi, lại vừa là người trực tiếp tham gia vào tất cả các khâu, các bước thực hiện, Tỉnh đã huy động được hàng trăm tỷ đồng do nhân dân đóng góp, nhiều hộ dân tự nguyện



Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBĐT Hoàng Thị Hạnh trao Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT cho các tập thể, cá nhân

hiến hàng ngàn m² đất, hoa màu, tài sản, cây cối để xây dựng hạ tầng nông thôn, đặc biệt là làm đường giao thông.

Nhờ vậy, đến nay diện mạo vùng nông thôn đã có nhiều thay đổi: 100% xã có đường giao thông kiên cố, 100% các thôn bản đều đã có đường giao thông, tỷ lệ giao thông nông thôn được kiên cố hóa đạt 66,2%; 100% khu dân cư đã có nhà văn hóa, trong đó, có 746 khu dân cư thuộc vùng DTTS; 100% các xã có trạm BTS phủ sóng di động 3G-4G; 100% các xã có internet băng rộng cáp quang; 93,1% thôn và 95,9% hộ được sử dụng điện lưới quốc gia (tăng khoảng 35% so với năm 2014).

Trên cơ sở kết cấu hạ tầng ngày càng được hoàn thiện, Phú Thọ tập trung triển khai thực hiện

các chính sách hỗ trợ như chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn; Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế; chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn... Nhờ vậy, sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn, đặc biệt tại khu vực đồng bào DTTS đã có bước chuyển biến tích cực theo hướng đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu mùa vụ và sản xuất hàng hoá. Năm 2019, thu nhập bình quân đầu người vùng DTTS đạt trên 21 triệu/người/năm, bằng 51,78% so với mức bình quân chung cả tỉnh, tỷ lệ nghèo vùng DTTS và miền núi giảm bình quân 4%/năm. Đặc biệt, huyện Tân Sơn - nơi tập trung

nhiều đồng bào DTTS sinh sống, trở thành 1 trong 8 huyện nghèo của cả nước được công nhận thoát nghèo giai đoạn 2018 - 2020.

Chuyển biến toàn diện trên các mặt

Với sự chung tay của toàn xã hội, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đối với con em đồng bào người dân tộc thiểu số được chú trọng đầu tư, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục. Quy mô mạng lưới và cơ sở vật chất các trường được củng cố, phát triển, 100% các xã vùng DTTS và miền núi có đủ hệ thống trường học các cấp từ mẫu giáo, tiểu học đến trung học cơ sở, tất cả các xã đặc biệt khó khăn đều có các lớp cắm bản để học sinh đi học được thuận tiện. Các trường vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS và miền núi được ưu tiên đầu tư mua sắm, cấp đủ trang thiết bị, sách giáo khoa cho học sinh.

Hệ thống y tế được củng cố, phát triển từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Các trạm y tế được đầu tư nâng cấp vật chất, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh thiết yếu. Tính có 78,7% số trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia về y tế xã, đội ngũ y sỹ, bác sỹ là người DTTS được tăng cường, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, hiện toàn tỉnh có trên 400 cán bộ y bác sỹ là người dân tộc thiểu số, chủ yếu công tác ở tuyến huyện và cơ sở. Công tác cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách, người DTTS, người nghèo và trẻ dưới 6 tuổi được quan tâm.

Phú Thọ có 50 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 4 dân tộc duy trì được bản sắc văn hoá và phong tục tập quán riêng đó là dân tộc Mường, Dao, Cao Lan (Sán Chay) và dân tộc Mông. Thời gian qua, công tác bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa được quan tâm đẩy mạnh. 5/19 di tích được Nhà nước xếp hạng thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi được thực hiện tu bổ, tôn tạo, 12 lễ hội đã được tổ chức phục dựng và duy trì tại địa phương. Chính các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào DTTS đã trở thành "chất liệu" để khai thác, thúc đẩy tỉnh Phú Thọ phát triển du lịch văn hóa.

Phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong vùng đồng bào DTTS và miền núi được đẩy mạnh góp phần cùng với lực lượng công an đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, kịp thời phát hiện, ngăn chặn việc truyền "đạo lạ" trái phép, tuyên truyền vận động phòng, chống mua bán phụ nữ, trẻ em, dụ dỗ lao động phổ thông xuất cảnh trái phép...

Những kết quả tích cực đạt được trong phát triển kinh tế xã hội vùng DTTS và miền núi tại Phú Thọ đã khẳng định các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đã đi vào cuộc sống. Thời gian tới, Phú Thọ sẽ cùng cả nước thực hiện "Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi". Điều này chắc chắn sẽ tạo ra nhiều cơ hội phát triển mới cho vùng DTTS, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội bền vững chung của toàn tỉnh./.

HUYỆN THANH BA THỰC HIỆN HIỆU QUẢ 03 KHÂU ĐỘT PHÁ TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI

Những năm qua, huyện Thanh Ba đã vận dụng linh hoạt chính sách của Trung ương, của tỉnh, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để thực hiện hiệu quả 3 khâu đột phá trong phát triển kinh tế- xã hội, làm cho bức tranh nông thôn ở Thanh Ba ngày thêm khởi sắc.

Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng then chốt

Xác định đầu tư, phát triển hạ tầng là giải pháp quan trọng để đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thời gian qua, huyện Thanh Ba đã tích cực huy động và lồng ghép các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt của Huyện. Giai đoạn 2015 - 2019, Huyện đã huy động tổng nguồn lực trên 7,5 nghìn tỷ đồng để xây dựng hệ thống đường giao thông; trường, lớp học; bệnh viện, trạm y tế; hạ tầng các cụm công nghiệp; trung tâm hội nghị; chỉnh trang đô thị; hạ tầng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa... Để hoạt động đầu tư được hiệu quả, huyện Thanh Ba thường xuyên tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện từ huyện đến cơ sở; tiến hành nghiên cứu lựa chọn, ưu tiên các công trình vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, vừa đảm bảo phục vụ cho đời sống sinh hoạt của nhân dân; tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến người dân về vai trò, trách nhiệm của mình trong việc đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội... Nhờ đó, diện mạo của Huyện có sự thay đổi tích cực, đến nay tỷ lệ đường giao thông nông thôn được cứng hóa ước đạt 66%, kênh mương nội đồng được cứng hóa đạt 50%. Huyện đã xây dựng được thêm 41 trường học; 15 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia và đang phấn đấu hết năm 2020, 100% trường học và trạm y tế đạt chuẩn

quốc gia. Chương trình xây dựng nông thôn mới của Huyện có nhiều khởi sắc, đã có 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới, tăng 12 xã so với giai đoạn 1 và có 02 xã đang làm hồ sơ công nhận đạt chuẩn NTM. Bên cạnh đó, nhiều công trình phục vụ thiết chế văn hóa như: Sân vận động, nhà văn hóa... đã được đầu tư mở rộng và nâng cấp.

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp tập trung gắn với bảo vệ môi trường

Để thực hiện thu hút đầu tư phát triển CN - TTCN trên địa bàn, cấp ủy, chính quyền huyện Thanh Ba tập trung huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là các cụm công nghiệp; chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực. Hằng năm, UBND Huyện đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi mục đích cho các hộ nông dân. Cùng với đó, Huyện đã thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn; tăng cường trao đổi, đối thoại với các doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển sản xuất cho doanh nghiệp; Tranh thủ sự hỗ trợ của tỉnh, phối hợp tốt với các sở,

ngành chức năng nhằm quảng bá hình ảnh, khai thác lợi thế, tiềm năng để mời chào các nhà đầu tư. Huyện có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, kiểm soát tốt nguồn xả thải, đồng thời chú trọng phát triển các ngành công nghiệp có thế mạnh như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến chè, gỗ, hàng may mặc...Hiện trên địa bàn Huyện đã có 02 cụm công nghiệp là CCN phía Nam và CCN Bãi Ba - Đông Thành đã đưa vào khai thác, đồng thời Khu công nghiệp Đại An - Quảng Yên cũng đang được triển khai quy hoạch. Nhờ triển khai đồng bộ những giải pháp đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp, nền sản xuất công nghiệp của Huyện có bước tăng trưởng khá. Toàn Huyện hiện có 148 doanh nghiệp và hợp tác xã đang hoạt động, thu hút hàng nghìn lao động, qua đó góp phần tăng thu ngân sách địa phương, nâng cao thu nhập cho người dân.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa

Xác định công tác dồn đổi, tích tụ ruộng đất là yếu tố hàng đầu để thực hiện hiệu quả khâu đột phá phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thời gian qua, huyện Thanh Ba đã thực

hiện nhiều giải pháp để đẩy nhanh tiến độ dồn đổi, tích tụ ruộng đất. Đến nay, đã có 13 xã của Huyện thực hiện xong công tác dồn đổi, với tổng diện tích trên 1,35 nghìn ha. Từ thành công trong công tác dồn đổi ruộng đất, huyện Thanh Ba đã xây dựng quy hoạch sử dụng đất nông, lâm nghiệp, thủy sản nhằm phát huy lợi thế từng vùng, xác định các sản phẩm chủ lực có giá trị để tập trung định hướng sản xuất, phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với liên kết bao tiêu sản phẩm như bưởi, lúa chất lượng cao, chè, cây gai xanh... Bên cạnh đó, Huyện tăng cường khuyến khích các công ty, doanh nghiệp, các tập thể, cá nhân vào đầu tư liên kết theo chuỗi giá trị, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đưa các giống có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất để tăng hiệu quả trên đơn vị diện tích, tăng thu nhập cho nhân dân. Hiện trên địa bàn Huyện đã hình thành các chuỗi liên kết sản xuất sản phẩm, với những mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao như: Dự án khu nông nghiệp H2 Đông Thành; liên kết sản xuất nông nghiệp tại các xã Đổ Sơn, Đổ Xuyên, Hoàng Cương, Thanh Hà...

Trong thời gian tới, Huyện sẽ tập trung phát triển, sản xuất quy mô lớn, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ cao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới, cơ giới hóa, lựa chọn các giống chất lượng, năng suất cao đưa vào sản xuất; mở rộng diện tích sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP... đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường. Đồng thời tập trung phát triển thương hiệu, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm./

Minh Hùng



Bưởi, quýt Đài Loan được trồng trên diện tích hơn 50 ha tại xã Đông Thành, huyện Thanh Ba thuộc dự án Nông nghiệp công nghệ cao H2.

PHÚ THỌ KHAI THÁC HIỆU QUẢ TIỀM NĂNG, LỢI THẾ ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Phú Thọ - mảnh đất cội nguồn của dân tộc Việt Nam, nằm ở vị trí trung tâm vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, có vị trí là cửa ngõ phía Tây Bắc của thủ đô Hà Nội, là cầu nối giữa các tỉnh Tây Bắc và đồng bằng sông Hồng, nằm trong quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô, trên trục hành lang kinh tế “Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh”.



Phú Thọ đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đô thị

Một số kết quả kinh tế - xã hội nổi bật

Những năm qua, nhờ khai thác hiệu quả những tiềm năng, lợi thế, tỉnh Phú Thọ đã đạt nhiều kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế đạt mức tăng trưởng khá; với mức tăng bình quân giai đoạn 2004-2018 đạt 8,77%; quy mô GRDP (giá hiện hành) năm 2018 tăng hơn 7 lần so với năm 2014; GRDP bình quân đầu người tăng từ 6,3 triệu đồng năm 2004 lên 40,8 triệu đồng năm 2018. Năm 2019 tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 7,1 nghìn tỷ đồng. Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh được cải thiện rõ rệt, chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2018 của tỉnh đứng thứ 24/63 tỉnh, thành cả nước. Xây dựng nông thôn mới được chú trọng, hết năm 2019 toàn tỉnh có 01 huyện và 105 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội được triển khai đồng bộ; chính sách giảm nghèo được thực hiện

có hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 5,57% năm 2019; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện.

Tiềm năng, lợi thế để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội

Tỉnh Phú Thọ có hệ thống giao thông thuận lợi, gồm cả đường bộ, đường sắt và đường thủy; đặc điểm tiểu khí hậu, địa hình, thổ nhưỡng rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Bên cạnh đó, nguồn tài nguyên du lịch của tỉnh khá phong phú, có thể phát triển đa dạng các loại hình du lịch như: Du lịch văn hóa tâm linh gắn với Khu di tích lịch sử Đền Hùng và 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được UNESCO vinh danh là “*Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương*” và “*Hát xoan Phú Thọ*”; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với Đầm Ao Châu, Vườn Quốc gia Xuân Sơn và khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng nước khoáng nóng Thanh Thủy... Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh đã có 7 khu công nghiệp khá được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch xây dựng với tổng diện tích trên 2,36 nghìn ha, có 26 cụm công nghiệp đã được quy hoạch có tổng diện tích trên 1,1 nghìn ha; có 2 trường đại học cấp Vùng, trên 20 trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Đặc biệt Phú Thọ là tỉnh có nguồn nhân lực dồi dào, với tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động chiếm gần 55% dân số, đội ngũ lao động trẻ, trình độ, kỹ năng lao động

ngày càng cao. Những năm gần đây, nhiều dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm quy mô lớn của quốc gia, của tỉnh nhất là các công trình giao thông đối ngoại cơ bản được hoàn thiện đã và đang giúp Phú Thọ cải thiện vị trí địa kinh tế, từng bước khai thác hiệu quả hơn các tiềm năng, lợi thế để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế xã hội.

Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội

Với những tiềm năng, lợi thế như trên và trên cơ sở thành quả trong phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Phú Thọ đặt ra mục tiêu tiếp tục phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Phú Thọ trở thành Trung tâm Kinh tế vùng và là một trong những trung tâm khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch, logistics của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, giữ vững vị trí là một trong những tỉnh phát triển hàng đầu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Đồng thời, xây dựng thành phố Việt Trì trở thành Trung tâm Lễ hội về với cội nguồn dân tộc Việt Nam mang tầm cỡ Quốc gia, Quốc tế. Để hiện thực hóa mục tiêu trên, tỉnh Phú Thọ còn tập trung vào việc thực hiện các khâu đột phá về đầu tư kết cấu hạ tầng then chốt, cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực và du lịch, các giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng, an ninh; cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân./.

Thành Nam

PHÚ THỌ TRÊN LỘ TRÌNH PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Giao dục tỉnh Phú Thọ phát triển vững chắc ở cả 3 mặt quy mô, chất lượng và hiệu quả, đặc biệt tại những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS). Chất lượng đại trà ở cấp học được duy trì và nâng cao, tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: Năm 2017 tỷ lệ thi tốt nghiệp trung học phổ thông là 98,73%; năm 2018 là 98,85%, xếp thứ 14/63 tỉnh, thành phố; năm 2019 là 97,58% xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố. Số học sinh là người DTTS đỗ tốt nghiệp THPT ngày càng tăng. Đáng chú ý, năm học 2018 -2019 có 15 học sinh người DTTS đạt từ 25 điểm trở lên.

Bên cạnh đó, chất lượng giáo dục mũi nhọn có chuyển biến tích cực, học sinh của tỉnh luôn đạt kết quả cao trong các kỳ thi quốc gia, khu vực và quốc tế. Trong 5 năm học gần đây, học sinh của tỉnh đã dành được 284 giải Quốc gia, trong đó có 05 giải nhất, 72 giải nhì và 02 huy chương đồng Olympic quốc tế môn hóa, và môn sinh học.

Song song với đó, quy mô, mạng lưới trường lớp được quy hoạch hợp lý, đa dạng, đáp ứng nhu cầu dạy và học; cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư phát triển; phong trào khuyến học, khuyến tài luôn được chú trọng và đạt kết quả tích cực; đội ngũ giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn vững vàng và luôn được tạo điều kiện thuận lợi để học tập, phát triển.

Là tỉnh miền núi, diện tích rộng, tỉnh Phú Thọ là nơi sinh sống của khoảng 250 nghìn đồng bào DTTS.

Phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc, thời gian qua, công tác giáo dục - đào tạo của tỉnh Phú Thọ đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển của các hoạt động giáo dục không chỉ góp phần nâng cao trình độ của người dân mà còn trực tiếp tạo động lực, thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương phát triển.

Thực hiện chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn giai đoạn 2016 2020, UBND tỉnh Phú Thọ đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, rà soát, xác định nhu cầu, đề xuất danh mục dự án, kế hoạch phương án đề nghị phân bổ vốn để triển khai thực hiện. Theo kế hoạch, tổng nguồn vốn thực hiện chương trình là trên 70 tỷ đồng, được sử dụng để thực hiện mua sắm bổ sung trang thiết bị dạy học, cải tạo sửa chữa cơ sở vật chất cho các

trường thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS của tỉnh.

Đi đôi với đó, các chế độ, chính sách với người dạy và học tại vùng DTTS&MN được chú trọng, thực hiện đầy đủ và kịp thời. Chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng, cho vay đi học, hỗ trợ lao động nông thôn, người khuyết tật học nghề đã giúp nhiều học sinh, sinh viên, lao động nông thôn, người khuyết tật thuộc diện chính sách, hộ nghèo, cận nghèo có cơ hội đến trường, duy trì học tập, học nghề tạo việc làm.

Nhờ đó, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị giáo dục tại các đơn vị trường học khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS của tỉnh Phú Thọ đã có sự phát triển đáng kể, mạng lưới trường, lớp trung học đã phát triển đến khắp các xã, huyện miền núi, vùng dân tộc. Đây là một trong những nguyên nhân giúp cho công tác phổ cập giáo dục tiểu học khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng DTTS của tỉnh Phú Thọ tiếp tục được duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng./.

Đoàn Hùng



Trường THPT Hạ Hoà - Phú Thọ

HUYỆN TÂN SƠN: HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN LỰC, HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

Tân Sơn là huyện miền núi nằm ở cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh Phú Thọ, có Quốc lộ 32 chạy qua, là cầu nối giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội giữa các trung tâm kinh tế, chính trị như: Hà Nội, thành phố Việt Trì, các tỉnh đồng bằng Bắc bộ với các tỉnh Tây Bắc của Tổ quốc. Tổng diện tích tự nhiên của huyện 68,86 nghìn ha, có 17 xã, 195 khu dân cư, dân số trên 85 nghìn người, gồm 19 dân tộc, trong đó DTTS chiếm 82,7%.

Ông Tạ Ngọc Yến, Chủ tịch UBND huyện Tân Sơn cho biết: Trong 05 năm qua, việc huy động các nguồn lực đầu tư phát triển luôn vượt mục tiêu đề ra. Kết cấu hạ tầng cơ sở phát triển nhanh, đảm bảo phục vụ sản xuất, nhiều công trình quan trọng, thiết yếu được đưa vào sử dụng, an sinh xã hội được đảm bảo: Chất lượng giáo dục toàn diện, mũi nhọn từng bước được nâng lên; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng và nâng cao; giải quyết nhiều việc làm cho lao động địa phương; các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Thủ tướng Chính phủ công nhận thoát nghèo trước 2 năm so với kế hoạch vào tháng 3/2018. Kinh tế có sự tăng trưởng khá. Sản xuất lương thực liên tiếp được mùa, an ninh lương thực được đảm bảo.

Sự thay đổi nhanh chóng của huyện miền núi Tân Sơn bắt nguồn từ việc tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất, sinh hoạt theo Đề án 30a. Trong 5 năm qua, tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn huyện đạt gần 4.000 tỷ đồng. Nhiều công trình quan trọng, cấp bách được đưa vào sử dụng và đầu tư mới. Các trục lộ chính kết nối huyện Tân Sơn



Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Tân Phú - Xuân Đài đang được gấp rút hoàn thành hứa hẹn sẽ mang lại nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và sinh hoạt của người dân nơi đây. Ảnh: Tư liệu.

với các địa phương khác được cải tạo, nâng cấp. Sau 5 năm, tỷ lệ đường giao thông nông thôn được kiên cố hóa đạt 65%, tăng 26% so với thời điểm năm 2015. Đối với những địa hình có nhiều đồi núi, sông, suối dẫn đến vào mùa mưa một số khu vực bị chia cắt, cô lập, huyện tập trung huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cầu vượt lũ tại một số "nút thắt" về giao thông, như cầu treo Bến Gạo (xã Văn Luông) đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2019, cầu vượt lũ tại các xã Kiệt Sơn, Đồng Sơn, Văn Luông chuẩn bị được đầu tư trong năm 2020. Hệ thống thủy lợi cũng được quan tâm nâng cấp phục vụ sản xuất nông nghiệp. Diện tích đất lúa, rau màu chủ động tưới tiêu đạt gần 70%. Một số dự án thủy điện đã và đang được đầu tư. Dự kiến trong năm 2020, điện lưới sẽ đến với các bản vùng cao còn lại, hoàn thành mục tiêu phủ điện toàn huyện.

Nhờ hạ tầng được đầu tư, nâng cấp, sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh, nhất là các ngành hàng, sản phẩm chủ lực, mũi nhọn cho giá trị kinh tế cao như cây chè, gỗ nguyên liệu giấy và gà nhiều cựa. Giá trị sản phẩm bình quân trên mỗi héc-ta đất canh tác đạt

87,4 triệu đồng, tăng gần 20% so với năm 2015. Sản lượng chè búp tươi đạt 38 nghìn tấn, sản lượng gỗ khai thác đạt 120 nghìn m³/năm. Người dân trong Huyện phát huy thế mạnh chăn nuôi đại gia súc, nâng tổng đàn trâu, bò lên 23 nghìn con. Huyện đã có một xã đạt chuẩn nông thôn mới và hai xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên.

Trong thời gian tới, huyện Tân Sơn sẽ tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và XDNTM. Phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, giữ gìn bản sắc dân tộc, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội; giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái; chú trọng phát triển kinh tế với nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động nông thôn. Huy động tối đa nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, triển khai tổ chức sản xuất theo hướng hợp lý, hiệu quả. Hướng tới xây dựng huyện Tân Sơn phát triển nhanh, bền vững./.

Trọng Nghĩa

Ông Lê Anh Tuấn, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Sơn cho biết: Là một huyện miền núi, mới thoát nghèo theo chương trình Nghị quyết 30a của Chính phủ năm 2018. Những năm đầu mới chia tách, thành lập huyện mới (2007), ngành Giáo dục và Đào tạo Tân Sơn gặp rất nhiều khó khăn như điều kiện, cơ sở vật chất thiếu thốn, hệ thống trường lớp chưa được đầu tư nâng cấp, đội ngũ giáo viên thiếu hụt... Khu vực trung tâm đã khó, các xã vùng 135 còn gặp nhiều khó khăn hơn.

Thách thức lớn đòi hỏi những người làm giáo dục huyện Tân Sơn phải nỗ lực hết sức để vượt qua khó khăn. Những năm vừa qua, tranh thủ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, ngành Giáo dục và Đào tạo đã chủ động tham mưu cho UBND huyện Tân Sơn thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trọng tâm như xây dựng trường chuẩn quốc gia, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xây dựng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn... Các giải pháp này đã mang lại hiệu quả tương đối khả quan khi đến nay, mạng lưới trường lớp, quy mô học sinh tiếp tục được kiện toàn và duy trì ổn định, cơ sở giáo dục của huyện được đầu tư phát triển. Hiện 100% các xã đã mở được lớp mầm non, tiểu học đến tận thôn, bản; 100% các xã có các cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở.

Song song với việc mở rộng mạng lưới trường lớp, công tác quan trọng hàng đầu trên địa bàn huyện là nâng cao chất lượng giáo dục. Để làm được điều này, huyện đã không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên. Hiện nay, toàn ngành có 1,6 nghìn cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, tỷ lệ giáo viên có trình độ đại học là 88,6% (trong đó mầm non: 89,9%, tiểu học: 88,2%, trung học cơ sở: 88,6%). Chất lượng đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao, số lượng giáo viên giỏi cấp huyện, giỏi cấp tỉnh hàng năm đều tăng.

Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Sơn: KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC

Vượt qua những khó khăn của một huyện miền núi, điều kiện cơ sở vật chất nghèo nàn, những năm gần đây, ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Sơn, Phú Thọ đã không ngừng nỗ lực, nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng tối đa nhu cầu của người dân trên địa bàn.



Một tiết học mỹ thuật theo phương pháp mới Đan Mạch của lớp 5B Trường Tiểu học Tân Phú.
Ảnh: Tư liệu

Ngoài ra, Huyện cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành, quản lý giáo dục, giúp thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới phương pháp dạy và học. Đặc biệt việc áp dụng phần mềm quản lý trường học và các phần mềm ứng dụng khác đã giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh có nhiều cơ hội để phát huy năng lực, nâng cao chất lượng dạy và học.

Cụ thể, với giáo dục mầm non, tỷ lệ huy động trẻ ra lớp ở cả nhà trẻ và mẫu giáo đều tăng, vì vậy, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi được duy trì. Riêng với các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, tỉ lệ huy động trẻ ra lớp đạt mức cao.

Với giáo dục tiểu học, tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Với giáo dục THCS, chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên. Chất lượng giáo dục mũi nhọn được duy trì và ngày càng nâng cao về số lượng và chất lượng giải.

Giáo dục đạo đức trong nhà trường và ngoài xã hội được đặc biệt quan tâm, học sinh trên địa bàn huyện không mắc vào các tệ nạn xã hội.

Trong năm học 2018-2019, Trường đã tạo điều kiện cho học sinh tham gia nhiều cuộc giao lưu, cuộc thi dành cho học sinh tiểu học và THCS nhằm phát huy năng lực cá nhân về môn học, ưu tiên tuyển sinh vào lớp đầu cấp THCS và các trường THPT Vùng cao Việt Bắc, Nông Lâm, Hữu Nghị T78 cho học sinh vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, học sinh gia đình chính sách và học sinh có học lực khá, giỏi.

Ông Lê Anh Tuấn chia sẻ, khó khăn của các nhà trường hiện nay là tiềm lực về cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu... Mong rằng, các cơ quan chức năng sẽ chung tay tháo gỡ những khó khăn này, giúp ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tân Sơn đạt nhiều thành tựu hơn trong thời gian tới./.

Minh Hà

TRƯỜNG TIỂU HỌC THU CÚC 1: VƯỢT KHÓ KHẮNG ĐỊNH CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Được thành lập từ năm 1997, trải qua 23 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Tiểu học Thu Cúc 1 không ngừng lớn mạnh về mọi mặt trở thành điểm sáng trong ngành giáo dục huyện Tân Sơn với những kết quả ổn định và thành tích nổi bật trong giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác.

Trường Tiểu học Thu Cúc 1 nằm trên địa bàn xã miền núi còn nhiều khó khăn của huyện Tân Sơn, học sinh chủ yếu là con em đồng bào DTTS. Những năm qua, được sự quan tâm đầu tư cho sự nghiệp giáo dục của huyện Tân Sơn và xã Thu Cúc, Trường Tiểu học Thu Cúc 1 được xây dựng khá khang trang với 21/25 phòng học kiên cố và các phòng chức năng gồm thư viện, nghệ thuật, truyền thống đội, thường trực, phòng họp, y tế... Ngoài ra, hàng năm, Huyện cũng bổ sung kinh phí để sửa chữa lớp học, bổ sung trang thiết bị phòng Tiếng Anh, phòng Tin học; Huy động sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân để sửa sang khuôn viên, công trình vệ sinh, trồng thêm cây xanh, hoa để tạo cảnh quan môi trường thân thiện.

Song song với việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai nhiều giải pháp để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên. Trong đó, Trường chú trọng phát động các phong trào thi đua và hưởng ứng các cuộc vận động lớn của ngành giáo dục như: “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” với tinh thần “Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ngành Giáo dục đất Tổ nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo”; Cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”... Đội ngũ giáo viên luôn nỗ lực tự học và chủ động học tập nâng cao trình độ, tích cực đổi mới phương pháp dạy, bồi dưỡng học sinh. Nhờ vậy, chất lượng đội

ngũ giáo viên ngày càng được nâng lên. Hiện 100% giáo viên của Trường đạt chuẩn (trong đó trên chuẩn là 90%). Trong 3 năm học gần đây, Trường có từ 18 - 25 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp trường và từ 1-3 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện. Đội ngũ giáo viên có nhiều sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng và mang lại hiệu quả tốt như: Sáng kiến để rèn chữ giữ vở cho học sinh; sáng kiến rèn đọc diễn cảm cho học sinh; giải pháp để nâng cao chất lượng giải toán có lời văn...

Bên cạnh đó, Ban Giám hiệu nhà trường cũng tổ chức cho giáo viên thảo luận và đăng kí chất lượng giáo dục, sau đó kiểm tra chất lượng và so sánh phân tích để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời đối với từng lớp, từng giáo viên. Nhờ giải pháp phù hợp cùng với sự nỗ lực của cả thầy và trò, 2 năm học vừa qua, Trường luôn khẳng định được chất lượng giáo dục toàn diện. Tỷ lệ học sinh được đánh giá ở mức “Hoàn thành” và “Hoàn thành tốt” đối với môn Toán và Tiếng Việt đều trên 99%; Tỷ lệ học sinh được đánh giá ở mức “Đạt” và mức “Tốt” về các năng lực: Tự phục vụ, tự quản, Hợp tác, Tự học và giải quyết vấn đề đều đạt trên 99%; Tỷ lệ học sinh được đánh giá ở mức “Đạt” và mức “Tốt” với các phẩm chất Tự chịu trách nhiệm, Trung thực, kỷ luật, Đoàn kết yêu thương đều đạt 100% và với phẩm chất Chăm học, chăm làm đạt trên 99%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học là 100%.

Bên cạnh đó, học sinh Trường Tiểu học Thu Cúc 1 còn tham gia và đạt nhiều kết quả tốt tại các cuộc thi, hội thi giao lưu cấp huyện,



Hoạt động giữa giờ tại Trường TH Thu Cúc 1

tiểu. Nổi bật, trong năm học 2018 - 2019, Trường có 18 học sinh đạt giải trong Cuộc thi Viết chữ đẹp cấp huyện và 6 học sinh đạt giải trong Cuộc thi viết chữ đẹp cấp tỉnh, 1 học sinh đạt giải trong cuộc thi Giao lưu câu lạc bộ tiếng Anh cấp huyện. Để tạo môi trường giáo dục toàn diện, Trường đã tổ chức các hoạt động ngoại khóa như sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể thao, tổ chức các buổi mít tinh; Phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương, tổ chức xã hội, phụ huynh đảm bảo an ninh, trật tự trường học; phòng chống tội phạm, bạo lực, tệ nạn xã hội trong học sinh, đặc biệt là bạo lực học đường.

Với những thành tích đã đạt được, Trường Tiểu học Thu Cúc 1 được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Trong các năm học gần đây, Trường được UBND tỉnh Phú Thọ tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến và danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. Đây là động lực để cán bộ giáo viên nhân viên Nhà trường tiếp tục vững bước vươn lên tầm cao mới, góp phần tô điểm thêm vào thành tích chung của sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện Tân Sơn./

P.V

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 0866 - 7322. Số kỳ I - 7/2020 (577) Ra hàng tháng. Năm thứ 59

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 905/GP-BTTTT ngày 14-6-2011. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Đại hội đại biểu Đảng bộ Tổng cục Thống kê lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025 thành công rực rỡ

3. Hợp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2020

5. Hội thảo xin ý kiến về Danh mục nghề nghiệp Việt Nam

6. Hội thảo Đề xuất khung Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050

8. Một số nội dung chủ yếu phương án điều tra Nông thôn nông nghiệp giữa kỳ năm 2020

11. Những điểm mới trong điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ 2020

Đỗ Thái Sơn

12. Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020 - Những điểm cần lưu ý khi triển khai thu thập thông tin tại địa bàn

Đỗ Thị Thu Hà

KINH TẾ - XÃ HỘI

15. Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2020

20. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá đô la Mỹ tháng 6 năm 2020

21. Phòng vệ thương mại: Việt Nam - Chủ động đối phó tại thị trường xuất khẩu và bảo vệ sản xuất trong nước

Ngọc Linh

24. Doanh nghiệp FDI nhìn từ kết quả điều tra PCI 2019: Nhiều triển vọng tươi sáng

ThS. Đào Bùi Kiên Trung

26. Thị trường M&A gia tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp

ThS. Đặng Thị Lan

29. Khoa học và công nghệ - Thành tựu và thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội

Trần Thị Thu Trang

32. Thu hút vốn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Hà Nội

ThS. Vũ Thị Thúy Hằng

34. Quảng Bình: Công tác giảm nghèo và giải quyết việc làm đạt nhiều kết quả tích cực

Trần Quốc Lợi

38. Tin địa phương

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

39. Chỉ số giá xuất khẩu, nhập khẩu và tỷ giá thương mại một số hàng hóa ở Việt Nam giai đoạn 2011-2018

TS. Đinh Thúy Phương

QUỐC TẾ

41. Kinh tế toàn cầu kỳ vọng phục hồi hậu COVID-19

Thu Hoàng

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI TỈNH PHÚ THỌ

44. Phú Thọ: Tập trung nguồn lực phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Đinh Ngọc Thanh

45. Huyện Thanh Ba thực hiện hiệu quả 03 khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội

Minh Hùng

47. Phú Thọ: Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội

Thành Nam

49. Huyện Tân Sơn: Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, hướng tới phát triển nhanh, bền vững

Trọng Nghĩa

51. Trường Tiểu học Thu Cúc 1: Vượt khó khăn định chất lượng đào tạo

Kiều Thủy

TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THỊ XÃ PHÚ THỌ NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO NGHỀ

Những năm vừa qua, với việc triển khai thực hiện hiệu quả mọi mặt công tác, đa dạng hóa các chương trình đào tạo, đột phá về chất lượng giáo dục, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN - GDTX) Thị xã Phú Thọ (tỉnh Phú Thọ) đã đáp ứng nhu cầu học tập, nguyện vọng của nhân dân.

Thạc sỹ Nguyễn Trung Lập, Giám đốc Trung tâm cho biết: Xác định chất lượng là yếu tố quan trọng, đầu tiên cho sự duy trì và phát triển bền vững. Trung tâm đã xây dựng một tập thể đoàn kết, không ngừng phấn đấu, đổi mới nâng cao chất lượng dạy và học, cụ thể hóa phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý cũng như biên soạn giáo án. Bên cạnh đó, Trung tâm tập trung tích cực đào tạo và bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, bồi dưỡng công tác chủ nhiệm lớp; xây dựng kỷ cương nề nếp trong nhà trường. Hàng năm, tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp THPT luôn cao hơn tỷ lệ tốt nghiệp bình quân của khối GDTX trong tỉnh; năm 2019, tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT đạt 90,09% (vượt 14% so với tỷ lệ đỗ tốt nghiệp bình quân khối GDTX của cả nước). Qua từng năm học, quy mô của Trung tâm dần lớn mạnh, phát triển; chất lượng giáo dục luôn được khẳng định, đặc biệt là ý thức đạo đức của học sinh



Đồng chí Nguyễn Trung Lập, Bí thư chi bộ, Giám đốc Trung tâm trao giải cho các học sinh đạt giải trong cuộc thi Học sinh thanh lịch

thay đổi rõ rệt; tạo được niềm tin của phụ huynh học sinh và nhân dân đối với nhà trường, cụ thể: Nếu năm học 2015-2016 Trung tâm có 09 lớp với 286 học sinh thì tới năm học 2019-2020 Trung tâm đã có 16 lớp học với 626 học sinh. Số học sinh tăng hơn 2 lần so năm 2016.

Chia sẻ thêm về "Bí quyết" thu hút học sinh, Giám đốc Trung tâm cho hay: Trung tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, làm thay đổi nhận thức về giáo dục hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, giúp các em hiểu được học văn hóa kết hợp với học nghề là một lợi thế, sau 3 năm học, các em có bằng tốt nghiệp THPT lại vừa có bằng trung cấp nghề, có thể xin việc làm, có thu nhập ngay cho bản thân và phụ giúp gia đình hoặc rút ngắn thời gian khi theo học tại các trường Đại học và Cao đẳng... cùng việc liên kết với cơ sở đào tạo nghề uy tín

như Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ, qua thực tế, số học viên sau tốt nghiệp THPT và có bằng Trung cấp nghề hầu hết đã có việc làm ổn định theo đúng nghề chuyên môn đã học, có thu nhập khá ổn định... nên các em học sinh vừa học văn hóa vừa tham gia học trung cấp nghề đạt 95%/năm, với nhiều ngành nghề như: Công nghệ ô tô, Điện ô tô, Điện công nghiệp, Kỹ thuật điêu khắc gỗ, Thú y, Bảo vệ thực vật, Kế toán doanh nghiệp...

Không những chú trọng công tác dạy văn hóa chương trình GDTX cấp THPT kết hợp đào tạo Trung cấp nghề, Trung tâm còn tổ chức các lớp: Cập nhật kiến thức, Kỹ năng sống, Kỹ năng nghề nghiệp, Tin học, Ngoại ngữ cho học sinh, học viên; mở lớp sơ cấp nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp cho lao động nông thôn theo nguồn vốn của Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và theo chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước. Hầu hết người lao động sau đào tạo nghề biết ứng dụng kiến thức đã học vào sản xuất, kinh doanh dịch vụ, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho gia đình, nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo việc làm mới cho nhiều lao động thành viên.

Với những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của Tỉnh, của Thị xã, nhiều năm liền Trung tâm được lãnh đạo các cấp và nhân dân ghi nhận bằng những danh hiệu đáng tự hào. Chi bộ Đảng được công nhận cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, Trung tâm đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến./.

Kiều Thủy



Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động trên mạng như: Cuộc thi tự hào Việt Nam, tìm hiểu về Đảng cộng sản Việt Nam

BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỊ XÃ PHÚ THỌ **KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN**

Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ là bệnh viện hạng II trực thuộc Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ, hoạt động theo mô hình viện - trường với quy mô 400 giường bệnh. Những năm qua, vượt qua nhiều khó khăn đến từ sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ của các cơ sở y tế trong và ngoài Tỉnh, từ sự thay đổi cơ chế hoạt động tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập... Bệnh viện vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân và không ngừng phát triển để hòa chung xu thế đổi mới và phát triển của ngành Y tế tỉnh Phú Thọ.



Cơ sở vật chất và nhiều thiết bị hiện đại được đầu tư để nâng cao năng lực khám và điều trị

Để nâng cao chất lượng phục vụ và năng lực khám chữa bệnh. Bệnh viện đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng khối nhà điều trị nội trú 5 tầng, cải tạo lại các khoa phòng, khu sân, vườn để tạo không gian thoáng mát cho người bệnh; Đầu tư các trang thiết bị y tế hiện đại như: Máy CT-Scanner 16 dãy; máy siêu âm tại giường; máy điều trị sóng ngắn; máy thở; máy Xquang răng, máy truyền dịch... Đặc biệt, Bệnh viện còn triển khai phương pháp quản lý chất lượng bệnh viện 5S tại tất cả các khoa phòng, qua đó đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của Bệnh viện, mang lại sự hài lòng của bệnh nhân, đồng thời tiết kiệm được sức lực cho nhân viên y tế. Thông qua việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động, đã giúp rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính, việc triển khai bệnh án điện tử khiến cho việc tìm hiểu tiền sử bệnh tật của bệnh nhân nhanh chóng, từ đó mang lại hiệu quả cao trong việc chuẩn đoán và điều

trị. Đáng chú ý, hiện nay Bệnh viện đang lắp đặt và sử dụng “Thẻ Việt - Một thẻ quốc gia” có tính năng tích hợp nhiều dịch vụ công cộng, dịch vụ xã hội, trong đó lĩnh vực y tế bao gồm hồ sơ sức khỏe điện tử; đăng ký khám và thanh toán điện tử, đây là bước đi mang tính đột phá trong việc đổi mới hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện.

Năng lực khám và điều trị ngày càng được nâng lên

Với việc quan tâm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị khám và điều trị hiện đại, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, y bác sỹ, cộng với việc đổi mới tinh thần và thái độ phục vụ người bệnh... năng lực và chất lượng khám chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ đã không ngừng được nâng lên. Bệnh viện đã triển khai được nhiều kỹ thuật mới như: Ghép da tự thân mảnh dơi; phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai, gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay,

gãy thân xương đùi; mổ nội soi cắt thận X; Lasser nội mạch; phẫu thuật thay khớp háng bán phần; tán sỏi qua da theo đường hầm nhỏ; phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn; siêu âm Doppler xuyên sọ... Đặc biệt, năm 2019 Trung tâm xét nghiệm trực thuộc Bệnh viện đã đi vào hoạt động, đây là trung tâm có quy mô vùng, có thể triển khai được những các xét nghiệm kỹ thuật cao như: Các xét nghiệm chuẩn đoán ung thư sớm; xét nghiệm chuẩn đoán bệnh nội tiết... giúp người bệnh được tiếp cận dịch vụ ngay tại bệnh viện tuyến huyện, góp phần giảm tải cho tuyến trên và giảm chi phí khám, chữa bệnh cho người bệnh.

Hiện nay, với việc thực hiện lộ trình tự chủ tài chính, việc đổi mới và nâng cao chất lượng khám và điều trị để thu hút được bệnh nhân, đang được Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ triển khai hiệu quả. Nhằm thực hiện tốt nhất công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Minh Châu

